L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀN VỀ LỊCH-SỬ VĂN-MINH ÂU-CHÂU

Ai nói đến văn-minh ngày nay tức là chỉ ngầm văn-minh Âu-châu ; ai nói đến các nước văn-minh tức là chỉ ngầm các nước bên Thái-Tây. Không phải rằng ngoài văn-minh Âu-châu không có văn-minh nào khác nữa, ngoài các nước Thái-Tây không có nước nào là nước văn-minh. Nói thế thì sai quá, vì khắp trên mặt đất này còn nhiều nước văn-minh cổ hơn các nước Thái-Tây nhiều. Nhưng văn-minh Âu-châu là cái văn-minh hay nhất, đẹp nhất, màu-nhiệm nhất, trọn-vẹn nhất, gồm cả vật-chất, cả tinh-thần, hòa được cả cái tinh-hoa của các văn-minh cũ, khiến cho loài người ta thật là xứng đáng làm chúa-tể cả vũ-trụ, vừa lấy cái tư-tưởng mà thấu được muôn lẽ, vừa lấy cái sức mạnh mà phục được muôn loài. Phàm những dân những nước vốn sinh-trưởng ở trong các văn-minh khác, ngày nay cũng phải bỏ để ra theo-đòi học-tập lấy cái văn-minh Âu-châu mới có thể sống được ở đời này. Coi đó thì biết văn-minh Âu-châu thật là cái văn-minh độc-nhất-vô-nhị trong thế-giới bây giờ, cái văn-minh « đại-đồng » của cả loài người từ nay về sau. Cái văn-minh ấy, có người lấy con mắt chán đời mà bác được, nói rằng không đủ làm cho người ta sung-sướng, chỉ đủ thêm sự lao-động mà thôi. Nhưng không ai thoát ra ngoài được, dẫu người không ưa cũng không ra ngoài được, vì nó hợp với đời quá, nó thâm-thiết quá, nó bao gồm hết cả cái trường sinh-hoạt của người ta, muốn thoát thì phải thoát cả sự sống mới được ! Cho nên biết bao nhiêu người oán-thán cái văn-minh ngấy nay, thương tiếc thủa hoàng-kim đời trước, mà ai ai cũng phải chịu pháp-luật sắt-đá của cái văn-minh ấy nghiêm hơn phép thiên-nhiên của Tạo-vật.

Vậy có thể nói rằng hiện nay bao nhiêu người sống trên mặt đất này, dù mọi rợ đến đâu, cũng là ở trong cái ảnh-hưởng của văn-minh Âu-châu cả. Bởi những duyên-cớ gì mà cái tia sáng mới nhóm lên từ hai ba nghìn năm ở trên bờ Địa-trung-hải (Méditerranée) kia, ngày nay thành trăm nghìn vạn bó đuốc soi sáng cả hoàn-cầu, rực-rỡ như đám cháy muôn năm ? Bởi những cơ-hội gì mà mấy dân kia trước cũng ăn lông ở lỗ như người, nay làm chúa-tể cả muôn vật, bay trên không, lặn dưới bể, địch với Tạo-vật như chơi ? Khảo lịch-sử Âu-châu mà biết được những cơ-hội đó, hiểu được những duyên-cớ đó thì còn gì hay bằng. Nhưng văn-minh là một cái khối hồn-nhiên, qua đời nọ sang đời kia, mỗi ngày như kết-tinh lại, mắt người nhìn vào như thấy trăm cạnh nghìn khía sán-lạn rực-rỡ, mà không thể bửa ra phân-tách từng phần được. Cho nên không thể xét như xét về hóa-học, soi bằng kính hiển-vi được. Song cái văn-minh ấy cũng có sinh có thành như các vật khác trong trời đất. Tuy không thể biết được cái nguyên-chất mà có thể xét

được cái cách sinh-thành tiến-hóa thế nào. Đó tức là cái mục-đích của các nhà sử-học xưa nay muốn suy-tầm cho biết văn-minh phát-tích thế nào, sinh-thành thế nào, tiến-hóa thế nào và kết-quả thế nào.

Guizot (Ghi-dô) tiên-sinh là một nhà sử-học có tiếng ở nước Pháp về tiền-diệp [1] thế-kỷ thứ 19. Tiên-sinh thường dạy ở trường Đại-học Sorbonne (Sô-bôn), giảng về lịch-sử văn-minh Âu-châu và văn-minh nước Pháp, thiên-hạ đến nghe giảng nhiều lắm. Trong khoảng ba năm 1828, 1829, 1830, không những các bậc thiếu-niên tuấn-tú, mà hết cả các hạng người danh-giá ở Paris, đều tranh nhau đến trường Đại-học mà nghe tiên-sinh giảng-thuyết. Những bài đó rồi sau in ra sách, thành một nền văn-chương bất-hủ, đến ngày nay vẫn còn nhiều người đọc. Chúng tôi tưởng muốn cho người mình thuộc lịch-sử Âu-châu, không gì bằng dịch những bài giảng-thuyết ấy ra quốc-văn, cho ai nấy đọc mà suy-nghĩ, để rộng thêm trí-thức. Vả những sách như sách này là sách cần, trước sau rồi cũng phải dịch. Dịch những sách này còn hơn là ngồi bàn phiếm về văn-minh thịnh-suy thăng-giáng. Sách có 14 thiên, tức là 14 bài giảng-thuyết, bắt đầu từ khi La-mã (Rome) bị tan cho đến thế-kỷ thứ 19. Bài đầu là bài tổng-luận.

Ph. Q.

Bài thứ nhất

Toát-yếu. — Mục-đích của khóa học này. — Bàn về lịch-sử văn-minh Âu-châu. — Địa-vị nước Pháp trong văn-minh Âu-châu. — Văn-minh có thể kỹ-thuật được. — Văn-minh là cái việc lớn nhất trong lịch-sử. — Giải về cái nghĩa thông-thường của chữ *văn-minh*. — Trong văn-minh có hai phần chính: một là sự phát-đạt của xã-hội; hai là sự phát-đạt của mỗi người. — Chứng rõ về hai phần đó. — Hai phần đó là liền-tiếp với nhau, có một tất sớm trưa phải có cả hai mới thành. — Vận-mệnh người ta có phải là gồm cả ở cái thân-phận trong xã-hội không, hay còn có một phần nào cao-xa hơn nữa? — Lịch-sử văn-minh có thể xét và bày ra hai phương-diện được. — Nói qua về cái chương-trình khóa học này. — Kết-luận về cái nhân-trí đời nay và sự tương-lai của văn-minh.

Các ông,

Tôi được các ông đón tiếp như thế này, lấy làm cảm-tạ lắm. Tôi tưởng cái bụng các ông hoan-nghênh tôi tức là cái cảm-tình nó vẫn nối các ông với tôi từ trước tới nay, dù xa cách nhau trong bấy lâu mà không hề phai-nhạt đi chút nào. Tôi nói cái cảm-tình không hề phai-nhạt, tựa-hồ như các ông ngồi nghe tôi đây tức là những người bảy năm trước cũng đã từng đến nghe tôi giảng học ở chốn này... Nhưng mà tôi lầm, tôi thấy các ông có bụng yêu mà đón tiếp như thế này, mừng quá thành ra quên mất cả.... Tôi đến đây là lần thứ hai, tôi tưởng cái gì cũng theo tôi mà trở lại cả, tưởng không có cái gì thay đổi hết: không biết rằng cái gì cũng đã thay đổi cả rồi, mà thay đổi quá rồi! Bảy năm trước chúng tôi bước chân vào nhà Đại-Học này nửa lo nửa sợ, như có cái gì nặng trong lòng, buồn trong trí; biết rằng chung quanh mình đầy những sự khó-khăn, sự nguy-hiểm cả; biết rằng bị xua đẩy vào cõi ác-nghiệp, mà ra công hết sức lấy sự cẩn-trọng, sự nghiêm-trang, sự lễ-nhượng mà cố tránh cho được. Ngày nay các ông với tôi ta bước chân vào đây trong bụng vững-vàng, ai cũng có cái hi-vọng cả, vừa được yên-ổn trong lòng mà vừa được thư-thái trong trí. Ta muốn cảm

(1) **Tiền-diệp** 前葉 Phần trước, nửa trước, ở đây là chỉ năm mươi năm đầu thế-kỷ thứ 19. — La première moitié, la première partie (du siècle).

cái ơn ấy cho xứng-đáng, tưởng chỉ có một cách như thế này : là trong khi ta họp-tập, ta học-hành ở đây, nên cứ giữ lấy sự cẩn-trọng, sự lễ-nhượng như xưa, như cái hồi mà ngày nay ngồi học không chắc ngày mai có khỏi bị bãi, bị đóng cửa hay không. Xưa nay cái hạnh-phúc chỉ ở một sự mảy may, không lấy gì làm chắc cả ; sự hi-vọng cũng phải cẩn-thận như cái lòng sợ-hãi đó mới được ; khi bệnh mới đã, lại cần chăm-chỉ bồi-bổ hơn là khi bệnh còn sắp tới. Tôi chắc rằng các ông cũng đã hiểu rõ các lẽ đó. Những buổi khó-khăn ta đã biết đồng-tình đồng-ý với nhau mà tránh được khỏi những sự lầm-lỗi, đến ngày nay là buổi dễ-dàng ta cũng lại phải nên đồng-tâm đồng-ý mà hưởng sự lợi-ích chung. Tôi trông mong ở các ông đó, tôi không cần phải nói nhiều lời [1].

Nay đến cuối năm không còn bao lâu nữa. Tôi cũng không được mấy thì-giờ mà nghĩ kỹ những bài học phải giảng cho các ông. Tôi có tìm xem cái đầu bài nào là vừa khu được trong khoảng mấy tháng từ giờ đến hết năm, vừa gọn trong cái thì-giờ ít-ỏi để tôi sửa soạn cho kịp. Tôi xét ra nên tổng-luận về lịch-sử Âu-châu đời cận-đại[2], xét riêng về đường văn-minh tiến-hóa, tức là kể đại-khái cái lịch-sử của văn-minh Âu-châu, xét duyên-do nó thế nào, nó tiến-bộ làm sao, cùng cái mục-đích, cái tính-cách nó thế nào ; tôi tưởng một cái đầu bài ấy cũng vừa gọn trong khoảng thì-giờ của ta. Vậy đó là cái đề-mục tôi định bàn với các ông từ nay.

Tôi nói văn-minh Âu-châu : chắc hẳn là có một cái văn-minh chung của Âu-châu ; các nước Âu-châu tuy mỗi nước khác nhau, mà gồm lại có một cái văn-minh giống nhau ; tuy mỗi đời, mỗi xứ, mỗi cơ-hội có khác nhau nhiều, mà ở đâu cái văn-minh đó cũng do bấy nhiêu việc mà ra, cũng có bấy nhiêu cái nguyên-nhân, cũng sinh ra bấy nhiêu sự kết-quả. Vậy thì quyết là có một cái văn-minh Âu-châu ; tôi bàn đây là bàn về toàn-thể cái văn-minh ấy.

Nay cái văn-minh ấy không phải là riêng cho một nước nào ở Âu-châu, muốn xét lịch-sử cái văn-minh ấy không thể xét riêng lịch-sử một nước nào ở Âu-châu được. Nói rằng cái văn-minh ấy nhất-thể, không phải là văn-minh nước nào cũng như nước nào đâu. Cái văn-minh ấy không phải là phát-đạt riêng ở một nước nào. Muốn hội lấy cái tình-hình nó, phải tìm ở khắp các nước mới được : khi thì nước Pháp, khi thì nước Anh, khi thì nước Đức, khi thì nước Ý-đại-lợi (Italie), khi thì nước Tây-ban-nha (Espagne), phải gồm mỗi nước một phần mới dựng được cái lịch-sử văn-minh Âu-châu.

Ta là người nước Pháp, thật là được đứng cái địa-vị tốt để mà khảo-xét về văn-minh Âu-châu. Không nên quá khen ai, dẫu quá khen nước mình cũng vậy. Song tôi tưởng nói nước Pháp là nơi trung-tâm, là cái lò đúc văn-minh của Âu-châu, cũng không phải là nói quá-đáng vậy. Bảo rằng nước Pháp bao giờ, về phần nào, cũng vẫn đi đầu cả các nước, thì quá thật. Vì nước Pháp đã từng nhiều lần bị nước khác

(1) Nước Pháp hồi bấy giờ chưa được ngôn-luận tự-do như ngày nay. Các ông giáo Đại-học thường bị bãi vì không được đẹp lòng Chính-phủ. Tiên-sinh bảy năm trước cũng bị như vậy, đến nay Chính-phủ đã khoan-dung mà lại được ra dạy lần nữa, được tự-do khỏi phải bó buộc như trước, tiên-sinh hồi-tưởng đến việc cũ cảm mà nói mấy lời đó với học-trò, trước là để cám ơn cái bụng học-trò hoan-nghênh, sau là để dặn ai nấy vẫn nên giữ cẩn-thận như xưa.

(2) **Cận-đại** 近代 = Thời-kỳ trong lịch-sử bắt đầu từ thế-kỷ thứ mười lăm cho đến ngày nay. — LES TEMPS MODERNES.

tiến-bộ hơn mình, như về đường mĩ-thuật có lúc kém nước Ý, về đường chính-trị có lúc kém nước Anh. Có lẽ về nhiều đường khác nữa, lắm lúc có nước khác còn giỏi hơn nước Pháp nhiều; nhưng mà ai cũng phải công-nhận rằng mỗi lần nước Pháp bị kém người trong cuộc văn-minh, thì chẳng bao lâu lại phấn-khởi lên ngay và tiến lên cho kịp bằng, có khi cao hơn các nước khác. Ấy cái vận-mệnh riêng của nước Pháp là như vậy; không những thế, mà phàm các tư-tưởng, các chế-độ (*institutions*) làm ra văn-minh, dẫu phát-khởi ra tự nước khác mà muốn đem truyền-bá đi cho rộng cho khắp, cho giúp được vào cuộc văn-minh chung của Âu-châu, thì bao giờ cũng phải đem qua sang nước Pháp chịu một lần đào-thải nữa, rồi tự nước Pháp mới tràn ra khắp Âu-châu, khác nào như nước Pháp là nơi tái-tạo ra những tư-tưởng, chế-độ đó vậy. Không có một cái lý-tưởng cao nào, không có một cái chủ-não lớn về văn-minh là không qua ở nước Pháp đã, rồi mới tràn đi khắp mọi nơi.

Là bởi trong tinh-thần nước Pháp có một cái phần dễ giao-tiếp, dễ đáng yêu, một cái phần truyền-bá ra ngoài mau hơn và mạnh hơn là tinh-thần các nước khác: hoặc bởi cái ngôn-ngữ văn-tự của ta, hoặc bởi cái trí-tuệ của ta, hoặc nữa bởi phong-tục ta, không biết vì đâu mà phàm cái tư-tưởng của ta bao giờ cũng dễ phổ-cập trong công-chúng, dễ trình-bày ra cho người thường nghe và hiểu được. Nói tóm lại sự sáng-sủa, sự đậm-đà, cái duyên nó làm cho đáng yêu mến, đó là mấy cái đặc-tính của nước Pháp, của văn-minh nước Pháp, và nhờ đó mà nước Pháp được có tư-cách đứng đầu cả các nước văn-minh Âu-châu.

Vậy thời muốn xét lịch-sử cái việc lớn trong thiên-hạ là cái văn-minh đó, lấy nước Pháp là nơi trung-tâm, không phải là một sự quá-đáng hay là một sự miễn-cưỡng gì; tức là đặt mình vào ngay giữa cuộc văn-minh Âu-châu, tức là đặt mình vào ngay giữa cái việc lớn mình muốn xét đó.

Tôi nói văn-minh là một việc (*un fait*), tôi nói thế là có ý vậy, vì văn-minh thực là một việc cũng như mọi việc khác, một việc có thể đem ra mà khảo-xét, mà hình-dung, mà tự-thuật được, cũng như mọi việc khác.

Gần đây nghe nhiều người nói cần nên hạn sử-học ở trong những việc thực, lấy sử-học làm một môn chỉ kê-cứu việc thực mà thôi: thật là phải lắm. Nhưng mà những việc thực có thể kê-cứu được không phải là ít, mà cũng không phải là chỉ có một hạng mà thôi, như người ta mới xét thường tưởng lầm như thế. Có những việc thuộc về vật-chất (*matériel*), như việc chiến-tranh, việc-sắp đặt của các chánh-phủ, là những việc hiển-nhiên, mắt người trông thấy; lại có những việc thuộc về tinh-thần (*moral, spirituel*), là những việc u-ẩn, tuy mắt không trông thấy mà không phải là không có; lại có những việc riêng của từng người, người nào có tên người nấy; lại có những việc chung cho cả nước, không biết gọi tên là gì, không thể đặt vào giới-hạn nào, cũng không thể định cho ngày tháng nào, mà cũng là việc thực như việc khác, cũng là việc thuộc về lịch-sử cả, nếu bỏ đi không nói đến thì lịch-sử thành ra khuyết-hám.

Trong sử-học có cái phần người ta thường gọi là phần « triết-lý của sử-học » (*philosophie de l'histoire*), nghĩa là cái phần xét các việc quan-hệ với nhau thế nào, liên-tiếp với nhau thế nào, nguyên-nhân kết-quả thế nào, thì cái phần đó cũng là những việc thực cả, cũng là lịch-sử, như những việc chiến-tranh hay là những việc hiển-nhiên mắt người trông thấy. Chắc là những việc vô-hình như vậy thì phân-

giải ra tất có khó hơn, thường hay lầm hơn, khó đem ra mà phô bày cho rực-rỡ, cho linh-hoạt được ; nhưng mà sự khó ấy có hề chi đến cái tính-chất của những việc đó, những việc đó không phải là vì khó xét mà không thuộc về lịch-sử nữa, không phải là phần cốt-yếu của lịch-sử nữa.

Văn-minh tức là một việc như vậy : việc chung, bao gồm hết thảy, mà là việc u-âm, việc vô-hình, việc rất phiền-phức, tôi cũng chịu rằng rất khó tả cho rõ, thuật cho tường được, nhưng không phải là không cần phải tả, phải thuật ra cho được. Đối với cái việc đó, người ta có thể khởi ra nhiều vấn-đề : như có thể hỏi rằng việc đó là một cái phúc hay là một cái họa cho nhân-loại. Có người lấy việc đó làm buồn, có người lấy việc đó làm vui. Lại có thể hỏi rằng việc đó có phải là một việc « đại-đồng » không ; có một cuộc văn-minh chung cho cả thiên-hạ không ; có một cái vận-mệnh chung cho cả loài người không ; các dân các nước đời nọ sang đời kia có truyền cho nhau một cái gì không bao giờ mất được mà mỗi ngày lại tăng-gia mãi lên, như một cái của báu truyền đến muôn đời không. Về phần riêng tôi thì tôi chắc rằng loài người ta có một cái vận-mệnh chung, tôi chắc rằng văn-minh là một cái của báu đời nọ truyền sang đời kia, vậy thì văn-minh có một cái lịch-sử chung, các nhà sử-học phải nên khảo xét. Nhưng mà đó là những vấn-đề lớn-lao quá, khó giải quá ; nay nếu hạn lại trong mấy thế-kỷ, mấy dân-tộc mà thôi, chọn lấy một khu nhất-định trong thời-gian (*le temps*) không-gian (*l'espace*) mà ra công khảo xét về cái lịch-sử văn-minh trong một khu ấy, thì chắc văn-minh là một việc tả được, thuật được, là một việc cũng có lịch-sử như mọi việc khác, mà cái lịch-sử đó là các lịch-sử lớn-lao hơn cả, bao gồm cả các lịch-sử khác.

Các ông thử nghĩ xem, văn-minh chẳng phải là cái mối tuyệt-phẩm, cái mối đại-đồng, bao nhiêu các việc khác đều kết-cục ở đó, bao gồm lại đó, ư ? Thử xét các việc trong lịch-sử một nước, những việc mà người ta thường cho là cái phần cốt-yếu của sự sinh-hoạt nước ấy, như các chế-độ trong nước, sự buôn-bán, sự công-nghệ, việc chiến-tranh, cùng là hết thảy các công việc của chánh-phủ nước ấy ; muốn gồm cả lại mà xét cái đại-thế, xem mọi việc liên-tiếp với nhau thế nào, muốn cân-nhắc, muốn phẩm-bình thì lấy gì làm chuẩn-đích ? Tất phải xét xem những việc ấy đã giúp vào sự văn-minh của dân ấy được những gì, đã có một phần gì trong cuộc văn-minh, đã ảnh-hưởng vào cuộc văn-minh thế nào. Có xét như vậy thì không những mới hiểu được tường các việc đó, mà mới có thể cân-nhắc phẩm-bình được, biết cái chân-giá-trị nó thế nào : mỗi việc tức cũng ví như một con sông đổ nước ra bể, nay mình xét xem cái phần nước của mỗi con nhiều ít là dường nào. Văn-minh tức là cái bể lớn, gồm cả của-cải trong một dân, bao nhiêu những phần cốt-yếu cho sự sinh-hoạt dân ấy, bao nhiêu những tinh-lực của dân ấy, đều tụ-họp cả vào đó. Điều đó thật quả-nhiên như vậy, nên nhiều việc vốn là những việc xấu việc sằng, làm cho các dân-tộc khốn-nạn khổ-sở, như cái chính áp-chế, cái chính phá-hoại, hại cho người ta biết bao nhiêu, như vậy mà nếu những việc đó đã có giúp được phần nào vào sự văn-minh, đã làm cho văn-minh tiến được bước to, thì cũng có thể dung-thứ cho được, quên cái phần xấu phần ác mà chỉ nhớ đến sự ích sự lợi mà thôi. Cho nên phàm nhận đâu có chút văn-minh, phàm thấy việc gì là việc đã giúp cho văn-minh tăng-tiến, thường không nghĩ đến cái công nặng nhọc là dường nào mới được như vậy.

Lại có những việc không thể gọi là việc của xã-hội được, tức là những việc riêng của từng người, chỉ quan-hệ đến tính-tình người ta mà không can-thiệp gì đến sự sinh-hoạt chung, như lòng tin-ngưỡng về tôn-giáo, sự tư-tưởng về triết-học, như các khoa-học, các mĩ-thuật, các văn-chương. Những việc đó tưởng là những việc chỉ có quan-hệ đến từng người, hoặc làm cho người ta vẻ-vang tốt-đẹp, hoặc khiến cho người ta khoan-khoái vui sướng, nghĩa là chỉ chủ sự ích-lợi, sự vui-thú trong tính-tình mà không có can gì đến công việc trong xã-hội. Thế mà những việc đó cũng phải lấy cái phương-diện về văn-minh mà khảo xét mới được. Đời nào cũng vậy, nước nào cũng vậy, tôn-giáo vẫn lấy sự khai-hóa cho các dân các nước làm một sự vẻ-vang ; khoa-học, văn-chương, mĩ-thuật, phàm những sự làm vui thú cho tính-tình người ta, cũng muốn một phần trong cái công vẻ-vang đó. Nếu xét ra quả xứng-đáng cái công đó thật, thì người ta tất khen ngợi và cho là những việc có ích. Như vậy thì những việc rất quan-trọng, những việc cao-thượng, quan-trọng không phải về sự kết-quả ra ngoài, cao-thương chỉ là đối với tâm-tính người ta, mà nếu đem ra so-sánh với cuộc văn-minh thì lại càng quan-trọng là bao nhiêu, lại càng cao-thượng biết dường nào.

Ấy cái giá-trị của văn-minh như vậy, giá-trị to cho đến nỗi phàm việc gì có quan-hệ với văn-minh cũng là nhân đó mà thành có giá-trị cả. Không những nhân đó mà thành có giá-trị ; cũng có lắm lúc những việc ta nói đây, nghĩa là cái lòng tin-ngưỡng về tôn-giáo, sự tư-tưởng về triết-học, văn-chương, mĩ-thuật, tự nó có ảnh-hưởng vào cuộc văn-minh, và phải xét riêng về sự ảnh-hưởng đó; khi ấy thì lấy sự ảnh-hưởng đó it hay nhiều mà lường cái giá-trị, cái công-đức của những việc đó nhỏ hay to vậy.

Vậy thì trước khi xét về lịch-sử văn-minh, ta hãy đem cái văn-minh đó mà quan-niệm, và tự hỏi nó là cái gì mà to-tát, mà rộng-rãi, mà quí-báu, mà bao gồm được cả sự sinh-hoạt của các dân các nước như vậy ?

Tôi không có bàn xuông về triết-học làm gì ; tôi không có đề-xướng ra một cái nguyên-lý trước, rồi nhân đó suy-diễn ra mà kết rằng văn-minh là thế này, hay là thế kia, cái cách nghị-luận đó hay khiến cho người ta dễ lầm lắm. Văn-minh đây tức là một việc có thể kinh-nghiệm được, có thể diễn-giải được.

Cái tiếng « văn-minh » (*civilisation*) đó là một tiếng người ta thường dùng đã lâu và dùng trong nhiều xứ : cái ý-nghĩa nó hoặc rộng, hoặc hẹp, hoặc có khi rõ-ràng, hoặc có khi chưa được rõ lắm ; nhưng người ta vẫn thường dùng và nói vẫn hiểu nhau. Bây giờ ta phải giải lấy cái nghĩa thông-thường của nó, cái nghĩa chung, cái nghĩa ai cũng dùng, ai cũng hiểu. Phàm những tiếng những chữ thường dùng, bao giờ cũng có một cái ý-nghĩa chung, cái ý-nghĩa thông-thường, cái ý-nghĩa đó thường lại đúng hơn là những câu giải-nghĩa rất đúng của khoa-học. Vì cái gì làm cho các chữ các tiếng có nghĩa lưu-thông khắp mọi nơi ? Tức là cái lẽ thường (*bons sens*) của người ta, và cái lẽ thường đó chính là phần tinh-thần của nhân-loại vậy. Như cái nghĩa thường của một tiếng gì là dần dần mà thành ra, nhân việc thực mà thành ra : một việc xảy ra, xem nó thuộc vào nghĩa một chữ đã thường dùng, thì tự-nhiên sáp-nhập vào cái nghĩa đó ; rồi nhân đó mà cái nghĩa chữ ấy càng ngày càng rộng ra, vì khi nào có cái việc gì, cái ý gì cũng thuộc vào đó, cũng tương-tự như vậy, tất lại tự-nhiên mà sáp-nhập vào đấy. Chớ đến như những tiếng mà khoa-học đã định nghĩa, thì thường thường là do một vài người, nhân một việc riêng gì xảy ra, lấy đấy làm bằng mà định. Như vậy nên thường nghĩa của khoa-học

định hay hẹp, và vì hẹp nên không được đúng bằng cái nghĩa lưu-thông. Nay ta lấy văn-minh làm một việc thực mà ta khảo xét cái nghĩa chữ văn-minh theo cái lẽ thường của người ta mà tìm cái ý-nghĩa gồm trong chữ đó, tưởng làm như vậy còn hiểu rõ văn-minh hơn là dùng phép khoa-học má cố định lấy một cái nghĩa cho thật rõ thật đúng.

Trước khi khảo xét như vậy, tôi hãng giả-thiết mấy điều mà thử hỏi các ông ; tôi tả cho các ông coi mấy cái tình-trạng của xã-hội, rồi tôi thử hỏi cứ theo lẽ thường của người ta thì mỗi tình-trạng ấy đã gọi được là văn-minh chưa, đã hợp với cái nghĩa chung của chữ văn-minh chưa.

Nay có một dân cái cách sinh-hoạt bề ngoài được êm-đềm tiện-lợi : sưu-thuế ít, không có điều gì khốn-khó ; việc hình án được công-bằng, không ai phải oan-uổng ; nói tóm lại thì cái bề vật-chất đại-để đều được bình-thường ổn-thỏa cả. Nhưng đến cái bề tinh-thần tri-thức thì như bị cố-ý ngăn-cấm, không mở-mang ra được, người dân u-u mê-mê, bị áp-chế mà không biết rằng áp-chế, một dân như vậy không phải là không có. Xưa nay đã từng thấy những nước cộng-hòa nhỏ (*petites républiques*) bao nhiêu quyền-lợi ở tay một đảng qui-tộc. còn nhân-dân thì coi như lũ trâu ngựa chỉ cốt cho ăn no ngủ kỹ không thiếu thốn gì, còn ngoại-giả không để cho có chút học-thức tư-tưởng gì cả. Như vậy có phải là văn-minh không ? Như vậy có phải là một dân có văn-minh không ?

Nay ta lại giả-thiết một dân khác : dân này thì sự sinh-hoạt bề ngoài không được êm-ấm bằng dân kia, song cũng dễ chịu, không đến nỗi khốn-khổ gì. Về bề tinh-thần cũng không đến nỗi nhãng bỏ : cái linh-hồn cũng được nuôi-nấng như thân-thể ; dạy cho dân có bụng cao-thượng trong-sạch ; cái lòng tin tôn-giáo, thờ đạo-đức đã đến được trình-độ cao-cao. Nhưng đến cái lòng ham tự-do thì cố-ý làm cho tiêu tắt đi. Có chăm-chút đến phần tinh-thần, nhưng có chừng mà thôi, như định cho mỗi người chỉ được biết bấy nhiêu, không cho ai được tự mình tìm tòi cho đến cùng. Tinh-thần như bị ngưng-trệ, không tiến lên được. Ay phần nhiều các dân Á-châu bị thần-quyền (*pouvoir théocratique*) áp-chế, thường như thế cả ; như dân Ấn-độ (Inde) vậy. Vậy thì tôi lại hỏi như trên kia : một dân như vậy có phải là dân có văn-minh không?

Bây giờ tôi lại đổi khác đi mà giả-thiết một dân như thế này : trong dân này cái quyền tự-do của mỗi người to lắm, nhưng mà trong xã-hội rối-loạn cả, các hạng người không được bình-đẳng : ai mạnh thì được, không có trật-tự gì cả ; người nào yếu thế thì bị áp-ức, bị khổ-nhục, rồi mà đến lụn-bại. Trong xã-hội chỉ lấy sự tàn-bạo mà đãi lẫn nhau. Ai là người không biết cái tình-trạng đó chính là tình-trạng Âu-châu đời xưa. Một nước như vậy có phải là nước văn-minh không? Chắc trong nước ấy có nhiều phần văn-minh, rồi sau này có thể phát-đạt ra được. Song cứ lấy cái đại-thế mà xét, cứ suy cái lẽ thường làm bằng, thì quyết chưa gọi là văn-minh được.

Nay tôi lại giả-thiết một cái tình-trạng như thế này nữa, là số thứ tư, rồi thôi. Nước này thì cái quyền tự-do của mỗi người cũng to lắm ; các hạng người đại-để cũng được bình-đẳng. Mỗi người có quyền muốn làm gì thì làm, và không phải chịu kém gì ai. Nhưng trong nước chẳng có gì là việc công-ích công-lợi, không có gì là công-cuộc chung của xã-hội ; nói tóm lại cái tài-nặng của mỗi người chỉ phát-đạt riêng cho người đó, người nọ người kia không có ảnh-hưởng gì đến nhau, không có để cái di-tích gì lại cho nhau ; đời nọ đời kia kế tiếp nhau,

mà không làm cho xã-hội tiến được chút nào, lúc mới sinh ra xã-hội thế nào lúc chết đi xã-hội cũng vẫn thế : đó là cái tình-trạng các bộ-lạc (*peuplades*) dã-man ; ai cũng được tự-do, ai cũng được bình-đẳng cả, đã cố-nhiên rồi, mà thử hỏi có phải là văn-minh không, quyết không phải là văn-minh vậy.

Tôi có thể giả-thiết ra nhiều cái tình-trạng khác nữa ; nhưng tôi tưởng thế này cũng đủ biện-biệt được cái nghĩa phổ-thông, cái nghĩa tự-nhiên của chữ *văn-minh*.

Bấy nhiêu cái tình-trạng tôi kể trên đó đã rõ-ràng là không có cái nào hợp với nghĩa chữ văn-minh theo lẽ thường của người ta. Sao vậy ? Tôi xét ra cái điều thứ nhất gồm ở trong chữ văn-minh đó (cứ coi lại mấy cái thí-dụ tôi vừa kể trên kia thì đủ biết) là sự tiến-bộ, sự phát-đạt luôn ; nghĩa là một dân nào văn-minh là cứ tiến luôn, tiến để cho mỗi ngày một hơn lên, không phải biến dề cho khác cũ mà thôi ; một dân như vậy thì cái tình-trạng càng ngày càng tốt mãi ra, càng ngày càng hay hơn lên. Nên tôi tưởng rằng cái ý tiến-bộ, phát-đạt là cái ý cốt-yếu trong văn-minh.

Nay phải xét sự tiến-bộ ấy thế nào, sự phát-đạt ấy làm sao. Xét cho tường được cũng khó lắm.

Cứ lấy cái gốc chữ văn-minh mà xét thì tưởng đã rõ-ràng lắm rồi : *văn-minh* là văn-vẻ sáng-sủa, nghĩa là mọi việc trong xã-hội đều được tốt-đẹp, càng ngày càng tốt-đẹp hơn lên, sự giao-tiếp của người ta với nhau được mở-mang rộng-rãi.

Ấy ai nói đến chữ *văn-minh* tất cũng hiểu như vậy ; tất ai cũng nghĩ rằng văn-minh là mọi việc giao-tế trong xã-hội đều được phát-đạt, được chỉnh-đốn, được thịnh-vượng : một bên thì cái sức mạnh, sự sung-sướng trong xã-hội mỗi ngày một tăng thêm lên ; một bên thì cái sức mạnh sự sung-sướng ấy san-sẻ cho khắp mọi người trong xã-hội được công-bằng.

Nhưng các ông thử nghĩ : có phải chỉ có thế mà thôi không ? Giải nghĩa văn-minh như thế đã là hết cái nghĩa phổ-thông, hết cái nghĩa tự-nhiên của chữ *văn-minh* chưa ? Trong văn-minh không còn có gì nữa hay sao ?

Khởi ra cái vấn-đề đó cũng tức như là phát ra câu hỏi rằng : loài người ta xét cho cùng có phải chỉ là một đám đông người, một cái xã-hội chỉ cần cho có trật-tự, được sung-sướng là đủ, người ta cứ hễ làm được nhiều, chia của cho nhau được công-bằng, thế là cái mục-đích văn-minh được trọn vẹn mà con đường tiến-bộ được thành công ; có phải thế hay không ?

Giải nghĩa cái thân-phận người ta trong thế-gian một cách hẹp hòi như vậy, thì lòng người không sao ưng-nhận được. Chữ *văn-minh* trong trí người ta tưởng hình như nó có một cái nghĩa cao rộng hơn nữa, phiền-phức hơn nữa, mà không có khu-khu trong vòng giao-tế của xã-hội, không có lấy cái sức mạnh, sự sung-sướng làm mục-đích được.

Ấy là trong lòng trong trí người ta phảng-phất như vậy ; nay cứ lấy sự thực, cứ lấy cái công-luận trong nhân-quần, cứ lấy cái nghĩa phổ-thông của chữ *văn-minh* mà xét cũng thấy đúng như thế.

Tỉ như nước La-mã (Rome) vào đời dân-chủ cực thịnh, sau cái trận với Ca-tát (Carthage) lần thứ nhì, đương lúc trong nước lắm người tài-đức, thế nước muốn bành-trướng ra khắp trong thiên-hạ đời bấy-giờ, thật là buổi cái quốc-gia La-mã đương toàn-thịnh. Nay đem sánh với nước La-mã về đời vua Auguste (Âu-gút), vào lúc thế nước đã bắt đầu suy, xã-hội không thấy tiến nữa, những tà-thuyết đã khởi lên bời-bời. Tuy vậy mà ai là người không tin và

không bảo rằng nước La-mã về đời Đế-quốc văn-minh hơn nước La-mã về đời Dân-chủ ?

Lại tỉ như nước Pháp về hai đời thập-thất và thập-bát thế-kỷ. Chắc là về đường xã-hội, về cái sự sung-sướng trong dân-gian thì nước Pháp trong hai đời ấy còn kém mấy nước ở Âu-châu, như nước Hòa-lan (Hollande), nước Anh (Angleterre); vì tôi thiết-tưởng rằng nước Hòa và nước Anh về đời bấy giờ, sự hoạt-động trong xã-hội còn thịnh hơn ở nước Pháp, và đường sinh-hoạt trong dân-gian cũng được rộng-rãi hơn. Tuy vậy mà thử hỏi cái ý chung của người ta, tất ai cũng đáp rằng nước Pháp về thập-thất và thập-bát thế-kỷ là nước văn-minh nhất ở Âu-châu, cả Âu-châu cũng vẫn đã công-nhận như vậy. Cứ coi các sách văn-chương của Âu-châu về đời bấy giờ thì đủ biết cái công-luận của Âu-châu đối với nước Pháp đã rành rành vậy.

Có thể chứng ra nhiều nước nữa, sự sinh-hoạt trong xã-hội được thịnh-vượng, người dân được hưởng sung-sướng hơn nơi khác, thế mà cứ theo cái ý chung, cái lẽ thường của người ta thì cho những nước ấy là văn-minh còn kém nhiều nước khác về đường xã-hội không được tốt bằng.

Thế thì bởi đâu mà hơn kém nhau như vậy ? Những nước được tiếng văn-minh hơn người kia, bởi đâu mà được cái đặc-quyền ấy, bù được những sự khuyết-điểm về đường khác, và khiến được thiên-hạ riêng trọng mình?

Bởi ngoài sự sinh-hoạt chung trong xã-hội, còn một sự phát-đạt riêng rực-rỡ hơn nữa : là sự phát-đạt trong cuộc sinh-hoạt của từng người, trong tư-tưởng, trong tính-tình, trong tâm-hồn người ta. Tuy cái xã-hội trong những nước ấy có kém các nước khác mà cái « nhân-cách » xuất-hiện ra rõ-ràng mạnh-mẽ hơn nhiều. Tuy về đường xã-hội còn phải tiến-thủ nhiều, mà về đường tinh-thần trí-thức đã thành-tựu được lắm. Tuy nhiều người còn thiếu nhiều cái quyền-lợi làm dân trong nước, mà đã có nhiều những bậc vĩ-nhân làm vẻ-vang cho nước đối với thế-giới ở ngoài. Văn-chương, khoa-học, mĩ-thuật, đều thịnh-hành hơn các nước khác. Nói tóm lại thì loài người ta hễ đâu có những cái văn-vẻ sán-lạn như vậy nó biểu cái tính-tình cao-thượng của con người ta, hễ đâu được hưởng những sự lạc-thú tuyệt-trần như vậy, thì biết đấy là văn-minh, thì gọi đấy là văn-minh.

Vậy thì trong văn-minh có hai phần, có đủ hai phần ấy thì văn-minh mới được hoàn-toàn : một là sự hoạt-động trong xã-hội được phát-đạt, hai là sự hoạt-động của mỗi người được phát-đạt, nghĩa là vừa xã-hội vừa nhân-cách đều được tiến-bộ cả. Hễ ở đâu mà cái thân-phận người ta trong xã-hội được cao-tôn, ở đâu mà cái tính-tình của mỗi người phát-hiện ra một cách vĩ-đại rực-rỡ, thì dẫu việc sắp-đặt trong xã-hội chưa được chỉnh-bị, người đời cũng phải chịu nhận và suy-tôn là một dân một nước văn-minh vậy.

Ấy cứ xét cái lẽ thường, lời công-luận của người ta thì đủ kết được như vậy. Nay thử khảo trong lịch-sử mà xét xem những buổi văn-minh đại-biến, là những lúc cuộc đời tiến được từng bước to, tất bao giờ ta cũng thấy hai phần cốt-yếu như trên kia đã nói. Những buổi đó toàn là những buổi hoặc xã-hội rộng mở ra, hoặc nhân-cách sậu-tiến lên, xảy ra những việc nó hoán-cải cả tâm-tính, phong-tục, lòng tín-ngưỡng, sự tư-tưởng, cùng là cái thân-phận người ta trong xã-hội, sự giao-tiếp người ta với kẻ đồng-loại. Tỉ như đạo Thiên-chúa, không những lúc mới xuất-hiện ra, mà cho đến mấy thế-kỷ sau khi đã thành-lập rồi, không có hễ

chú-ý gì đến việc xã-hội ; không những thế mà lại công-cáo rằng không muốn cải-cách gì đến xã-hội ; khuyên kẻ tôi-tớ cứ nên thuận mệnh kẻ làm thày ; không có công-kích gì những điều tệ-hại, những việc gian-ác của xã-hội đời bấy giờ. Tuy vậy mà ai dám chối rằng đạo Thiên-Chúa không phải là một việc đại-biến trong lịch-sử văn-minh. Sao vậy ? Bởi vì đạo Thiên-Chúa đã hoán-cải cả cái tâm-tình, sự tín-ngưỡng, cái cảm-tình của người đời, tựa-hồ như đổi mới cả cái tinh-thần trí-thức của con người ta.

Trong lịch-sử lại từng thấy một cuộc đại-biến nữa, nhưng cuộc đại-biến này không thuộc về tâm-tình người ta mà thuộc về cái thân-phận người ta trong xã-hội. Cuộc đại-biến này là cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp, thật là một buổi văn-minh đổi mặt vậy.

Thử đọc qua lịch-sử vạn-quốc, đâu đâu cũng thấy cái hiện-tượng như vậy : không từng có một việc gì quan-trọng xảy ra đã giúp cho văn-minh được tiến-bộ mà trong việc ấy lại không nhận ra có hai cái phần cốt-yếu như trên kia đã nói, là sự tiến-hóa trong xã-hội và sự phát-đạt trong nhân-cách.

Không biết tôi có xét lầm hay không, tôi thiết-tưởng cái nghĩa tự-nhiên, cái nghĩa thông-thường của chữ *văn-minh* là thế. Trên tôi đã nói văn-minh là một việc thực : vậy thì cái việc ấy ta đã giải được ý-nghĩa nó như vậy, ta đã hình-dung tả-thuật đại-khái như vậy, tưởng cũng đã bao-quát được đủ vậy. Hai cái nguyên-chất (*éléments*) nó làm ra văn-minh, ta đã biết rõ rồi. Nay tôi thử hỏi các ông trong hai cái nguyên-chất đó một cái có đủ làm nên văn-minh không ? Nếu xã-hội có tiến-hóa mà nhân-cách không có phát-đạt, hay là nhân-cách có phát-đạt mà xã-hội không có tiến-hóa, thì có văn-minh hay không ? Những khi chỉ có một phần như vậy thì theo lẽ thường của người ta có chịu nhận là văn-minh không ? hay là hai phần liên-lạc với nhau không thể rời được, dẫu không phát-hiện cùng một lúc mà đã có một phần sớm trưa tất phần kia phải kế sau ?

Cái vấn-đề đó tôi tưởng có thể xét ra ba phương-diện. Thứ nhất là xét tính-chất của hai cái nguyên-tố làm ra văn-minh đó, và tìm xem có phải hai cái bao giờ cũng liên-lạc mà không rời nhau hay không. Thứ nhì là xét trong lịch-sử xem có quả là hai cái phát-hiện ra rời nhau, cái nọ không cần phải có cái kia mới thành, hay là hai cái bao giờ cũng nhân nhau mà sinh ra. Thứ ba là xét lời công-luận, cái lẽ thường của người ta xem quyết-đoán cái vấn-đề đó ra làm sao. Nay tôi bắt đầu về cái phương-diện thứ ba và hỏi ngay dư-luận trước.

Khi nào trong xã-hội biến-cải to, hoặc của-cải tăng-gia lên nhiều, hoặc thế nước bành-trướng ra rộng, hoặc sự phú-quí san-sẻ khác đi, thời làm thế nào cũng có kẻ phản-đối, cũng có kẻ công-kích, không bao giờ khỏi. Những người phản-đối ấy thường phản-đối ra làm sao ? Họ phản-đối rằng những khi ấy thì xã-hội có tiến thật mà cái nhân-cách người ta không thấy hơn được tí nào, cái tinh-tình người ta không thấy hay được hơn lên, như vậy thì sự tiến-bộ cũng là tiến-bộ giả, hại cho cái lòng đạo-đức, cái chân-nhân-cách của người ta. Người phản-đối thì bác như vậy, mà những người tán-thành cho sự tiến-bộ trong xã-hội thời lại cãi lại rằng : xã-hội đã tiến-bộ thì tất-nhiên cái lòng đạo-đức của người ta phải tăng-tiến ; cái « vật-giới » đã chỉnh-đốn thì cái « tâm-giới » tất được thanh-cao. Ấy hai bọn tán-thành phản-đối tranh-biện nhau như vậy.

Nay ta lại giả-thiết ngược lại, mà cho là sự tiến-bộ thuộc về nhân-cách, về tinh-thần, không phải thuộc về xã-hội, về vật-chất như trên kia. Vậy thì

những người chủ-trương sự tiến-bộ ấy thường hay hứa cho người đời những gì ? Từ khi các xã-hội dựng thành đến giờ, những nhà xướng ra triết-học tôn-giáo, những bậc hiền-triết thi-hào, lấy sự sửa-sang phong-tục làm mục-đích, thường hay hứa cho người đời những gì ? Người nào cũng hứa rằng sẽ làm cho cái thân-phận người ta trong xã-hội được sung-sướng hơn lên, sẽ tìm cách san-sẻ sự phú-qui trong xã-hội cho được công-bằng. Tôi thử hỏi các ông, những lời tranh-biện kia, những lời dự-hứa này là nghĩa làm sao ?

Nghĩa là trong cái tri nghĩ tự-nhiên của người ta, hai cái nguyên-tố làm ra văn-minh, sự tiến-hóa trong xã-hội và sự tiến-hóa trong nhân-cách, thật là liên-lạc với nhau một cách rất mật-thiết, hễ trông thấy một cái thì nhân-loại tất mong được cả hai mới mãn-nguyện. Ấy lòng người tin như vậy, nên mỗi lần muốn phản-đối phần này hay là tán-thành phần kia thì hoặc quyết rằng hai phần có liên-lạc với nhau, hoặc bác rằng hai phần không có liên-lạc với nhau, bao giờ cũng phải lấy cái công-luận tự-nhiên ấy làm bằng. Biết rằng hễ làm cho người ta tin được sự tiến-bộ trong xã-hội là hại cho sự phát-đạt trong nhân-cách, thì tất là làm giảm giá cái việc cải-cách trong xã-hội đi. Lại biết rằng hễ làm cho người ta tin được sự phát-đạt trong nhân-cách là sớm trưa tất sinh ra nhiều điều hay cho xã-hội, xã-hội tất nhân đó mà tiến-bộ lên, thì trong lòng người vẫn đã tin như vậy, có khó gì mà không thuận-nhận ngay. Coi đó thì biết rõ trong lòng người vẫn tự-nhiên tin rằng hai cái nguyên-tố làm ra văn-minh là có liên-lạc với nhau và làm nhân-quả lẫn cho nhau.

Nay ta thử xét rộng đến lịch-sử cả thế-giới, ta cũng thấy như vậy. Ta thấy rằng hễ khi nào nhân-cách phát-đạt mạnh tất là xã-hội có tiến-bộ nhiều, mà khi nào xã-hội tiến-bộ nhiều tất là nhân-cách có phát-đạt mạnh. Trong hai phần đó hoặc có một phần phát-hiện ra rõ-ràng mà hình như làm chủ-động cho cả cái phong-trào ; hoặc có khi cách xa lâu hay là biến-hóa nhiều, hay là gặp nhiều sự trở-ngại, rồi cái phần thứ hai mới khởi lên, tiếp-bổ cho phần thứ nhất mà làm cho cuộc văn-minh được hoàn-toàn. Nhưng mà xét kỹ thì biết hai phần vẫn có cái giây liên-lạc với nhau. Lẽ Trời không có hạn-định : cái nguyên-nhân khởi ra hôm qua không tất-nhiên là hôm nay phải kết-quả ; không biết mấy chục mấy trăm năm kết-quả cũng nên, bao giờ đến thì đến giờ mới phát ra ; nhưng cái lý của Tạo-vật tuy có chậm mà không gì chắc bằng. Tạo-vật đối với thời-giờ vẫn có cái quyền tự-do ; Tạo-vật bước một bước, thế là mấy mươi thế-kỷ đã qua vậy. Từ ngày đạo Thiên-Chúa hoán-cải tâm-tính người ta cho đến ngày đạo Thiên-Chúa ảnh-hưởng đến xã-hội, biết bao nhiêu năm qua, biết bao nhiêu việc xảy ra trong khoảng đó ? Thế mà đến sau đạo Thiên-Chúa ảnh-hưởng mà hoán-cải được cả xã-hội ; ngày nay ai là người còn không biết nữa ?

Đã xét lịch-sử, nay ta xét ngay đến tính-chất hai cái nguyên-tố làm ra văn-minh, tất ta cũng thấy như vậy. Tôi tưởng không người nào là không tự-mình thí-nghiệm như sau này. Khi trong tâm-tính có sự gì biến-cải, khi mình mới thêm được một cái ý hay, một cái đức tốt, một cái tài lạ, khi cái nhân-cách mình phát-đạt tăng-tiến lên, thì giữa lúc bấy giờ thấy trong người mình mong-muốn một sự gì ? Mình mong-muốn đem cái tài lạ, cái đức tốt, cái ý hay ấy mà diễn-xuất ra ngoại-giới, muốn thực-hành nó ra ngoài cái tư-tưởng mình. Người ta mỗi lần thấy trong mình có thêm được một phần gì, thấy cái nhân-thân mình có tăng-

tiến lên, thấy mình có một cái giá-trị mới, thì tức-khắc thấy như mình phải đương một cái chức-vụ mới để cho xứng với sự tăng-tiến, cái giá-trị kia ; thấy như trong người có cái gì nó cưỡng-bắt mình, nó xui-giục mình phải đem khoáng-trương, phải làm bành-trướng ra ngoài cái hay ở trong mình. Những nhà cải-cách lớn cũng bởi đó mà ra ; những bậc vĩ-nhân đã hoán-cải được cái tư-tưởng mình lại biến-hóa được mặt địa-cầu cũng bởi đó mà ra.

Ấy là nói sự hoán-cải trong nhân-cách ; nay nói sự cải-cách trong xã-hội. Thí-dụ một xã-hội mới biến-đổi to, mọi việc được chỉnh-đốn hơn trước, tài-sản lợi-quyền của mọi người sau-sẻ được công-bằng ; cái cảnh-tượng bề ngoài tốt đẹp như thế, cái « ngoại-giới » hoàn-toàn như vậy, có lẽ nào không ảnh-hưởng vào « tâm-giới », đến nhân-cách người ta, hay sao? Người ta thường nói cái gương tốt, cái thói quen, cái kiểu đẹp, thường dễ cảm và dễ khiến nhiều người bắt chước, cái nguyên-lý sự đó, chẳng phải là ở cái bụng người ta tin rằng phàm việc gì bề ngoài tốt đẹp, chỉnh-đốn, ngay-thẳng tất sớm trưa phải gây nên một cái tâm-trạng cũng tốt đẹp thanh-thản như vậy ; tin rằng một cái thế-giới có phép-tắc, có chế-độ tất phải khiến cho người ta được công-bằng chính-trực hơn lên ; tin rằng bề trong thường theo bề ngoài mà hoán-cải cũng như bề ngoài thường theo bề trong mà đổi thay ; rằng hai cái nguyên-tố làm ra văn-minh thật là liên-lạc với nhau một cách rất mật-thiết ; rằng có khi hai phần cách xa nhau đến mấy mươi thế-kỷ, ngăn-trở nhau bằng nhiều sự trướng-ngại, từng trải thiên biến vạn hóa rồi mới liên-tiếp với nhau, nhưng mà bao giờ cũng vậy sớm trưa tất phải liên-tiếp nhau mới thành ; rằng đó là cái công-lệ của lịch-sử, cái bụng tin tự-nhiên của loài người ; cái nguyên-lý chẳng phải là ở lòng tin đó ru ?

Tôi tưởng tôi giải đó tuy chưa được hết lẽ mà cũng đã gồm được cái đại-khái về sự văn-minh ; tôi tưởng tôi đã phác-họa được cái qui-mô nó, ước-lượng được cái giới-hạn nó, và phát ra được mấy cái vấn-đề lớn thuộc về sự văn-minh. Tưởng thế cũng là đủ rồi, nhưng đến đây lại gặp một cái vấn-đề nữa, không thể không xét được ; cái vấn-đề này không phải là cái vấn-đề về lịch-sử, nhưng là cái vấn-đề huyền-tưởng, cái vấn-đề giả-thiết ra, cái vấn-đề mà người ta chỉ biết được một đầu, không tài nào tới được đầu kia, chỉ trông được một mặt, không tài nào bao-gồm được toàn-thể, thế mà là cái vấn-đề cốt-yếu, không thể không nghĩ đến được, vì dẫu không nghĩ đến mà tự nó vẫn trình bày ra trong tâm-trí mình.

Cái vấn-đề ấy như sau này. Như trên kia đã nói, văn-minh phải có hai phần mới thành được : một là sự tiến-hóa trong xã-hội, hai là sự phát-đạt trong nhân-cách, vậy thì trong hai phần đó phần nào là cái « cứu-cánh » (*le but, la fin*), phần nào là cái « phương-tiện » (*le moyen*). Nhân-cách phát-đạt lên, tài-năng, trí-thức, tư-tưởng, cảm-tình, cả cái hồn-tính của người ta tăng-tiến lên, có phải là chỉ chủ cho cái thân-phận trong xã-hội, sự sinh-hoạt trên mặt đất được hoàn-toàn tốt-đẹp ra không ? Hay là sự sinh-hoạt trên mặt đất, thân-phận trong xã-hội được tốt đẹp hoàn-toàn cũng là chỉ chủ giúp cho nhân-cách được hết sức tăng-tiến lên, mà cả xã-hội chẳng qua là nơi trường-sở cho người ta vẫy-vùng phát-đạt vậy ? Nói rút lại thì xã-hội sinh ra là để giúp người ta hay là người ta sinh ra là để thờ xã-hội ? Giải cái vấn-đề đó tất phải giải đến một cái vấn-đề cao hơn nữa, là :

cái vận-mệnh người ta có phải là chỉ khu trong xã-hội, xã-hội có phải là gồm được hết cái thiên-chức của người ta không, hay là trong người ta còn có một phần ngoài xã-hội, cao hơn cái cuộc sinh-tồn trên mặt đất này?

Cái vấn-đề đó tôi không dám giải-quyết. Nhưng tôi có một ông bạn là bậc danh-sĩ đời nay, trước cũng đã từng giảng-học như tôi đây mà nay đã vào chính-giới làm một nhà tai mắt trong chốn nghị-trường, ông bạn tôi tức là Royer Collard tiên-sinh[1] đã từng giải-quyết cái vấn-đề đó, giải-quyết theo cái lòng tín-ngưỡng riêng của ngài. Trong một bài diễn-thuyết ở nghị-viện về cái luật-án về tội « phạm đạo » (*sacrilège*), ngài có nói mấy câu như sau này : « Các xã-hội của loài người ta thì sinh-trưởng, tiêu-diệt ngay trên mặt đất này ; cái vận-mệnh đến thế là hết.... Nhưng xã-hội không phải là gồm được hết cả cái nhân-cách người ta. Người ta ngoài cái phần giao-tiếp với xã-hội còn có một phần cao-thượng hơn nữa, siêu-việt hơn nữa, là cái phần-linh-tính nó khiến cho người ta biết cảnh-ngưỡng đến đứng Thiên-chúa, biết hi-vọng đến cõi lai-sinh, biết dự-tưởng đến những sự hạnh-phúc mà ở cõi trần-thế này không bao giờ có..... Ta đây, ta là những « cá-nhân » khác nhau mà giống nhau (*personnes individuelles et identiques*), ta là giống linh-vật có tính « bất-diệt » (*immortalité*), cái thiên-chức của ta còn cao hơn cái chức-vụ của các quốc-gia, các xã-hội vậy. »

Ấy cái ý-kiến của một bậc danh-sĩ đời nay như vậy ; tôi trích ra mà không dám bình-luận gì. Tôi không dám giải-quyết cái vấn-đề đó, tôi chỉ xin phát-khởi ra thôi. Cái vấn-đề đó là cái phần chốt cùng của lịch-sử văn-minh ; khi đã xét lịch-sử đến cùng-tận, khi thuộc về cái hiện-tình của người ta không còn gì mà bàn nữa, thì người ta tất khỏi ra cái nghi-vấn rằng có phải đến thế là cùng-cực cứu-cánh không? Vậy thì cái vấn-đề đó là cái vấn-đề cuối-cùng, cái vấn-đề cao nhất mà nhà nghiên-cứu về lịch-sử văn-minh phải xét đến. Đây ta nói thế cũng là đủ định được cái vị-trí của nó và biết nó lớn-lao quan-trọng là dường nào vậy.

Cứ như tôi đã giảng-giải trên kia thì các ông cũng hiểu rõ rằng lịch-sử văn-minh có thể xét ra hai cách, có thể tìm ở hai nguồn, có thể hình-dung ra hai phương-diện được. Một là nhà sử-học có thể đặt mình ngay ở trong tâm-giới người ta, vào một thời-kỳ, một dân-tộc nào đó; có thể nghiên-cứu, hình-dung, tả-thuật những sự hoán-cải, sự biến-cách xảy ra trong tâm-tình người ta; đến khi suy-tầm nghiên-cứu đã cùng, thế là dựng thành lịch-sử văn-minh của dân-tộc ấy trong thời-kỳ ấy. Lại có thể dùng cách khác nữa : không xét ở trong người ta mà xét ở ngoài; nhà sử-học có thể đặt mình ở giữa cái trường hoạt-động của thế-giới, không tả những sự biến-cách trong tâm-tình người ta, mà tả những sự biến-cách trong tình-trạng xã-hội. Hai phần đó, hai cái lịch-sử đó, thật là liên-lạc với nhau, thật là làm lẫn-lót cho nhau. Tuy vậy có thể xét rời ra được, mà dễ thường khi bắt đầu xét phải xét rời ra mới phải, để cho mỗi phần có thể xét tinh-tường được. Nay về phần tôi thì tôi không có chủ-ý xét với các ông về lịch-sử văn-minh Âu-châu trong tâm-tình người ta, tôi chỉ xét những việc xuất-hiện ra ngoài, những việc xảy ra trong xã-hội mà thôi. Trước tôi phải giải cái cách tôi

(1) Royer Collard tiên-sinh là một nhà triết-học, nhà chính-trị Pháp, sinh năm 1763 mất năm 1845 ; về triết-học thì giữ cái « linh-tính chủ nghĩa » *spiritualisme*), về chính-trị thì giữ cái đạo trung-dung (*doctrinarisme*), không thiên về quân-chủ, không thiên về dân-chủ.

quan-niệm về văn-minh thế nào cho biết cái nghĩa văn-minh phiền-phức và to rộng là dường nào, và nhân đó bày cho các ông biết mấy cái vấn-đề quan-trọng thuộc về sự văn-minh. Nay tôi phải thu cái đầu bài lại, phải khu cái phạm-vi cho hẹp bớt lại: tôi định xét đây là chỉ xét cái lịch-sử về xã-hội mà thôi.

Vậy ta phải bắt đầu tìm hết cả những nguyên-chất làm ra văn-minh Âu-châu, tự khi mới nhóm lên, nghĩa là tự khi La-mã đế-quốc đổ; ta xét xem tình-trạng xã-hội về giữa đời cái đế-quốc to lớn ấy đương đổ nát là thế nào. Ta cố tầm-trích lấy những cái nguyên-chất ấy, không mong có thể phục-hồi lại được nhưng để diễn-xuất nó ra cho rõ cái nọ liên-tiếp với cái kia thế nào; đến khi đã tìm thấy rồi thì ta thử làm cho nó vận-động xem trong-khoảng mười lăm thế-kỷ từ bấy giờ đến nay nó phát-đạt biến-hóa thế nào.

Tôi thiết-tưởng rằng khi nào ta đã nghiên-cứu thâm thâm một chút thì tất ta hiểu rõ rằng văn-minh Âu-châu còn trai trẻ lắm và thế-giới chưa dễ đã đo lường được con đường tiến-hóa của cái văn-minh ấy thế nào. Chắc rằng cái tư-tưởng của người ta ngày nay còn xa mới đến ngày được hoàn-toàn; bọn ta còn lâu mới có thể bao-quát được cả cái tương-lai của nhân-loại; song mỗi người ta cũng nên bình-tâm tĩnh-lự mà tự hỏi trong bụng mình còn mong-mỏi những sự hạnh-phúc gì cho cuộc đời được hoàn-toàn; rồi đem sự tư-tưởng đó mà đối-chiếu với cái hiện-trạng trong thế-giới bây giờ; bấy giờ tất rõ tỏ rằng xã-hội cùng văn-minh của ta ngày nay còn trẻ lắm, tuy con đường đã qua kể cũng đã dài, mà con đường sắp tới lại còn dài hơn lắm nữa. Song biết như vậy không phải là làm giảm mất cái lạc-thú của bọn ta ngắm cái cảnh-tượng rực-rỡ ngày nay. Khi nào tôi giải bày cho các ông rõ những sự đại-biến trong lịch-sử văn-minh Âu-Châu trong khoảng mười lăm thế-kỷ này, thì các ông mới biết cái tình-cảnh của người ta từ xưa đến giờ đã từng lam-lũ, hiểm-nghèo, khổ sở là dường nào, không những ở trong ở ngoài xã-hội, mà đến trong tâm-hồn cũng không từng được mấy phen an-lạc. Trong mười lăm thế-kỷ, giống người ta phải đau đớn đã nhiều, mà trong thần-trí cũng từng khổ não đã lắm. Các ông coi đó thời mới biết rằng suốt trong đời cận-đại (*temps modernes*), đến ngày nay mới là ngày cái thần-trí người ta được yên-ổn một chút, tuy chưa lấy gì làm hoàn-toàn mà đã hơi có cái vẻ bình-hòa hơn trước. Trong xã-hội cũng vậy; xã-hội ngày nay quyết là đã tiến-bộ được nhiều; cái thân-phận người ta sánh với trước đã được êm-đềm bằng-phẳng hơn nhiều. Ta có thể lấy câu thơ sau này trong sách Homère mà tự-luận cho mình, tưởng cũng không phải là quá-đáng vậy. Thơ rằng:

« Chúng tôi xin cám ơn Trời đã cho chúng tôi được hơn kẻ tiền-bối. »

Tuy vậy, ta cũng phải cẩn-thận mới được; ta đừng nên quá tin ở cái hạnh-phúc, sự tiến-hóa của ta, kẻo mà mắc phải hai sự nguy-hiểm to: một là sự kiêu-căng, hai là sự dật-lạc; kẻo mà ta quá cậy ở cái tài-trí, cái học-thức của ta, đến nỗi vì sự sinh-hoạt êm-đềm mà làm cho nhu-nhược mất cái tinh-thần ta đi. Tôi không biết các ông có từng nhận thấy như tôi rằng cái thường-tình của người ta là hay thiếu một chút-đỉnh đã ta-thán mà hơn được một mảy-may đã lấy làm mãn-nguyện rồi. Trong trí nghĩ, trong tưởng-tượng, trong dục-tình thì ta hay tham-vọng quá độ, yêu-sách quá chừng, mà đến khi ra thực-hành ở đời, đến khi phải chịu khổ, chịu khó, gắng sức ra công thì thấy cái tay đã mệt mà cái óc đã mềm vậy. Khi mong-muốn thì nóng-nẩy quá

độ mà khi thực-hành thì chán-nản quá chừng. Chúng ta phải giữ mình cho khỏi mắc vào hai cái tật đó. Ta phải tập cho quen mà biết đo lường cái sức-lực, cái học-thức, cái tài-trí của ta, phàm sự gì sức ta có thể làm nổi, tài ta có thể đương được, học ta có thể tới kịp, phàm sự gì công-bằng chánh-đáng, không phản-trái với cái nguyên-lý của văn-minh ta, thì ta hẵng nên mong-mỏi mà ra công thu-hoạch cho được. Lắm khi tưởng hình như ta lại trở về những cái nguyên-lý cũ mà ta thường công-kích, thường khinh-bỉ, những cái nguyên-lý và kế-hoạch của đời Âu-châu hãy còn dã-man, như cái võ-lực, sự bạo-động, sự điên-đảo giả-trá, là những cái lối cách thường-dùng tự bốn năm thế-kỷ về trước. Khi nào ta có cái khuynh-hướng như vậy thời ta thấy mình ta không có cái chí gan-góc, cái sức bất-bạt của những người thời bấy giờ, vì người bấy giờ vị phải khổ sở lắm, lấy cái thân-phận mình làm bất-bình, nên hết-sức vẫy-vùng cho thoát-li được khỏi. Đến như ta đây thì ta bằng lòng cái thân-phận của ta ngày nay; vậy ta không nên mơ-tưởng những sự bông-lông, chưa đến ngày thực-hành được. Ta đã được hưởng-phúc nhiều, cái trách của ta rồi cũng nặng ; ta có trách-nhiệm với kẻ hậu-sinh về cái cách ta cư-xử bây giờ : dù là người cầm quyền chính-trị, dù là kẻ công-chúng thường-dân, ai ai ngày nay cũng có một phần trách-nhiệm, ai ai cũng không tránh khỏi cái quyền được dư-luận của bình-phẩm bài-bác. Ta cứ nên giốc một lòng, chuyên một chí mà phụng-sự mấy cái tôn-chỉ của văn-minh ta là : sự công-pháp, sự công-nghĩa, sự công-luận, sự tự-do. Ta không nên bao giờ quên rằng nếu ta có quyền yêu-cầu rằng nhất-thiết mọi sự mọi việc phải công-bố cho ta được biết, phải trình-bày ra trước mắt ta, thì chính ta, chính những công-việc của ta cũng là ở dưới con mắt của thiên-hạ, cũng là thuộc quyền dư-luận của thế-giới được bài-bác chỉ-nghị vậy.

PHẠM QUỲNH *dịch*

LỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH. — *Bài này giải nghĩa văn-minh và xét trong văn-minh có những phần gì. Đại-khái nói văn-minh là một cái hiện-tượng* (un fait) *cũng như mọi cái hiện-tượng khác, nghĩa là có sinh-thành, có phát-đạt, có thăng-giáng, có thịnh-suy ; nhưng là cái hiện-tượng to lớn nhất, bao gồm cả nhất-thiết các sự các vật thuộc về việc sinh-hoạt của người ta cùng các dân-tộc. Cái hiện-tượng ấy sở-dĩ gây thành lên được, muốn cho hoàn-toàn, phải có hai phần, hoặc đồng-thời xuất-hiện, hoặc cách nhau phát ra, nhưng bao giờ cũng phải liên-tiếp với nhau và thường làm nhân-quả cho nhau : một là sự phát-đạt trong nhân-cách, hai là sự tiến-hóa trong xã-hội, Thế nào gọi là nhân-cách phát-đạt ? Nhân-cách phát-đạt là cái phần thanh-cao trong người ta, cái phần nó đặc-biệt người ta với các giống vật — tức gọi là nhân-cách — được tốt-đẹp nở nang, đầm-đà, sán-lạn, người ta mỗi ngày một thêm hay, thêm giỏi, thêm tài, xứng đáng cái thiên-chức làm người : Thế nào gọi là xã-hội tiến-hóa ? Xã-hội tiến-hóa là cái hình-thức sự giao-tiếp người ta với nhau mỗi ngày được chỉnh-đốn hoàn-bị, việc chính-trị sắp đặt khéo, việc kinh-tế sửa-sang tiện, việc giáo-dục ban-bố khắp, việc công-thương sinh-sản nhiều, nói tóm lại thì phàm cái gì cần-dùng, ích-lợi, vui-thú, sung-sướng cho sự sinh-hoạt người ta trong nhân-quần được đều-đủ trọn-vẹn cả, người ta sống mà không biết cái khổ ở đời, chỉ biết cái sướng trong sự sống. Cứ như lời* GUIZOT *tiên-sinh thì sự tiến-hóa trong xã-hội với sự phát-đạt trong nhân-cách đều là cần cho văn-minh cả. Lẽ đó đã cố-nhiên rồi. Nhưng tiên-sinh không nói rằng trong hai phần ấy phần nào là cần hơn : theo ý tiên-sinh thì hai phần cũng là cần bằng nhau cả. Nhưng về thời-đại tiên-sinh, cái văn-minh Âu-châu còn giữ được thế quân-bình mà không đến nỗi thiên-lệch hẳn về mặt vật-chất như đời*

南定省公使簡駐大人

Quan Tissot, Công-sứ tỉnh Nam-Định

nay, nên tiên-sinh tin rằng hai phần tiến ngang nhau, chắc văn-minh được hoàn-toàn. Nhưng ngày nay có nhiều những bậc trí-sĩ cao-nhân trông thấy cái « vật-chất-chủ-nghĩa » (matérialisme) mỗi ngày một thịnh, trông thấy cuộc đời hình như nghiêng hẳn về đường vật-chất, tựa-hồ như ở đời ngoài cái « kim-tiền » và cái « võ-lực » là hai vị thần mới ở đời này không còn vật gì cao qui hơn nữa, nhiều người trông thấy thế không thể không ta-thán cho cái văn-minh đời nay ; và khởi ra cái nghi-vấn rằng không biết thế-giới có tiến-bộ hay là thoái-bộ ! Cứ như lý-thuyết của tiên-sinh thì xã-hội đã tiến-hóa tất sớm trưa nhân-cách phải phát-đạt ; muốn nói cho giản-dị thì tức cũng như lời tục-ngữ ta nói : phú-quí sinh lễ nghĩa *vậy. Cứ giàu sang, rồi tất có ngày đủ lễ nghĩa...! Vả lại cứ như lời tiên-sinh nói thì sự tiến-hóa trong xã-hội với sự phát-đạt trong nhân-cách tuy là cần cho nhau, làm nhân-quả cho nhau, mà thường xa cách nhau hàng mấy thế-kỷ vậy. Như vậy thì tuy đời nay cái « vật-chất-chủ-nghĩa » có thịnh-hành hơn cổ-kim, nhưng không nên trông thấy thế mà đã vội thất-vọng ; sớm trưa tất cái « chủ-nghĩa thuộc về tinh-thần » phải nổi lên thì cái công-cuộc văn-minh mới được hoàn-toàn ; có khi phải đợi đến một thế-kỷ, hai thế-kỷ, năm thế-kỷ nữa cũng nên ! Nhưng lẽ trời không có bị bó buộc trong thời-giờ, và Tạo-vật đi một bước là mấy trăm năm-vậy .. Đã hay rằng vậy, nhưng lắm khi trông cái cảnh-tượng đời nay mà không thể không chán-ngán cho cái văn-minh đời nay. Văn-minh mà đến nỗi đàm giết nhau như vậy, văn-minh mà đến nỗi chất thây thành núi, đổ máu thành sông như vậy ; văn-minh đâu lại có như thế ? Hồn tiên-sinh vì có biết cũng phải rung động dưới cửu-tuyền mà thở dài như thày* Giả-Nghị *vậy. Có người nói việc chiến-tranh này tức là một sự đại-biến trong văn-minh ; chiến-tranh-chi-hậu chắc cái hồn văn-minh sẽ được sán-lạn rực-rỡ hơn xưa muôn phần. Ta rất mong như vậy. Nhưng biết có được không ? biết có chắc không ?*

Ph. Q.

QUAN TOÀN-QUYỀN ĐỐI VỚI HIẾN-PHÁP ĐÔNG-DƯƠNG

Trước khi quan Toàn-quyền xướng ra cái chủ-nghĩa Đông-dương thống-nhất, và bày tỏ cái nền minh-trị trong xứ Đông-dương này, thì các nhà báo đều tưởng là đó chẳng qua là một sự dự-tưởng xa-xôi mà thôi. Nhưng xem lần này ngài sang trọng-nhậm xứ Đông-dương, trong mấy năm trời, nào là sửa-sang lại học-vụ cho được thống-nhất, cải-lương lại chánh-trị cho được sáng-suốt, chúng ta đều trông thấy cả, thế thời ngài là một nhà thực-hành, chớ không phải chỉ là một nhà không-ngôn vậy. Phàm sự-thế trong thiên-hạ có lẽ nào thực-hành mà lại không kết-quả ? Nhưng sau này tấn-tới ra thế nào, cái vấn-đề ấy phải nên dự-liệu trước từ bây giờ mới phải.

Nay bảo rằng xứ Đông-dương thống-nhất, nhưng thử xem cái phần trọng-yếu trong xứ Đông-dương như là : Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ, trong ba xứ ấy chánh-lệnh hãy còn khác nhau, khắp-luật hãy còn không giống, sao lại gọi là thống-nhất được. Nay bảo rằng thi-hành cái chánh-trị sáng-suốt, nhưng về phần quốc-dân còn nhiều người chưa hiểu cái mục-đích chánh-trị trỏ về đàng nào, sao lại gọi là minh-trị được.

Cớ ấy là tại làm sao, là tại chánh-phủ Đông-dương chửa hẳn có cái

năng-lực hoàn-toàn vậy. Nếu muốn tổ-chức xứ Đông-dương thành một nước Pháp thứ nhì, thời cốt tại chánh-phủ Đông-dương sao cho thành ra một chánh-phủ có năng-lực hoàn-toàn, thời phải có hiến-pháp rõ ràng để thi-hành mới được. Cái hiến-pháp ấy ai ban cho chánh-phủ Đông-dương ? tất nhiên là phải do nghị-viện của mẫu-quốc xứ Đông-dương là dân nghị-viện Đại-pháp ban cho vậy.

Trong bốn năm nay, nước Đại-Pháp mắc việc chiến-tranh, thế mà chánh-phủ Đông-dương lại đem đàn con đỏ để giúp đỡ mẹ hiền, nào đem quân-lính sang tòng-chinh, thâu quốc-trái để giúp đỡ, có phần nhiệt-thành hơn các xứ thuộc-địa khác. Vả lại đương lúc bên Âu-châu có sự chiến-tranh, mẫu-quốc cũng không mấy lúc rỗi mà trông nom xứ Đông-dương được, thế mà chánh-phủ Đông-dương lại giữ được trong nước yên-ổn, chánh-trị phát-đạt, xem thế thời chánh-phủ Đông-dương đối với mẫu-quốc thực là đã hết nghĩa-vụ ; mà đối với bản-xứ lại hay lo được cách bảo-tồn, thực là đủ tỏ ra một thời-kỳ đã có kinh-nghiệm.

Người Đại-Pháp là một quốc-dân hay yêu tự-do, yêu nhân-đạo, bây-giờ được hưởng cái phúc hòa-bình, tất cũng vì chánh-phủ Đông-dương mà lo-liệu cho có đủ cái năng-lực hoàn-toàn để mà thi-thố cái thủ-đoạn khai-hóa tác-thành cho dân Đông-dương, thế thì chắc rằng nghị-viện bên Đại-pháp tất cũng sẵn lòng mà đặt cho xứ Đông-dương một cái hiến-pháp minh-bạch.

Quan Toàn-quyền SARRAUT là một ông chủ-nhân ở xứ Đông-dương ta, ngài đã từng đem cái chánh-sách của ngài kinh-lý Đông-dương tuyên-bá cho nhân dân ta ai ai cũng đều biết cả, không những nghe biết mà thôi, lại còn đồng-tâm đồng-chí mong cái chánh-sách của ngài được thi-hành ra cho sớm, không khác gì đương lúc đói mà mong ăn, đương lúc khát mà mong uống. Thế thì ngài cũng phải nghĩ cách nào cho thỏa cái lòng mong-đợi của dân xứ Đông-dương, muốn thỏa được lòng trông mong ấy, thì thiết tưởng thế nào ngài cũng vì chánh-phủ Đông-dương xin với nghị-viện mẫu-quốc ban cho Đông-dương một cái hiến-pháp minh-bạch, để cho tiện mở mang về đường chánh-trị.

Bởi vì các lẽ trên này, nên chúng ta mới liệu trước rằng độ vài tháng nữa quan Toàn-quyền ta có nhâu việc công mà về bên Pháp, tất ngài cũng có kêu xin nghị-viện để ban-bố hiến-pháp cho xứ Đông-dương ta.

Tôi nhân bàn Đông-dương, tôi lại nghĩ đến cái phần trọng-yếu xứ Đông-dương là ước Việt-Nam ta ; xem như quan Toàn-quyền đã đề-xướng cái chủ-nghĩa Đông-dương thống-nhất, thế thời ngài đã nghĩ đến việc thống-thất Đông-dương, lẽ nào ngài lại nỡ để nước Việc-Nam ta phân-cách nhau vậy. Nước Việt-Nam ta phân-cách hay là thống-nhất, dẫu là vẫn ở dưới trị-quyền chánh-phủ Đông-dương, nhưng cứ để cho phân-cách thời khó thâu-hợp lại được, gì bằng thống-nhất lại thời cai-trị có dễ hơn, đó là cái đại-thế chánh-trị xưa nay vẫn thế. Cho nên chúng ta thiết tưởng quan Toàn-quyền lần này mà về Pháp-quốc, hẳn là đem cái chủ-nghĩa Đông-dương thống-nhất, mà xin lãnh hiến-phát cho xứ Đông-dương, mà trong hiến-phát ấy nước Việt-Nam ta hẳn được hưởng cái phần ơn huệ lớn hơn cả. Vậy chúng ta nên thắp hương mà chúc, kết-thề mà mong ngài đi về lần này cho thành được công-hiệu. Nhưng chúng ta lại nghĩ ai là người đại-biểu được ý dân Việt-Nam ta bây giờ ? Là đức Hoàng-Thượng ta chớ ai, mấy năm nay quan Toàn-quyền đối với đức Hoàng-Thượng ta thường tỏ cái cảm tình đồng-tâm với nhau, để lo liệu

cho dân-tộc Annam ta được tiến-bộ. Vậy chúng ta càng mong đức Hoàng-Thượng ta nhân lúc rảnh muôn việc, cùng với quan Toàn-quyền sang bên Pháp-quốc một phen, trước là mừng nước Đại-Pháp thắng trận thành công, để liên-lạc cái cảm-tình; sau nữa là giúp với quan Toàn-quyền thuộc về cái vấn-đề ấy, để đối với nghị-viện quí-quốc, mà tỏ cái ý dân ta, như thế thì quốc-dân chúng ta lấy làm mong lắm. Tuy thế, nhưng mà về việc khuyến-giá đức Hoàng-Thượng, là cái trách-nhiệm các quan đại-thần, dân chúng ta sao dám dự bàn đến. Chẳng biết ý-kiến các ngài nghĩ thế nào?

NGUYỄN BÁ-TRÁC.

ĐẠO-ĐỨC LUẬN

Một ông danh-sĩ nước Pháp có soạn một quyển sách đề tên là « Luân-lý xin từ chức » (*La Démission de la morale*), để chứng rằng ngày nay cái lòng đạo-đức trong nhân-quần có thoái mà không có tiến, người đời không còn có lòng thành-đốc tin những lẽ cương-thường đạo-lý như xưa.

Lòng đạo-đức mỗi ngày một suy, đều đó phàm người có mắt trông có trí nghĩ ai cũng từng nhận như vậy.

Thật thế, ở đời này mà nói chuyện đạo-đức, người ta phi cho là hủ tất gọi là gàn. Thiên-hạ đương tranh-đua, khỏe khôn thì được, yếu-vụng thì thua, mình ngồi bàn chuyện nhân-nghĩa, khuyên người ta phải thương yêu nhau, còn gì ngược đời bằng? Trong tưởng-tượng người đời đã hình-dung nhà đạo-đức là một ông lão-hủ hay câu-nệ ngồi không mà chừng-mực bọn con em, làm ngăn-trở cái sức tiến-thủ của người trai-trẻ. Đạo-đức trước con mắt người đời đã thành một vật quá cũ vậy.

Đạo-đức vẫn là một vật quá cũ quả thế, không sai. Đạo-đức có từ ngày loài người như trong đêm tối mới nảy ra cái tia sáng tư-tưởng ở trong lòng. Ngày ấy, giống người còn ăn lông ở lỗ ở trong rừng cùng với chim muông tranh nắm rễ cây chùm quả rụng, một buổi hốt-nhiên ngơ-ngác, nhìn ngược nhìn xuôi, trông xa trông gần, chỉ thấy trời cao thăm-thẳm, đất rộng mênh-mông, kêu gọi không ai thưa, gào khóc không ai hỏi, ngoài có tiếng chim kêu vượn hót, hổ thét voi gầm, cùng với tiếng sấm vang trên đỉnh núi, suối róc dưới nguồn khe, chợt thấy chột dạ rùng mình mà mình tự hỏi mình: « Ta ở đâu đến đây? Ta đến đây làm gì? » Ôi! cái câu hỏi bi thảm thay! Từ ngày khởi ra cái câu hỏi ấy, mà đời nọ truyền cho đời kia trong mấy mươi nghìn vạn năm, tới ngày nay vẫn chưa giải-quyết được. Song tuy chưa giải-quyết được, tuy không chắc bao giờ giải-quyết được, mà đời nọ sang đời kia không bao giờ người ta rời nghĩ về cái câu hỏi ấy, những bậc hiền-triết nối gót nhau cũng chỉ kiệt-tinh cùng-tử để mong giải cho ra cái vấn-đề tuyệt-đối đó.

Công-phu ấy không phải là công-phu uổng, vì nhờ đó mà người ta biết rằng trong nhân-thân mình ngoài cái phần vật-chất thô-bỉ còn có một phần tinh-túy thanh-cao, lúc nào cũng muốn thoát ra ngoài vòng vật-chất mà sống theo một cái lý-tưởng cao-xa. Khi nào thoát được nhiều mà gần được cái lý-tưởng ấy thì trong lòng thấy vui vẻ khoan-

khoái như cái nhân-cách mình được cao hơn lên một chút ; khi nào thoát được ít mà không ra khỏi vòng vật-chất thì thấy trong lòng khắc-khoải băn-khoăn, như cái nhân-cách của mình phải sụt thấp xuống một phần. Cái gì mà nó khiến cho người ta khi hởi dạ khi ăn-năn như vậy? Cái gì mà nó như cái hàn-thử-biểu vô-hình để đo cái nhân-cách người ta khi cao khi thấp như vậy? Cái gì mà nó như hòn ngọc báu kim-cương dẫu trong chốn u-ám cũng chiếu sáng vằng-vặc, để làm cái đèn soi cho người ta trong cõi lòng ẩn-khuất? Cái gì mà hay, cái gì mà quí, cái gì mà mầu như vậy?

Các bậc hiền-triết đời xưa đời nay đều gọi là cái lòng đạo-đức vậy.

Ấy lòng đạo-đức phát-hiện ra trong người ta lâu như vậy. Như vậy thì đạo-đức quả là một vật quá cũ, không sai. Nhưng giống người ta cũng là một giống quá cũ, xuất-hiện trên mặt đất không biết tự bao giờ đến giờ, nhờ có đạo-đức mà tự ăn lông ở lỗ lập thành đoàn-thể có kỷ-cương, trước còn bộ-lạc, sau đến gia-tộc, sau đến xã-hội, sau đến quốc-gia, mà gây ra muôn vẻ văn-minh rực-rỡ ngày nay. Loài người phải có đạo-đức mới sống được. Loài người còn sống, đạo-đức còn phải còn. Bao giờ loài người có tiệt-diệt bấy giờ đạo-đức mới tiêu-vong, mà loài người tiệt-diệt vì đạo-đức suy-đồi. Có thể nói đạo-đức là cái *cớ-sống* của loài người, là cái lẽ vì đó mà người ta đáng sống, là cái phần nó đặc-biệt người ta với muôn loài. Nói thế không phải là phiếm, xin chứng giải như sau này.

Phàm vật gì trong trời đất cũng có một việc dùng, nhà để ở, ruộng để cày. Sông kia là mạch máu của trái đất, núi kia là bộ xương của địa-cầu. Mặt trời là cái lò lửa để soi rọi ban ngày cho muôn loài được sáng sủa ấm-áp ; mặt trăng là một tấm-kính để phản-chiếu ban đêm cho cảnh-vật được mát mẻ dìu-hiu. Con muông cái thú là để thêm vẻ sinh-hoạt cho chốn rừng rậm hang sâu, đồng không mông quạnh. Còn người ta, người ta là *vạn-vật-chi-linh* thì sinh ra để làm gì? Hay là sinh ra để xâu-xé lẫn nhau, để dâm giết lẫn nhau, mà tranh miếng cơm tấm áo, tấc ruộng mảnh vườn, kẻo sợ có ngày địa-cầu chật quá không có đất mà dung-thân? Hay là sinh ra để diễn một cái kịch nửa buồn, mà nửa vui, đem tiếng cười của kẻ đắc-thế pha với tiếng khóc của kẻ u-oan, lấy cái mưu của đứa điêu-đảo mà đối với cái kế của bọn cùng-đồ, cái dục-tình chọi với cái dục-tình, lòng tham-vọng đua với lòng tham-vọng, thói gian-ngoan địch với thói gian-ngoan, hằng ngày hằng giờ hằng giây hằng phút như múa dao trong mắt, dựng giáo trong lòng, để chực đâm nhau từng miếng, cướp nhau từng phần? Than ôi! nếu cái « thiên-chức » của người ta chỉ có thế mà thôi thì thật đáng thương thay cho giống người! Nhưng mà không, không có lẽ như thế. Không có lẽ một giống khôn-ngoan, có trí nghĩ có bụng cảm, có nghen ghét mà cũng biết thương-yêu nhau, ngoài cái lẽ sinh-tồn cạnh-tranh là cái lẽ khốc-liệt của Tạo-vật giống nào cũng không tránh khỏi, lại không có một cái công việc gì cao-thượng hơn, siêu-việt hơn để làm cái giá-trị riêng ở đời này. Công việc ấy là phải làm cho cái nhân-cách mình càng ngày càng cao, càng ngày càng đẹp, càng ngày càng thuần-túy hoàn-toàn mãi ra, chonó xứng-đáng cái địa-vị mình làm chúa-tể muôn loài trên mặt đất, làm giống thiêng-liêng có cái trí-giác bao gồm được muôn vật. Việc ấy tức là sự đạo-đức vậy. Mỗi giống sinh ra đều có việc dùng mà giống người là dùng để thử xem cái tinh-thần có thể thoát ra ngoài vật-chất không, « phần-hồn có thể vượt cao hơn « phần-xác » không, lòng đạo-đức có thể đoạt được cái vật-dục hay

là cái mầm ác làm lấp mất bụng lương-tâm. Sự thí-nghiệm đó bắt đầu tự khi loài người mới biết tư-tưởng đến giờ, và trong khoảng bấy nhiêu lâu có nhiều khi được mà cũng lắm lúc hỏng; những khi thí-nghiệm được thì cái tinh-thần tiến mà cái vật-chất lui, cái vật-dục thua mà lòng đạo-đức được, ấy là lúc cái hàn-thử-biểu vô-hình để đo nhân-cách người ta lên cao vậy; những lúc thí-nghiệm hỏng thì cái vật-chất tiến mà cái tinh-thần lui, lòng đạo-đức thua mà cái vật-dục được, ấy là lúc cái hàn-thử-biểu vô-hình để đo nhân-cách người ta sụt xuống vậy. Nhân-cách có lên cao thì xã-hội mới thật có tiến-hóa, nhân-cách mà sụt thấp thì dẫu có văn-minh cũng là văn-minh giả, cái văn-minh ấy tất không bền vì không có cốt. Cứ như thế-giới ngày nay thì thuộc vào buổi nào, buổi nhân-cách cao hay là nhân-cách thấp, đạo-đức tiến hay là đạo-đức lui, sự thí-nghiệm như trên kia được hay là hỏng?

Theo ý-kiến chung của các bậc trí-thức đời nay thì thế-giới bây giờ là đương thuộc vào buổi nhân-cách thấp mà đạo-đức lui, tuy cái văn-minh bề ngoài có tiến hơn cả cổ kim mà cái tâm-tinh ở trong đã sụt đi nhiều lắm.

Nay ta không bàn rộng đến thế-giới làm gì, chỉ xét riêng một nước ta, thật thấy quả như vậy.

Nước ta ngày nay thật vào giữa lúc cái lòng đạo-đức đã tiêu mòn trong khắp xã-hội, từ bọn thượng-lưu qua bọn trung-lưu cho đến bọn hạ-lưu, hết thảy hình như ăn sổi ở thì, không có một cái kỷ-cương luân-lý gì cả. Cái luân-lý cũ thì nay đã gần mất, cái luân-lý mới thì hiện còn chưa thành, thành ra nhân-tâm không biết lấy đâu làm bờ bến, người đời không biết cho cái gì là phải, cái gì là trái, cái gì là dở, cái gì là hay, chỉ biết lấy cái cận-lợi cho mình làm chủ, phần vật-chất lấn mất cả phần tinh-thần, mà cái lòng tham danh-lợi làm sút hẳn cái nhân-cách của người ta, thật từ xưa đến nay không có một thời-đại nào mà lòng người sụt thấp đến như bây giờ.

Bình-phẩm về người đồng-thời với mình vẫn là một việc khó, vì không chắc lời nói được bình-tĩnh. Nhưng hiện nay cái xã-hội nước Nam ta đã mục nát lắm rồi, phong-tục ta đã suy-đồi quá rồi, thiết tưởng người nào biết trông biết nghĩ cũng phải chịu rằng người đồng-thời ta về đường đạo-đức thật là sút kém bậc tiền-nhân nhiều, và nếu phong-hóa cứ mỗi ngày một xuống mãi như thế này thì sớm trưa tất thành một sự nguy to cho xã-hội ta.

Chốn gia-đình là cái trung-tâm của xã-hội, đảng thiếu-niên là cái tương-lai của nước nhà, bọn thượng-lưu là cái chủ-não của quốc-dân. Nay ta xét ba mối đó thì đủ biết cái lòng đạo-đức trong nước ta suy sút là dường nào.

Ngày nay nhiều người không lấy chốn gia-đình làm trọng nữa, không những thế, lại coi gia-đình là một sự bó buộc mình, chỉ muốn thoát-li cho khỏi. Làm con thì lấy cái quyền cha mẹ làm nặng, lấy lời khuyên bảo làm phiền, không kể còn có kẻ vô-loại đến ăn ở bất-nhân bất-hiếu với đấng sinh-thành ra mình, đãi cha mẹ tệ hơn kẻ ăn người ở, hạng ấy không phải là không có nhiều. Cha mẹ còn như vậy, huống chi là ông bà chú bác, xưa kia còn có quyền khuyên nhủ quở-mắng kẻ bề dưới, mà ngày nay trong nhiều nhà coi hầu như người dưng nước lã. Ngày xưa gia-đình là cái đoàn-thể đông đúc vững vàng, lấy tình thâm nghĩa nặng mà giàng buộc lẫn nhau để cùng nhau gánh vác sự đời. Ngày nay gia-đình hầu thành như chốn nhà trọ tạm thời, tiện ở thôi đi, muốn đi muốn ở mặc lòng, không bận lòng đến những điều tình nặng nghĩa sâu gì cả. Có người thân làm chủ một nhà mà tự mình ăn ở hoang-toàng để gây

thành cái gương xấu cho vợ con, mà không những không lấy thế làm tự-sỉ lại lấy thế làm tự-cao. Càng trong bậc giàu sang quyền qui, cái thói dâm-dật phóng-đãng lại càng thịnh. Người đàn-bà không phải là người chủ-trì cái gia-đạo, coi-sóc trong việc nhà, mà thành một vật trang-hoàng để phô bày nơi đàn-điếm, cũng có khi làm cái đại-giá để mua chuộc mối lợi quyền ! Ôi ! tự-do bình-đẳng vẫn là những chữ hay, nhưng hiểu lầm thì thành cái vạ cho xã-hội, và thứ nhất luân-thường đảo-điên, gia-đình đổ nát là vì đó. Ngày nay gia-đình ở nước ta thật không có kỷ-cương gì cả, đến nhà danh-gia thế-phiệt cách cư-xử cũng thấy phóng-túng hơn xưa, không nói đến những bậc trung-lưu hạ-lưu nữa. Gia-đình là cái yếu-tố trong xã-hội ; gia-đình đã hỏng thì xã-hội vững sao được.

Nói đến bọn thiếu-niên lại thêm chán nữa. Thiếu-niên ở nước người ta thì ham mê những điều nghĩa-lý, mơ tưởng những việc cao-xa, hào-hiệp can-đảm, hăng-hái nhiệt-thành, tập những cách hào-hoa phong-nhã, kỵ những điều thô-bỉ tục-tằn, học là mong để lập thành những sự-nghiệp lớn-lao có ích cho nhà, có lợi cho nước, không phải là chỉ học để mà đi thi, đi thi để mà kiếm cái công việc bần-tiện đủ nuôi một thân hèn. Nói tóm lại bọn thiếu-niên ở nước người ta là phần tinh-hoa trong một nước, chưa nhiễm phải thói đời khinh-bạc mà còn giữ được cái lý-tưởng cao-xa trong-sạch ở trong lòng. Người ta thường kinh-lịch lắm mà thành ra chán đời, hoặc sinh ra ngờ hoặc, hoặc sinh ra kiêu-căng, nên càng có tuổi mà cái chí hăng-hái cái lòng hi-vọng thanh-cao lúc thủa trẻ càng nguội bớt đi, giảm dần đi, biến thành ra cái tinh giảo-hoạt cơ-quyền, Chớ đương lúc thiếu-niên thì trong lòng trong trí còn thần-nhiên như không, trong sạch sáng-sủa mà không có chút khuất-khúc ám-muội gì, ham mê một cái lý-tưởng gì là chỉ vì cái lý-tưởng ấy quảng-đại thanh-cao mà ham mê, không phải mong lấy sự lợi-lộc gì. Tuổi thiếu-niên thật là tuổi hoàng-kim, tâm-địa nhà thiếu-niên thật như hòn ngọc bán không tì, mà chức-vụ của đảng thiếu-niên là phải « phụng-sự cái thần lý-tưởng » (*servir l'Idéal*) vậy. Nay xét đến bọn thiếu-niên nước ta thật là trăm nghìn phần không được một phần. Sự giáo-dục trong gia-đình như trên kia đã nói tuyệt-nhiên không có, ngay từ thủa nhỏ trông cái gương xấu, nhiễm những thói xấu, rồi càng lớn lên càng thành ra khinh-bạc ngạo-mạn, không biết sự lễ-phép, sự kỷ-cương là gì. Ở nhà phản-đối cha mẹ, ra trường bỉ-báng ông thày, giao-tiếp với người ngoài thì không thô-bỉ tất ngoan-ngạnh, không sấc-lấc tất nhố-nhăng. Lời ăn tiếng nói sàm-tạp hỗn-hào, tây không ra tây tàu không ra tàu, mà An-nam không ra An-nam. Ở nơi thành-thị có hẳn một thứ tiếng nói riêng của hạng thiếu-niên không biết tự đâu đặt ra mà nghe nó đểu-giả vô cùng, thực là những giọng nói của bọn côn-đồ không có giáo-dục. Không kể lại còn có một hạng vô-lại tử-đệ lấy sự dâm-bôn phóng-đãng làm tự-cao. Bọn thiếu-niên ta có biết chữ mà tuyệt-nhiên không có giáo-dục, đức-dục đã bại-hoại mà trí-dục cũng chẳng ra gì. Ngày nay đua nhau đi học chữ tây, học vẫn là hay, mà hỏi học để làm gì, thật không người nào trông xa đến ngoài cái bằng tốt-nghiệp, ngoài cái địa-vị thày thông. Đến sau có học nữa cũng là chỉ chủ để thi cái nọ thi cái kia, mong được thăng trật tăng lương, chớ không còn có cái mục-đích gì nữa. Cái chí-thú của bọn thiếu-niên ta thật là hèn mà cái nhỡn-giới thật là hẹp ; sự trí-dục thật là suông, mà sự đức-dục

thật là hỏng. Như vậy thì làm gì có cái khí-khái lớn, làm gì thành sự-nghiệp to. Than ôi! đảng thiếu-niên là cái tương-lai của nước nhà. Thiếu-niên như thiếu-niên nước ta thì nước nhà sau này còn trông cậy được gì?

Nay xét đến hạng thượng-lưu mới lại phân-vân lắm nữa. Trước hết hãng hỏi thượng-lưu là ai? Có phải là người làm quan không? Có phải là người học-hành không? Hay là nhà buôn-bán? Hay là tay thầu-khoán? Khó mà biết được. Nhân-phẩm người ta là ở sự tri-thức và sự đạo-đức. Nay xét những hạng cái địa-vị có thể gọi là bậc thượng-lưu được, thì tri-thức đã rất là tầm-thường, mà đạo-đức mới thật là suy kém. Những nhà nền nếp như xưa, nay không còn nữa, và càng bậc phú-quí lắm lại càng hoang-toàng nhiều. Cái bi-sử của nhiều nhà danh-gia thế-phiệt, quyền-quí phong-lưu, thật là có lắm đoạn ô-uế, làm nhục cho danh-giáo, hại cho thế-đạo. Mà hại nhất là những sự ô-uế đó không mấy người lấy làm ô-uế, có người lại cho là những thủ-đoạn giỏi, đáng khen! Cho hay phong-tục đã suy thì cái dư-luận cũng suy, dư-luận đã suy thì không còn ai biết dở hay phải trái là gì nữa, ai muốn làm gì thì làm, không còn quản gì đến miệng đời khen chê. Lại thêm đương lúc giao-thời này các đẳng-cấp trong xã-hội không có phân biệt, những kẻ xuất-thân dê-tiện mà giảo-hoạt khôn-khéo làm nên được giàu-sang, nghiễm nhiên coi là bậc thượng-lưu, nhưng chưa có cái giáo-dục xứng-đáng, thường bày cái khí-vũ, cái phong-thói bọn hạ-lưu ra, khiến cho kẻ khác trông thấy giàu sang mà bắt chước, thành ra phong-tục cứ mỗi ngày một suy đồi mãi đi. Ngày nay trong bọn giả thượng-lưu đó tuyệt-nhiên không cái chủ-nghĩa, không có cái sự-nghiệp gì cao-thượng, từ kẻ lớn cho đến người nhỏ, từ kẻ sang cho đến người thường chỉ biết phụng-sự một cái tôn-giáo, là sự thờ ông thần Tài vậy! Ngoài ông Thần đó không có cái gì đáng kính, đáng trọng, đáng quí, đáng yêu. Muốn đẹp lòng ông thần ấy thì dù bán vợ bán con, phải chịu khuất-nhục đến thế nào cũng cam! Ôi! tự cổ kim không thấy bao giờ người ta làm nô-lệ đồng-tiền một cách đê-tiện bằng bây giờ. Ngoài đồng tiền không có gì nữa, không có nước, không có nhà, không có cha mẹ, vợ con gì nữa. Chỉ đối với ái thần Tài là hết lòng thành-kỉnh, còn ngoại-giả mơ-màng như nằm trong giấc mộng, không biết việc nước, việc đời, việc thiên-hạ thế nào. Đừng có nói chuyện nghĩa-vụ với những bọn đó mà uổng công, một là không hiểu là cái vật gì, hai là hiểu mà không có bụng sốt-sắng làm nên được thành việc. Bọn thượng-lưu ta cũng như bọn thiếu-niên trên kia thật là cái chi-thú rất hèn, cái nhỡn-giới rất hẹp, cái tri-thức rất ngắn, và sự đạo-đức rất thấp. Như vậy thì có gọi là bọn thượng-lưu được không? Như vậy thì có cái tư-cách gì là bọn thượng-lưu một nước không? Thiết-tưởng chỉ có cái hình-thức, cái ngôi-vị thượng-lưu, mà chưa có cái tinh-thần, cái chân giá-trị kẻ thượng-lưu vậy.

Ấy chốn gia-đình, đảng thiếu-niên, bọn thượng-lưu là ba cái bộ-phận trọng-yếu trong nước ta bây giờ như vậy, coi đó thì khá lượng được cái toàn-thể trong xã-hội thế nào. Những người có chí trông thấy cái cảnh-tượng ấy có thể ngồi yên mà không tìm phương đặt kế để ngăn-ngừa cái sóng đồi-phong kia sắp đến ngày tràn ngập cả xã-hội ư? Có thể điềm-nhiên mà nhìn cái lũ người vô-tri vô-giác kia đua nhau mà xô đẩy xuống chốn vực thẳm hang sâu ư? Nào những người giàu cái bụng đạo-đức, giỏi cái

thuật kinh-luân, nên kíp kíp ra mà xây dựng lại cho quốc-dân cái xã-hội mục-nát này !

Nay hẵng xin tạm gõ hồi chuông cảnh-cáo cho quốc-dân tỉnh ngộ.

THƯỢNG-CHI.

BÀN VỀ TIẾT-KIỆM

Tiết-kiệm nghĩa là dè sẻn không phải là bỏn sẻn, tùy bề-thế từng người mà tiêu dùng cho có chừng, không hoang-phí cũng không vô-ích. Ấy là điều rất cần trong đạo kinh-tế, thánh-hiền Đông Tây giảng dạy đã nhiều trong kinh sách không cần phải nói ra đây cho kỹ. Thế mà những câu đạo-đức ấy, đến bây giờ đã thành ra trần-hủ, trong xứ ta tự bậc trung-lưu trở lên, nhất là về bọn thanh-niên, không biết có ai còn giảng-cứu đến nữa chăng ?

Có người nói : « Ở-đời có đua tranh mới có tiến-hóa ; nếu cứ an-thường thủ-phận không theo đòi ai, tiết-kiệm chẳng qua lợi riêng cho một người hay một nhà, nào có quan-hệ gì đến việc chánh-trị của Triều-đình, có ảnh-hưởng gì đến việc tiến-hóa của xã-hội. »

Thực chưa xét đấy mà thôi, chính vì không cần không kiệm, đã làm cho nguyên-khí của nước nhà phải tiêu hao, phong-hóa trong xã-hội phải đọa-lạc ; đang lúc người khôn của khó, đua lợi đua danh, thì cái tệ hại ấy lại càng ghê-gớm hơn nữa. Xem ngay hiện-trạng xứ ta bây giờ biết bao nhiêu kẻ hèn-yếu đã phải lưu-li thất-sở, bao nhiêu kẻ cường-bạo đã thành ra đầu trộm đuôi cướp, dân du-thủ du-thực ngày càng nhiều, án tham-tang hà-lạm ngày càng lắm, dù việc bởi lẽ này việc bởi lẽ khác, song suy-nguyên kì-cố cũng là vì tập thói xa-hoa không giữ tiết-kiệm mà ra cả. Vậy chữ tiết-kiệm thực là điều ngày nay chúng ta nên giảng-cứu trước mọi sự.

Những nhà triết-học có người nói : « Văn-minh trong thế-giới bởi loài người có thị-dục mà ra. Đường sinh-hoạt người ta cứ mỗi ngày một lên, không chịu giữ một mực ; trước còn ăn lông ở lỗ, sau biết dùng lửa nấu, chế cửa nhà ; mọi sự dưỡng-sinh trước còn mộc-mạc, sau ra văn-hoa. Những vật trước đã lấy làm hoàn-toàn sau còn hiềm là thiếu-thốn ; những sự trước đã lấy làm kinh-dị sau cũng coi là tầm thường. Hi-vọng ngày càng lớn thì sự nghiệp ngày càng nhiều, mà trình-độ văn-minh lên chừng nào thì cái xa-xỉ loài người cũng phải theo lên chừng ấy. Cứ đem lịch-sử ra mà xem thì biết cái thị-dục loài người thực đã thúc giục đường văn-minh cho lên đến cực-độ. » Than ôi ! những lý-tưởng ấy nếu hiểu lầm sẽ có hại lớn. Văn-minh trong thế-giới dù bởi cái hi-vọng cao-thượng của người ta mà ra, song sự nghiệp văn-minh thực là nhờ ở cần-kiệm. Ở đời này, bao nhiêu công lớn việc nhỏ, là chẳng phải nhờ đến tư-bản và sức người ? Không cần không kiệm thì sức người và tư-bản lấy đâu mà ra ? Vả lại cùng là loài người ai cũng có thị-dục khác nhau, văn dã là bởi tri-thức mà thôi. Dân dã-man có thị-dục mà không có tri-thức, kiếm bữa nào sào bữa ấy, lo ngày nay không hay ngày mai ; có khi chỉ cần khoái-lạc lấy một lúc, mà để ưu-hoạn đến cả đời, có khi chỉ mưu ích-lợi cho một mình, mà để thiệt-hại nhiều kẻ khác. Thị-

dục càng lắm, nhân-phẩm càng đê, loài người sánh với muông chim không khác nhau là mấy. Còn dân văn-minh biết nghĩ xa, biết lo trước, biết dự-bị đề-phòng, có khi nhịn ăn bớt mặc, để tài-bồi mà hưởng-thụ về sau, có khi cố sức hết lòng để mưu công-ích cho xã-hội. Bao nhiêu sự-nghiệp mà người ta được hưởng ở đời này đều là đức kiệm công cần của ông cha để lại từ trước. Vậy bảo văn-minh bởi thị-dục mà ra, sao bằng bảo văn-minh bởi cần-kiệm mà ra là có lẽ hơn.

Có người nói : « Cách ở đời phải tùy thời mà thay đổi. Chén ngọc đũa ngà, cổ-nhân đã chê là xa-xỉ, đến bây giờ cũng là vật thường dùng ; áo gấm xe ngựa, ngày xưa đã vào bậc vương-hầu, bây giờ chưa lấy gì là sang-trọng. Huống chi Âu Á giao-thông, ngày nay không phải lúc nhà ai đóng cửa cứ giữ thói nhà ấy. Người ta múa hát lâu-đài, áo xiêm ngọc lụa, sao mình chịu cứ cà chua mắm mạn, nỗi dất mâm nan. Cách theo dấu văn-minh, trước cứ hình-thức sau mới tinh-thần. Giảng chữ kiệm ở thời này thế là thoái-hóa không phải là tiến-hóa. » Cách cư-xử theo thời không bằng theo thế, địa-vị mỗi người một khác, phải biết người là ai mà ta là ai. Ăn không cao-lương không no, mặc không gấm vóc không ấm, con nhà quyền-quí coi là sự thường; mà con nhà lực kém tài hèn, cũng nô nức đánh đu với tinh, chẳng hư thân cũng bại nghiệp. Những nhà buôn to bán lớn, chi phí tiền trăm bạc chục không là mấy, mà kẻ kiếm chẳng ra làm chẳng nẩy, cũng tấp-tểnh trứng chọi với đá, chẳng thất-thổ cũng vong-gia. Cho nên người ta nói : « giả văn-minh là đường tội-lỗi », không phải là lời nói không,

Lại có người nói : « Người xứ ta vốn là người cần-kiệm, ăn quen kham khổ, làm quen nhọc nhằn, nhất là những nhà canh-nông, dầm mưa dãi nắng, ăn ngô ăn khoai, hết các nước trong hoàn-cầu chưa có dân nào tân-cần kiệm-ước hơn nữa. Cũng có người khéo dùng trí-lược, giữ được lợi-quyền, lên mặt hào-hoa, quá tay huy-hoắc, song những người ấy đứng vào số ít trong quốc-dân, sao đủ làm hại cho việc kinh-tế cả xứ mình được. » Ta phải biết rằng những người hay ăn là những người làm biếng, những người hay chơi là những người vô tài ; đã không có tài sức thi-thố ra bên ngoài mà kiếm ăn, thế tất bác-tước những kẻ hèn-yếu chung quanh mình để cầu cho thỏa-thích thị-dục. Kẻ phải bác-tước vì những kẻ có thế-lực hơn mình, mà mình không chống được, thể cũng phải bác-tước kẻ khác còn hèn yếu hơn mình để đền bù lại. Kẻ bác-tước được tự-nhận là lợi-quyền, kẻ bị bác-tước cũng chịu nhận là nghĩa-vụ. Người khỏe bác-tước người yếu, người yếu bác tước người ốm, người nào cũng bác tước người ta mà người nào cũng bị người ta bác-tước. Cứ bác-tước lẫn nhau thành ra một cái xã-hội sâu mọt.

Ấy là vì một số ít người có thế-lực mà không tiết-kiệm, đã làm cho nhiều người mất cơ-quan tiết-kiệm ; lại còn nhiều bệnh phổ-thông khác làm cho nhiều người mất tư-cách tiết-kiệm của mình đi. Xin kể một vài mối lớn như sau này, để làm chứng-cứ cho người ta suy xét.

1° Một là vì ngu-dại mà không tiết-kiệm.

Người ta không những có chân tay tai mắt mà đủ làm người, còn phải có trí-khôn, có học-thức, hiểu pháp-luật thông sự-lý, mới có thể tìm cách sinh-nhai và chống-chả lại mọi mặt cạnh tranh trong xã-hội. Muốn mở trí-khôn phải có học-vấn ; nay xứ ta, trong 1.000 người, chưa được 30 người có học ; trong 30 người có học, cầu lấy thông pháp-luật hiểu sự-lý chưa chắc đã được 3 người. Lấy 3 người học-vấn

mà đứng trong 997 người ngu, có khác gì một cây tre trong bè gỗ mục. Người đã không có trí-thức, dù hết sức tai mắt chân tay để cầu sinh-hoạt, chẳng qua cũng chỉ làm ngựa trâu cả thịt cho người khôn, ở trong làng phải kẻ cường-hào hà-hiếp, ra thị-tỉnh phải đứa gian-tham đánh lừa ; nào cô đồng thày pháp cũng có thể nói dối lấy tiền, nào tửu-quán ca-lâu cũng là chỗ bày trò ăn dỗ. Chẳng những thế mà thôi, lại còn nay cờ mai bạc, nay kiện mai tụng, thiên-phương bách-kế, làm cho người ngu có đồng tiền trong túi phải thất-điên bát-đảo mà lòi ra. Phương-ngôn có câu rằng : *Hay làm mà chẳng hay lo, làm khốn làm khổ làm cho nhọc mình* ; như thế còn tiết-kiệm làm sao cho được ?

2° Hai là vì mê tín mà không tiết-kiệm.

Người ta cả năm cần-lao cũng phải có một ngày dật-lạc, ấy là sự rất cần trong đạo dưỡng-sinh ; như những ngày giỗ, ngày tết, ngày hội, ngày hè, là những ngày tế tự ăn chơi, trước là giữ gìn lấy lòng trung-hiếu, sau là đền bù những lúc cần-lao. Còn như quá tin những lời họa phúc, bày vẽ những sự giả dối, như đốt vàng đốt mã, chẳng những phí của vô-ích lại phải tiếng cười là ngu. Không kể những thành to tỉnh lớn, nay cứ vào bất-kỳ một cái chợ nào, thấy ngay một dẫy thày bói, một dẫy cô hồn, nào hàng vàng hàng mã, nào hàng hương hàng hoa, đã chiếm hết một phần ba cái chợ. Lại khảo sổ hàng Tàu nhập cảng tại một cửa Hải-phòng, như trạng-kim, thiếc lá, giấy ngũ-sắc, giấy tạ, cùng các thứ vật-liệu khác để làm đồ hoa-man, trong một năm có 300 vạn lạng. Nếu người ta biết đường tiết-kiệm để số tiền ấy mà làm việc có ích, thì công nào mà không nổi, nghiệp nào mà không nên. Ngán thay ! thời đến ngày nay, như gà đã gáy sớm trời đã rạng đông, mà mình còn trầm-trầm mặc-mặc trong giấc chiêm-bao, biết đến bao giờ mới tỉnh !

3° Bà là vì thói quen mà không tiết-kiệm.

Đất có lề, quê có thói, người ta sinh ra trong một xứ, dễ ai đã ra khỏi thói quen. Song vận trời thay đổi thì thói đời cũng phải biến-thiên : Thời đã sinh ra văn-tự, không có lẽ còn giữ thói buộc dây, thời đã chế ra áo xiêm, không có lẽ còn đeo lông mặc lá. Ông cha mình sinh ra khoán-lệ, để duy-trì phong-hóa một thời, chớ không phải để trói buộc con cháu. Việc lâu ngày sao cũng có tệ. Vậy thói xấu nên bỏ mà thói tốt nên theo. Trong xứ ta một nghìn thói xấu khác, thì thói chứa lệ làng, thói trả nợ miệng là những tệ chung và có hại lớn. Xã-hội các nước mục-đích ở thông-công dịch-sự, mà xã-hội nước ta mục-đích ở họp người làm vui. Vì thông-công dịch-sự, cho nên hay giúp nhau để mưu sinh-tồn ; vì góp người làm vui, cho nên hay khoe nhau để cầu danh-dự. Như nước Y-phanho có tục đánh thẻ, hay góp nhiều số nhỏ mọn của nghìn muôn người trong nước mà giúp cho một người được số tiền to. Nếu mỗi năm mười lần đánh thẻ sẽ có mười nhà nên giàu, như thế trong vài mươi năm trong nước có bao nhiêu là nhà có tư-bản lớn. Xứ ta có lệ chứa việc làng, trả nợ miệng, hay phá của mồ hôi nước mắt của một nhà, để làm một bữa no say vô-vị cho cả xã. Nếu mỗi năm cứ mươi lần chứa đám, sẽ có mươi nhà nên nghèo, như thế, trong vài mươi năm, cả làng sẽ phải kế nhau mà thất-nghiệp. Chúng ta ai chẳng có làng, ai chẳng có lệ, cứ nghĩ ra cho kỹ, thực là một điều đáng kinh. Vì thói quen mà không tiết-kiệm được là thế.

4° Bốn là vì hiếu-danh mà không tiết-kiệm.

Xưa nay những đấng anh-hùng hào-kiệt đều là đấng hiếu-danh, danh hiếu càng lớn thì sự-nghiệp càng to, cho nên có người đã bỏ của bỏ mình mà mua lấy cái tiếng. Song danh là số thành của sự thực. Có thực thì mới có danh, hễ muốn cầu danh thì phải cầu thực-lực. Lạ cho người xứ ta hiếu-danh riêng ra một lối, không hiếu *danh-dự* chỉ hiếu *danh-xưng*, nghĩa là chỉ thích cái danh cho người ta gọi, mà không hiếu cái danh cho người ta khen. Ở trong làng muốn cho người ta gọi mình là ông tổng ông lý, mà mình thực không cần biết chức trách tổng-lý là những gì ; Ra ngoài muốn cho người ta gọi mình là quan nọ quan kia, mà mình thực không cần biết tư-cách ông quan phải thế nào. Thậm chí chữ nhất là một không biết cũng hiếu-danh thày khóa thày đồ, một đồng không hề li cho ai, cũng hiếu-danh thiên-hộ bá-hộ. Bấy giờ bòn mót cho hết những của bớt chắt cả đời, để đi mua lấy danh cho người ta gọi. Vợ cũng lột hết tư-trang mà mua danh cho chồng ; cha cũng phá hết tài-sản mà mua danh cho con. Tẻ ra cái danh gọi là cái danh hư mà đồng-tiền bỏ đi là đồng tiền thật. Vì hiếu-danh mà không tiết-kiệm được là thế.

Ấy là những tệ thông-thường xưa nay làm cho người ta không tiết-kiệm được. Còn đến bây giờ phong-hội ngày mở, lòng người ngày kiêu, tiếng dâm sắc đẹp để đắm lòng tà ; của khéo miếng ngon để mê tình dục. nhà đại-quí không hay tiết-kiệm, bạo-điền cho lắm chẳng qua tổn danh ; nhà đại-phú không hay tiết-kiệm, huy-hoắc cho lắm chẳng qua tổn của. Còn từ bậc trung-lưu trở xuống, sợ đã bước vào lối phiền-hoa khó lộn lại con đường đạm-bạc. Bấy giờ sẽ sinh ra mọi điều gian-ác nguy-hiểm, làm cho nhiễu-hại hòa-bình, làm cho phương-hại chánh-trị. Ngày xưa trộm cướp là bởi đói cơm rách áo, ngày nay trộm cướp là bởi ăn lắm chơi nhiều ; ngày xưa tù-tội là bởi ngộ-phạm, ngày nay tù-tội là bởi cố-phạm. Như thế còn giáo-dục nào, pháp-luật nào mà duy trì phong-hóa nhân-tâm cho lại.

Đã ba năm nay, Âu-châu sinh ra có chinh-chiến lớn, hao người tốn của, Chánh-phủ các nước phải tìm phương bổ-cứu, phải hạn-ngữ của ăn của dụng cho dân. Vậy chánh-sách tiết-kiệm các nước văn-minh đã công-nhận là vô thượng chủ-nghĩa ở thời này. Huống chi chúng ta đang ở dưới bóng cờ Bảo-hộ, muốn mở lối công thương, ắt phải nhờ tư-bản. Như thế mỗi người chúng ta không nên biết đường trử tích để lo giữ, lấy lợi quyền hay sao ?

NGUYỄN BÁ-HỌC

LỐI TẢ-CHÂN TRONG VĂN-CHƯƠNG

Bàn về nhà văn-sĩ Pháp GUY DE MAUPASSANT (*1850-1893*)

Ông GUY DE MAUPASSANT (*Mô-bát-xăng*) *là một nhà làm tiểu-thuyết có tiếng ở nước Pháp, chuyên-trị lối « đoản-thiên tiểu-thuyết »* (contes) *và rất có tài về cái thuật tả-chân* (réalisme). *Văn-chương ngày nay thường trọng lối tả-chân hơn lối phá-bát. Bài sau này bàn về ông* MAUPASSANT *là một tay cự-phách trong lối tả-chân, nói rõ cái hay cái dở của lối ấy ; dịch theo trong báo* Information d'Extrême-Orient (*cực-Đông thời-báo*), *số 83.*

Người ta thường nói đất Normandie (Nô-măng-đi) [1] là đất hay sinh được nhiều tay văn-sĩ có tài. Về lối văn-chương tả-chân có hai bậc thật trước-danh : FLAUBERT (Phô-lô-be) tiên-sinh và MAUPASSANT (Mô-bát-xăng) tiên-sinh. Phô tiên-sinh đã vào bậc tiền-bối một ít, Mô tiên-sinh còn là bậc hậu-sinh gần đây : tiên-sinh sinh năm 1850, mất năm 1893. Nay ta bàn riêng về Mô tiên-sinh. Ông Mô thường cảm-phục ông Phô và suy-tôn làm thày ; hồi mới tập làm văn thường đem bài vở đến cho ông sửa. Ông Phô người thẳng hay nói thực, mỗi lần xem văn của học trò, thường chê và mắng, nói rằng : « Tao không hiểu mày nói cái gì. » Học-trò thấy vậy không nản chí, lại càng cố gắng mãi lên, kỳ cho văn thật được hay mới nghe. Tập tành mãi, một hôm mới được thày khen cho một câu rằng : « Được đấy, con ạ, cứ thế là được ! » Từ bấy giờ ông Mô mới dám đánh bạo đem xuất-bản một tập thơ thứ nhất đề giản-dị một chữ là « Thơ » (Des Vers). Bấy giờ ông đã ba mươi tuổi. Bấy nhiêu tuổi mới vào văn-xã thì cũng là chậm lắm vậy, chẳng bù với những nhà làm sách ngày nay chưa đến hai mươi tuổi đầu đã xuất-bản luôn sách nọ đến sách kia, chưa từng trải việc đời mà cũng chưa thuộc nghề làm văn.

Nhờ có thày nghiêm rèn tập cho từ thủa mới bắt đầu như vậy, nên Mô tiên-sinh mới chóng nổi tài, về sau suốt đời vẫn nhớ ơn thày cũ. Tự ba mươi tuổi trở lên tịnh không trước-thuật gì, tự ba mươi trở đi làm luôn một hồi không biết bao nhiêu sách, cái tài kết-cấu mạnh được như vậy, là nhờ ở cái kỷ-luật nghiêm lúc băn đầu vậy. Trong khoảng mười năm trời xuất-bản luôn hai mươi bảy pho sách (vừa trường-thiên đoản-thiên-tiểu-thuyết vừa kịch-bản), cái não-lực thường có đâu mà dùng được quá-độ như vậy. Nhưng cũng bởi ông dụng-lực quá như thế nên đến khi trở về già người suy-đồi đi mà thành ra bệnh-tật. Ông vốn là người mạnh khỏe, tuy là tư-cách nho-nhã mà lực-lưỡng như người nhà quê, thế mà sau đâm ra bệnh thần-kinh bực-khổ lắm, rồi kết-cục đến chết ở nhà thương Auteuil (Ô-tơi) gần Paris. Thực thì chỉ vì ông dùng não-lực đến quá-độ, lại ham-muốn sự đời quá muốn hưởng cái thú ở đời đến cực-điểm, nên thật như lời ngạn tây nói đã « đốt nến cả hai đầu », thì mong sao đốt được lâu.

Ông thứ nhất là một người ham cái « nhục-thể (*sensuel*), cứ coi các sách vở của ông thì đủ biết. Vốn là một tay tả-chân, nên rất là say mê cái vật-giới ở ngoài và chú-trọng cái hình-thức trong văn-chương. Đó là cái phần giống với thày là FLAUBERT (Phô-lô-be) tiên-sinh, nhưng chỉ giống có thế mà thôi, vì còn kém thày một điều, là quá mê cái vật-giới mà không thấu-hiểu đến tâm-giới (*vie intérieure*) một chút nào. Tính hiếu-thực, hay chào-phúng, phàm sự-vật cái gì có hiền-nhiên, mắt trông thấy, tai nghe thấy, tay cầm được, mới chịu cho là thực, ngoại-giả hoặc cao hơn hoặc sâu hơn không nghĩ tới ; mà thực ông hiển-danh vì những truyện đoản-thiên của ông, cứ xét những truyện đó quả không có cái lý-tưởng cao sâu gì. Tuy vậy mà thật là một áng văn-chương tuyệt-phẩm, vì nó hình-dung tả-mạc được hết cái tâm-tình, khóe ăn ở của cả hạng người thường-thường là cái hạng người hằng ngày ta thường gặp và ta thường khinh-bỉ coi thường. Ông tả cái hạng người đó thì thật có nét bút thần, đúng như hệt vậy. Đọc văn ông thì biết phàm con mắt ông đã nhìn là ngòi bút ông không sót một chút sào. Cái tính hiếu-thực của ông đã thành « tích », trong khi làm văn

(1) Thuộc miền Tây-Bắc nước Pháp.

ông không dám sai sự thực một mảy may, coi sự thực như thánh-thần vậy. Ông không biết cái thuật truyền-dịch sự thực ra lời văn, coi cái thuật đó như một sự phạm-tội với cái đạo tả-chân (*doctrine réaliste*) vậy. Bởi thế nên những bài đoản-thiên của ông khéo lắm có thể ví như cái cửa sổ mở vào giữa cuộc đời, nhưng mở một lát lại đóng lại ngay. (1) Khiến cho mình nhìn qua mà nhác trông được một cái cảnh hoặc nực cười, hoặc cảm-động, hoặc bỉ-tiện, hoặc thảm-thương, nhưng chỉ được thoáng trông như lướt qua trước mắt, thế mà thôi.

Những truyện đoản-thiên mà ông MAUPASSANT (Mô-bát-xăng) mới xuất-bản đã được thiên-hạ hoan-nghênh quá chừng. Ai đọc cũng phải thích, vì nó có cái vẻ linh-hoạt, lại có cái thú hài-hước ; những bậc văn-nhân cũng phải ưa, vì cách kết-cấu có điều-độ và lời văn thì vừa cứng vừa súc, tưởng văn-chương đến bậc đó là tuyệt-phẩm, nhưng xét kỹ thì cái hay trong văn đó chỉ ở sự giản-ước (sobriété) mà thôi. Nhờ ông mà ta biết cái phong-thói, lời nói năng, sự tư-tưởng, lòng hi-vọng, của cả cái hạng người phiền-tạp mà ti-tiện, như bọn hàng cá hàng rau, bọn làm thuê làm mướn, lái đò, thuyền thợ, con gái mong chồng, đàn-ông rẫy vợ, v. v. Ông lấy cái tinh lãnh-đạm, lấy con mắt « khách-quan » (objectif) mà bày trần ra cái tiểu-thế-giới (ce petit monde), đó không hề nghị-luận thêm một lời nào. Để tùy cái tính-chất người đọc, mỗi người kết luật ra thế nào thì kết. Kẻ đa cảm thời trông thấy sự bần-tiện của những hạng người đó mà cảm-thương, người nghiêm-khắc thời trông thấy mà khinh-bỉ. Ông thời ông cứ điềm-nhiên như không. Ông coi những nhân-vật trong hai trăm mười-lăm truyện đoản-thiên của ông chẳng khác gì nhà bác-vật nhìn con kiến con sâu vậy : vừa có ý tò-mò muốn biết cho thấu mà lại vừa ra bộ lạnh-nhạt chẳng biết làm gì. Song ta đã nói ông là một người rất ham cái « thể-nhục », nên phàm các sự vật chỉ có cái thân-thể người đàn-bà là đủ làm cho ông cảm-động. Ông thường nghiêm như ông thày thuốc đứng trước cái bệnh nặng, thế mà đối với người đàn-bà mặt nghiêm có thể dịu lại được ; trong lòng trong trí có lúc như ngậm-ngùi những nỗi cảm-thương. Không phải rằng, những vai đàn-bà trong các truyện của ông là những bậc hiền-thánh gì đâu. Song coi ra ông có ý khoan-dung những sự lầm-lỗi, dầu có bạo-động tác-ác ông cũng biết cho rằng thường lỗi không phải tại mình, mà bởi cái ước-lệ của xã-hội nó áp-ức người đàn-bà. Có một bộ tiểu-thuyết của ông đề là « Một đời người » (Une vie), ông chỉ kể cái đời một người đàn-bà tầm-thường, hơi có tính hữu-tình một chút. Một đời hết nạn ấy đến nạn khác, trắc-trở gian-truân, nhưng cũng là những khổ-sở tầm-thường cả, thế mà tả được hiển-nhiên như thực vậy. Thật là cái cảnh « một đời người », không sai. Người đọc không thể không cảm thương người đàn-bà đó được, người đàn-bà đó có khác gì trăm nghìn người đàn-bà khác, nhưng chẳng may gặp phải giống đàn-ông tệ-bạc nên lỗ mất cuộc hạnh-phúc một đời.

Những tiểu-thuyết trường-thiên của ông (như *Une vie*, *Bel-Ami*, *Mont-Oriol*, *Pierre et Jean*, *Fort comme la mort*, *Notre cœur*) không làm khéo

(1) Lại có người ví mỗi bài văn của ông như một tấm anh, chiếu được hết cái cảnh thực trong một lúc, nhưng chỉ thu được cái cảnh trong vật giới hiện-hiện mà thôi, mà không áng chiếu đến chốn tâm-giới u-ám. Ấy cái lối tả chân mà dùng đến quá độ thì thành ra hẹp-hòi như vậy. Tả-chân như thế là chụp-ảnh mà thôi, chưa gọi là vẽ truyền-thần được

bằng các truyện đoản-thiên. Xét ra ông không có tài làm những truyện dài phải nhân sự thực mà kết-cấu lên, chớ không một là tả sự thực, nghĩa là nhân một cái việc mắt mình trông thấy một người làm mà suy-lượng cái tâm-lý của người ấy, rồi giả-thiết ra nhiều việc khác suy ở cái tâm-lý đó mà ra. Ông MAUPASSANT (Mô-bát-xăng) đã quá quen cái thói chỉ kể những truyện vắn-tắt, những việc vụn-vặt mà thôi. Cho nên đến khi làm truyện trường-thiên cũng không khỏi cái lối tả thực tỉ-mỉ đó. Tuy vậy mà sách tiểu-thuyết của ông đọc vẫn thú lắm, có nhiều đoạn hay khiến cho người ta quên cả cái hơi truyện khí ngắn cùng cách đặt khí vụng.

Mấy năm về cuối đời, ông thường đổi tính, hay giao-tiệp với những bọn thượng lưu, có ý khuynh-hướng về đường tâm-lý xưa nay ông vẫn nhãng bỏ. Từ đó ông muốn tả những nhân-vật lỗi-lạc. Chính ông bấy giờ đương phải bệnh thần-kinh, thấy ngay trong tâm-tính mình đã thay đổi đi nhiều, không có giống gì những sự cử-động của các hạng nhân-vật cũ trong mấy tập đoản-thiên trước. Hồi bấy giờ ông viết tập *Le Horla* (truyện người điên), tả cái bệnh điên một cách rất bi-thảm ; sách ấy là biểu-chứng cái tinh-thần rối-loạn của ông. Ông chết về bệnh điên, nhưng ta chắc rằng giả-thử ông qua khỏi được mà sống thêm ít năm nữa, thời trong văn-chương của ông tất mở ra một thời-kỳ mới, sách-vở bấy giờ tất sâu-sắc hơn trước vả có lẽ thê-thảm hơn nữa. Nhưng mệnh trời không để cho ông được như vậy.

Song cứ như hiện-trạng cái văn chương của ông để lại, tuy có cái vẻ khốc-liệt mà khắc-khổ nghiêm-trang, đáng có một phần trong thư-viện của mỗi người. Cái văn-chương ấy nó thật thà như văn cổ-điển, mà lại như đằm-thắm trong cái khí-vị yếm-thế, chán đời mà chỉ biết ham-mê cái cảnh-vật thiên-nhiên.

THƯỢNG-CHI *dịch*

(Đoản-thiên-tiểu-thuyết của Mô tiên-sinh ngoài những bộ đã kể ở bài trên, trước-danh nhất còn có mấy bộ này : *Contes de la Bécasse, Mademoiselle Fifi, La maison Tellier, Monsieur Parent, Sœurs Rondoli*).

BÀN VỀ VIỆC HỌC CỦA QUỐC-DÂN

CHỮ NHO CÓ BỎ ĐƯỢC KHÔNG ?

Bài này tác-giả soạn từ năm 1915 và lai-cáo cho bản-báo đã lâu. Nay nhân cái vấn-đề về quốc-văn, về nho-học, đương nhiều người bàn, tưởng nên đăng đây để giúp một phần vào dư-luận. Quan Phủ NGUYỄN gần đàn biết cái chân-tình nho-học ở những chốn hương-thôn, nên lại càng rõ rằng chữ nho đối với dân ta còn lắm nỗi liên-lạc không thể dứt được. Lời bàn thiết-thực đích đáng, như chỗ bàn về sự cải lương việc học, có lắm khoản hiện nay Chánh-phủ đã bắt đầu thi-hành rồi. Lại chỗ bàn về cuộc dịch sách cũng là một việc rất hay, ước gì Chánh-phủ lưu-ý đến thì ích-lợi cho việc học nhiều lắm.

Từ khi khởi ra cái nghị lấy chữ Pháp đổi hẳn chữ Nho, thì ngoài đồn rằng Chánh-phủ sợ dân học nho rồi lại theo Tàu cho nên phải đổi. Tiếng đồn nhầm ấy không biết tự đâu, mà chắc là người không học-vấn mới tưởng nhầm thế, nên bàn cho sác để giải lòng ngờ.

Tình-tình quốc-dân hiện ở lịch-sử, bởi thế lịch-sử là gốc chánh-trị. Lịch-sử nước ta, học chữ nho mới từ đời Sĩ-Nhiếp ; không biết rõ chủ ý Nhiếp thế nào, mà dạy dân chữ nho, nhưng quyết chẳng phải khai-hóa dân, vì đương đời Hán muốn quận-huyện nước ta, Nhiếp dẫu là một quan thú hiền cũng chẳng dám trái mục-đích Chánh-phủ...

Phép học chữ nho bấy giờ tường lược nhường nào, không chép trong sử; nhưng bút lông chửa bỏ xuống, mà gươm sắt đã vác lên, Lý Nam-đế đuổi Thứ-sử Tiêu-Tư, Triệu Việt-vương đánh Lương tướng-quân Dương-Sàn, Ngô-vương giết Hán thái-tử Hoằng Tháo, đời đời chống giả Tàu.

Đọc sử-ký các đời vua ấy dân dẫu học nho, mà chắc còn ít, nên sử không nói ; Tàu chưa hái được quả nho tốt, ngờ hạt nho chưa nảy nở.

Đến đời Lý Nhân-Tôn dựng miếu Khổng-Tử, thì thái-học-sinh, nho-đạo dần-dần phát-đạt, thế mà Lý Thường-kiệt đem năm mươi vạn quân vây Khâm-châu, giết Ung-châu, chống Tàu lại thêm dữ. Qua Lý sang Trần nho-học càng thịnh, xem Phạm Ngũ-lão là một quan võ mà bài thơ *hoành-sáo*, cách-luật chẳng kém nhà Thịnh-Đường, thời-biết chữ nho đã khắp hết các bậc người trong nước ; nhưng giữa lúc ấy giết Toan-đô, bắt Mã-Nhi, đến nay nghe cây rung núi Vạn-kiếp, sóng vỗ bến Tương-dương, còn phản-phất tiếng reo hai mươi vạn quân nhà Trần, cảm ơn Tàu dạy chữ Hán !

Từ Lê đến Bản-Triều nước ta theo lời thày Mạnh-Tử dạy rằng : « Người khôn lấy nước nhỏ thờ nước lớn », mà sai sứ xin phong, nhưng chánh-trị trong nước vẫn từ ta cầm chủ-quyền, chẳng vì cái ấn phong-vương bôi nhọ bức tranh độc-lập.

Nước ta học chữ Tàu không hề theo Tàu, xem lịch-sử thời biết ; mà cái lệ thường ấy chẳng một nước ta, kìa Nhật-bản tinh nho-học mà trận đánh năm *giáp-ngọ*, Tàu phải nhượng đất, đền tiền. Thế là lòng người theo hay không, bởi chánh-trị tốt hay xấu, mà văn-tự không quyền ; nếu ngờ dân học chữ nước ngoài rồi theo người ngoài, thời trường học các nước văn-minh chẳng nên đặt một cái chương-trình hiểm nghèo là dạy dân tiếng nói nước khác.

Tôi dám nói quyết rằng : học cho khôn không quan-hệ gì đến chánh-trị, vậy tôi không bàn chánh-trị mà chuyên bàn về giáo-dục.

Giáo-dục cốt phải dạy cho toàn-thể quốc-dân đều biết chữ. Các nước Âu, Mỹ, nước nào giáo-dục thịnh thì dân biết chữ nhiều, Anh-cát-lợi trăm người có đến 87 người biết chữ, Đại-pháp 85, Úc-đại-lợi 61 mà Nga-la-tư 20, giáo-dục nước ta chẳng dám so với liệt-cường, nhưng học chữ nho đã lâu đời, trong trăm người đến 60 người có thể miệng đọc tay viết được, trên dưới thông dùng thành ra chữ bản-quốc.

Nhiều người thấy các trường Đốc-học, Giáo, Huấn, hầu không có nghe tiếng đọc sách, mà nghĩ lầm rằng : chữ nho là số liệt-bại, ví như cành hoa quá thời sắp tàn, dẫu để cũng rụng, chả bằng cắt đi mà tiếp hoa khác, cho thêm xuân sắc trong vườn ; nghĩ thế là chưa xét kỹ. Trường Đốc-học, Giáo, Huấn không học-trò là vì *thơ, phú, sách, luận* không thi nữa, có phải dân không học nho đâu : chúng ta nên biết chữ nho trong nước ta, cha đủ sức dạy con, anh đủ sức dạy em, không

cần mượn thày, tôi thường đi chơi các làng, chẳng ngõ nào không nghe tiếng học *Luận*, *Mạnh*, thành ra mỗi xóm có một trường, mà mỗi làng có năm bảy trường, trước hợp lại học các trường công, chẳng được bao, nay tan về học các trường riêng càng nhiều lắm. Hoa nho tàn hay chửa, hãy xin xem chốn nhà quê.

Không phải dân nhà quê cố ý thủ-cựu, bởi vì ngôn-ngữ phong-tục trong nước, hết thảy là đạo-nho, nếu ai không học, đối với người thì khế-khoán không tường, đối với nhà thì phồ-chúc không biết, như mù, như điếc, thành một người ngu ngốc ở đời, vậy nên không cứ giàu nghèo, ai có con cũng phải cho học.

Nhiều khi tôi bảo các tổng-sư dạy trẻ thuần bằng quốc-ngữ, cho trẻ chóng khôn, không cần học nho, thì bố mẹ đem ngay con về tìm thày khác dạy ; hỏi có sao thế ? Người ta đáp rằng : « Quốc-ngữ mất dấu, chữ nọ ra chữ kia, nếu không học nho, chắc sau con cháu lẫn cả tên ông vải ». Thế mới biết chữ nho có nhiều mối vấn-vít, làm cho dân gỡ không ra.

Chữ nho bỏ không xong, chữ Tây thay cũng khó, nước nào chẳng thế, mà nước ta càng hơn nữa, trăm người đến 99 người nghèo, bới đất vạch cỏ cả đời, hai tay không đủ vun vào lỗ miệng, nom thấy trường Pháp-Việt Chánh-phủ mở cửa, cũng biết cho con học đó thì dễ kiếm ăn, mà ngặt về nỗi nghèo không sẵn đồng tiền, một quyển *Lecture* giá 7 hào, đắt hơn 4 quyển *Tứ-truyện* ; một tập giấy tây giá hào rưỡi, đắt bằng trăm tờ giấy nam ; tính mình làm mồ hôi nước mắt, nửa năm trời, không đủ tiền gửi con vào trường học một tháng, nghĩ quẩn lo quanh, đành cho con học nho vậy, gọi là kiếm năm ba chữ, để biên ký việc nhà, ấy là một sự ngăn trở dân học chữ Tây, nếu Chánh-phủ không làm cho dân giàu đều, thì chữ Pháp khó lòng mà thông-hành trong nước.

Phương-chi thượng-lưu học chữ Pháp, chửa hẳn đã phát-đạt, khi trước học biết dịch giấy, bổ làm việc các sở, nghĩ đã vinh rồi, mà nay con mắt sáng thêm, biết học là cốt cho khôn ngoan, đủ sức tranh-cạnh với đời ; bác-vật-học của AMPÈRE, thực-vật-học của CUVIER, hóa-học của BERTHELOT, làm cho công-nghệ tiến-bộ, nòi giống vẻ-vang, tranh-cạnh to tát như thế, dẫu não-chất người nước ta chửa có thể ngó tới, nhưng khi cắp sách vào trong lớp học, chả ai không có lòng mơ tưởng cao xa, thế mà Chánh-phủ mở trường 40 năm nay kết-quả đến Thông-ngôn là cùng, dẫu rằng Tân-học cử-nhân, Tân-học tú-tài, đổi danh hiệu sang để mới tai mắt người, mà kỳ thực chửa khỏi hai chữ Thông-ngôn được. Chánh-phủ dùng người có hạn, học-trò đỗ mãi không cùng, chả bao lâu mà người Tân-học không có việc làm đói khó chả kém gì cựu-học, về chỗ thôn-ổ nói không ai biết, viết không ai hay, bỏ lâu chẳng dùng, dần cũng quên hết, mà những họ tên tiên-tổ, không phép lấy chữ Tây đặt lại, thường phải đem gia-phổ hỏi người ngoài, cha mẹ mất tiền trăm bạc nghìn, cho con đi học, mà thành-hiệu đến nỗi như thế, thì ai chả chán, đó là chương-trình các trường học thấp quá, làm cho các bậc thượng-lưu ngã lòng . (1)

Thế thời nước ta chỉ nên học chữ nho, mà không nên học chữ Tây hay sao ? Thưa không. Trong sách giáo-dục có nói rằng : « Văn-hóa nước mình mà gốc từ nước nào, thời phải học chữ nước ấy, mới hiểu rõ cội rễ các văn-

(1) Ngày nay Chánh phủ đã mở trường Đại học, các chương-trình học cao hơn trước nhiều. Lời bàn đấy tưởng không thích-đáng nữa.

vật đương đời mình ». Văn-hóa nước ta bởi Trung-hoa truyền sang, vậy ta nên học chữ nho, cũng như người Tây học chữ La-mã, Hi-lạp để lý-hội văn-hóa cũ của nước nhà.

Trong sách lại nói rằng : « Chẳng nước nào chỉ từ trong nước tiến-hóa, mà không nhờ ánh sáng văn-minh nước ngoài ». Đại-Pháp là một nước văn-minh bên Thái-Tây sang bảo-hộ ta, vậy ta nên học chữ Pháp, cũng như người Nhật học chữ Anh, Đức, để thâu trí-thức mới của nước khác.

Hai lối chữ ấy, đều quan-hệ với ta như thế, không nên bỏ đằng nào.

Tôi xin nghĩ các điều cải-lương như sau.

1° — Đặt Toàn-quốc-học-vụ-tổng-cục, chọn một viên có tài cán, làm cục-trưởng để giám-đốc các việc học trong nước.

2° — Dưới chia ra hai cục : 1° Giáo-dục-cục, chuyên coi các trường-học, và hội-học. 2° Đồ-thư-cục, trông coi về việc dịch sách và soạn sách.

Quan viên các cục, chỉ chọn tài học, không kể quan-hàm.

3° — Mở thêm các trường sư-phạm : sơ đẳng tiểu-học sư-phạm thì chánh-phủ chỉ cấp bằng tốt nghiệp, rồi cho tự do tìm chỗ ngồi. Cao-đẳng tiểu-học sư-phạm, thời chánh-phủ tuyển-bổ ; chuyên-môn sư-phạm cũng phải dạy sẵn, để kịp có thày cho lớp trung-học tiến lên.

4° — Bãi trường Ấu-học các tổng, mà đổi làm các trường hương-học, tức là sơ-đẳng-tiểu-học, ước 500 người nội ngoại tịch-đinh lập một trường, làng nhiều đinh, thêm nhiều trường, mà ít đinh thời 2,3 làng gần nhau chung một trường, cứ tùy địa-thế liên-tiếp, không kể khác tổng, hay khác phủ huyện.

Chánh-phủ có thể ép dân lập trường, nhưng chi tiêu việc trường, thời dân phải chịu.

Dân có quyền tự chọn lấy thày, mà thày phải có bằng tốt-nghiệp.

Trẻ con đủng sáu tuổi, thời kỳ-lý trong làng, nên bảo người có con phải cho vào trường.

Sách học trong trường bằng quốc-ngữ, nhưng mỗi tuần-lễ cho học vài giờ chữ nho.

5° Mỗi phủ hay huyện, có một trường Cao-đẳng-tiểu-học, trẻ đã tốt-nghiệp sơ-đẳng rồi mới được vào, sách học trong trường cũng bằng quốc-ngữ, nhưng cao hơn sách sơ-đẳng.

Lớp này trẻ đã biết chữ nho, thì giờ học thêm dần lên, quan Huấn, Giáo dạy chữ nho, mà chữ Pháp phải bắt đầu học, mỗi một tuần-lễ học vài ba giờ.

6° Trung-học thì các tỉnh lớn, phải có một trường, trẻ con tốt-nghiệp Cao-đẳng tiểu-học rồi, mới được vào, sách học trong trường vẫn bằng quốc-ngữ, nhưng cao hơn sách Tiểu-học.

Giờ học chữ nho và chữ Pháp cứ thêm nhiều mãi, quan Đốc dạy chữ nho.

7° Trường Chuyên-môn hãy đặt hai trường : một trường tại Huế, và một trường tại Hà-nội, người đã tốt-nghiệp Trung-học rồi, mới được vào, học chia tám môn : 1° pháp-chánh, 2° văn-chương, 3° cách-trí, 4° công-nghệ, 5° nông-vụ, 6° thương-vụ, 7° y-lý, 8° mỹ-thuật.

Nói tóm lại tiểu-học dạy trẻ các trí-thức phổ-thông đều là nghĩa-vụ giáo-dục ; cao-đẳng chuyên-môn dạy nên tài nghề để ứng-dụng ở đời ; mà đại-học thì nghiên-cứu các lẽ tinh-vi trí-dục, đều là nhân-tài giáo-dục, trình-độ có cao thấp mà thống-hệ vẫn liên-lạc. Tôi ước ao rằng các quan chủ-trương việc học suy xét cho kỹ, chớ nên để một mối gì ngăn trở sự tiến-hóa cho kẻ thiên-niên

Phụ cái dự-toán-biểu về việc dịch sách

Nay tôi nghĩ một cái dự-toán-biểu chi-tiêu về cục dịch sách mỗi năm hết bao nhiêu và trù khoản gì để chi-tiêu việc ấy.

1º Hai ông quan Tây : một ông coi dịch Bác-vật-học, một ông coi dịch Văn-chương-học, mỗi ông lương tháng là 350 p., hai ông đồng-niên là 8400 p.

2º Một ông quan Nam, lương tháng 250 p., đồng-niên 3000 p.

3º Sáu người An-nam giỏi chữ Tây, mỗi người lương tháng là 120 p. sáu người đồng-niên 8640 p.

4º Hai người An-nam giỏi chữ nho và biết cả chữ Tây, mỗi người lương là 80 p, hai người đồng-niên 1920 p.

5º Tiền mua sách để dịch. . .	1000 $
6º Tiền in sách.	2000
7º Tiền thuê nhà.	500
8º Tiền mua giấy bút.	500
9º Lương hai người plantons.	240
Chi-tiêu các khoản cộng là.	26200 $

Mỗi năm tiêu hết có bấy nhiêu tiền thì chả tốn là mấy, không cần phải trù khoản khác, chỉ lấy ngay một món tiền thường năm dân vẫn nộp, mà còn bỏ rỗi ở trong kho ấy, là tiền phụ-cấp các trường Tổng-sư.

Chiếu theo nghị-định lập trường Ấu-học các tổng, mỗi tổng phải nộp 150 p. Trong một năm chi lương thầy giáo hết 120 p., còn 30 p, thì mua đồ-thư va sắm bàn ghế, nay đồ-thư không có mà bàn ghế đã sắm xong, các tỉnh vẫn thu 150 p., hoặc 140 p.. có một đôi tỉnh, dân hỏi đến món tiền thừa ấy, thời các quan mới thôi, nhưng mà phần nhiều tỉnh thì các quan cứ thu, mà dân không từng hỏi, nếu cứ trich lấy tiền thừa mỗi tổng 30 p. chửa tiêu đến ấy, để chi việc dịch sách thời chắc còn thừa.

Này hãy tính trong Bắc-kỳ trừ ra tỉnh Lao-Kay, Yên-Báy, Tuyên-Quang, Cao-Bằng, Bắc-Cạu, Lạng-Sơn, là những tỉnh thượng-du, mà chưa mở xong các trường Tổng-sư, chỉ tính những tỉnh trung-châu, hiện đã mở trường Ấu-học là bao nhiêu tổng như sau này :

Hưng-hóa	55	tổng	Vĩnh-yên	50	tổng
Sơn-tây	40	—	Phúc-yên	32	—
Hải-dương	110	—	Kiến-an	60	—
Quảng-yên	38	—	Thái-nguyên	54	—
Bắc-giang	55	—	Bắc-ninh	77	—
Hà-đông	93	—	Hà-nam	42	—
Hưng-yên	68	—	Thái-bình	91	—
Nam-định	79	—	Ninh-bình	48	—

16 tỉnh cộng là . . . . . 987 tổng

Mỗi tổng 30 $ thì được

30 $ × 987 = 29.610 $

Trừ số chi-tiêu 26.200 $ thì còn = 3.410 $

Vậy thời chả những đủ tiền tiêu mà lại còn thừa được đến 3.140 $

Vả lại năm đầu thời tiêu hết chừng ấy, mà từ năm thứ hai trở đi, thâu được món tiền bán sách đã dịch, có thể còn thừa hơn nữa, thế là chỉ tính một Bắc-kỳ, nếu tính cả Trung-kỳ, thời cục dịch sách muốn mở rộng đến chừng nào cũng đủ tiền.

Người ta nói : bây giờ có tỉnh chỉ thu 120 $ hay là 140 $, nếu lại bắt dân nộp đủ 150 $, thì sợ dân kêu, nhưng mà không cần sợ, vì lấy để làm một việc quan-hệ trong sự giáo-dục, thì tôi dám quyết rằng cái món tiền mỗi tổng quen nộp hằng năm ấy, bớt đi dân không mừng, mà lấy đủ dân cũng không oán.

Hà-đông Mĩ-đức phu tri-phủ

NGUYỄN TẤT-TẾ *lai-cảo*

TỒN - CỔ - LỤC

Nay xét trong di-cảo của ông Trần Văn-Ngoạn *còn một tập* Tồn-cổ-lục *mươi mười hai trang nữa, kỳ này đăng nốt.*

Từ kỳ sáu, mục Tồn-cổ-lục *này là ông tú* Nguyễn Hữu-Tiến *là người trợ-bút của bản-quán tục-biên: cũng kê-cứu trong các sách ở trường Bác-cổ Viễn-đông* (Ecole française d'Extrême-Orient) *và cũng soạn theo một thể-cách như ông* Tuyết-Trang *khi trước.*

* * *

I

Nguyễn Bá-Dương 阮伯暘

Ông người làng Nguyễn-xá, huyện Thần-khê, tỉnh Thái-bình, tính hoang-toàng hay uống rượu, nhà rất nghèo, coi cũng như không, ra học kinh-đô chỉ có một cái áo dài mà thôi, nợ tiền rượu người đàn bà Hoàng-mai, người ấy đón đường lột áo. Có một cô con gái cùng làng với người bán rượu, đỗ gánh cau, người bán rượu không nghe, cô ta giận quá, lấy tiền trong lưng trả hộ cho, rồi gánh đi ngay. Ông chạy theo tạ ơn, và hỏi tên họ, cô ta gạt tay nói rằng: « Thầy là học-trò, vì chén rượu chè, tôi không nỡ để người bán rượu làm nhục, có phải tôi mong đền ơn đâu? » Đi không nhìn lại, ông trở lại hỏi người bán rượu, trong bụng ghi nhớ lấy tên rồi đội tráp lên Sơn-tây học, ở trọ một nhà hào-trưởng, khi học xong, lại làm văn, đến nỗi không có giấy viết, viết cả ra án thư, son mực lẫn lộn đen sì cả gỗ. Năm ấy có khoa thi, khảo từ huyện lên đến tỉnh đều đỗ đầu, nổi tiếng là người hay chữ, đỗ thi hương, lại đỗ luôn hội-thi, đỗ cùng khoa với ông Ngô-Thời-Sĩ 吳辰仕. Anh em bạn đồng-khoa, vỡng lọng thầy tớ, đến mừng rộn-rịp ngoài cửa, mà ông còn nằm nhịn đói ở trong nhà trọ. Có bà Quận-chủ Bảo-mẫu (1) nghe thấy ông đỗ, đem xe lại đón, hẹn gả con gái cho ông, gọi con cháu độ vài mươi cô, đều mặc gấm vóc choáng mắt, để cho ông chọn. Ông xin lấy người con gái Hoàng-Mai, phu-nhân nói rằng : « Không ngại gì ». Bèn sai ngay xe ngựa, và đưa vàng bạc gấm vóc đến trước, rồi đón cô ấy về, tôn làm vợ cả, cho cháu mình làm vợ thứ hai, tiếng khen nức trong kẻ-chợ.

Khi ông ra làm quan có tiếng là người thẳng, làm trấn-thủ Ái-châu (là tỉnh Thanh bây giờ) quan án trấn châu ấy, cậy thế bà chính-phi họ Đặng ngông ngáo, không có phép tắc, ông sai đánh, lại bắt phải lễ tiền, không thời đánh chết. Quan án trấn về nhà lấy 400 lạng vàng vào lỗi, ông giam ngay vào ngục, gác xe về kinh đem tiền lễ ấy nộp vào chúa Trịnh, tờ khai vừa vào, thời nàng Đặng-phi cũng lấy việc ông án trấn phải nhục, kêu khóc với chúa Trịnh, chúa cười mà nói rằng: « Vàng còn đây kia, kêu làm gì nữa. » Đặng-phi xấu hổ lui ngay, sau ông án trấn phải tội; đến nay người ở Ái-châu, hãy còn kể lại mà khen việc ấy lắm.

Lại tục truyền rằng khi ông chưa đỗ, học ở kinh-đô gặp ông Bình-trung-công, làng Duyên-hưng chống gậy đứng

(1) Quận chủ bảo-mẫu 郡主保母 là vú nuôi các bà chúa.

ngoài cửa, chợt hỏi đến ông trỏ vào bức tranh tùng-thạch treo trên vách làm đầu bài, ông cầm bút viết ngay rằng : *Thạch thượng thanh tùng bách xích trường, Phi hoa mãn động thủy sinh hương, Đinh ninh tiều tử hưu khinh phạt, Lưu thủ tha niên tác đống lương*, 石上青松百尺長, 飛花滿洞水生香, 叮嚀樵子休輕伐, 留取他年作棟梁, (nghĩa là cây thông xanh dài trăm thước, mọc trên viên đá, hoa bay đầy động nước hoa thơm, xin dặn kĩ càng anh kiếm củi, chớ coi thường mà chặn đi, để đến năm sau dùng làm cột cái và dường nhà) ; có ý ngụ mình là người giỏi, ngày sau tất làm quan to. Ông TRUNG-CÔNG khen câu ấy có khí-tượng, tặng năm quan tiền, đến cuối đời *Cảnh-hưng* (1740) bài thơ ấy hãy còn viết ở vách.

(Dịch sách *Tang-thương ngẫu-lục*)

LỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH. — Tài với hạnh là cái cốt yếu của người, phải đi liền với nhau. Từ xưa đến nay, những người có tài phần nhiều mỗi người một bệnh, người thời ngông-ngạo lếu-láo, không coi ai ra gì, người thời rượu chè cờ bạc, không chuyên chủ việc gì, người thời để mình hẫng ra ngoài khuôn phép, như bầy cụ hiền rừng trúc, say đắm ma men, sao nhãng việc đời, có ý cậy tài quá. Không biết trời đã cho mình cái tài hơn người, tất mình phải gánh vác việc đời, nặng-nề hơn người mới là phải. *Có tài mà cậy chi tài*, tài mà vô hạnh, tài cũng là thừa.

Có người trước thì cậy tài, sau biết tự đổi, là bực thứ nhất, cũng có người nhân việc ngoài chạm đến, rồi biết sửa đổi, như một khẩu súng, đạn đã nạp rồi chỉ máy động thời nổ, bực ấy đổi lại càng chóng lắm.

Ông NGUYỄN BÁ-DƯƠNG, là người có tài, xem bài thơ *tùng thạch* đủ biết. Nhưng hồi vô-hạnh, rượu chè giông dài say sưa trong sóm *hạnh-hoa* để người bán rượu lột mất áo, mình là học trò không biết tự-sỉ, để đến nỗi cô con gái nhà quê, phải xấu hổ thay cho học trò, thật là người có tội trong bọn rừng nho. Nhưng từ khi nghe được lời vàng ngọc của cô ả, biết đường tu-tỉnh, chăm chỉ học hành, về sau thi đỗ, làm nên quan có tiếng, thế là nhờ cái sức ngoài mà đổi.

Xem khi cô con gái trả lời nghiêm-chỉnh như là lời nói bà PHIẾU-MẪU đáp ông HÀN-VƯƠNG-TÔN, thật là lời nói đáng trăm quan tiền.

Nhiều người bởi sự phú-quí, làm mờ tối mất lương-tâm, khi còn hàn-vi, thời vợ vợ chồng chồng, đến khi làm nên, thời tiếng này tiếng khác, tội nọ tội kia, trước thời không tội, sao bây giờ nhiều tội thế ? Chỉ tội muốn mời vợ tấm cám xuống khỏi hè thôi. NGUYỄN tiên-sinh không tham giầu sang, lấy con bà quận, mà lấy cô ả kẻ Mơ làm chính-thất, thế mới đáng là ông quân tử, ơn nhờ sợi tóc không khi nào quên.

II

Đàn

Đàn *Đáy* (đàn nhà trò) và đàn *tranh* của ta, gẩy bằng giây tơ, đại-khái có bốn tiếng chính là *tính, tĩnh, tình, tinh*, và ba tiếng phụ là *tung, tang, tàng* thay đổi nhau làm chủ làm khách, chỉ bầy tiếng ấy mà thôi.

Đời gần bây giờ, mới chuộng đàn *nguyệt*, tức là đàn *Hồ-cầm* ngày xưa, một tên là *Nguyễn cầm* (của ông NGUYỄN-HÀM đời nhà Tấn (373) đặt ra). Lấy những tiếng *sừ, sang, hồ, xế, ú, cống, líu, sàng* sánh 12 bực trong bầy tiếng (七聲十二律) ở sách *Cửu phong tân nhạc thư* 九峯新樂書, nhưng tiếng tàu tiếng ta khác nhau, người gẩy hay cũng ít. Đến đời *Cảnh-hưng* (1740) có ông NGUYỄN ĐÌNH-ĐỊCH 阮廷滌 là quan nội-điện-cung-phụng, coi đội

Tiên-hữu đổi ra tiếng ta, nghe cũng đã khá, nhưng tiếng trong tiếng đục, lẫn lộn nhau chưa có soang-điệu. Ông Vũ Chi-Đồng 武支桐, người làng An-thái cũng thích đàn *nguyệt*, trước học điệu tàu, biết đủ các tiếng các bực, rồi gẩy ra tiếng ta, và sen thêm các bài đàn *đáy* đàn *nguyệt* của ta, tiếng dắn tiếng mềm, dịu dàng hợp nhau, bụng nghĩ thế nào, tay gẩy được thế. Thế mới biết các thứ thanh-âm, không thứ nào là không thông với nhau.

(Dịch sách *Vũ-trung tùy-bút*)

Lời bàn của người dịch. — Âm-nhạc cổ-nhân gọi là *tâm-thanh* 心聲 là một thứ tiếng từ trong tim sinh ra, mắt trông vật gì cảm-động vào tâm, tâm truyền ra tay, tay gẩy thành tiếng, tiếng lọt vào tai, thấm thía vào óc, có thể chuyển động cả thân-thể, mà biến đổi cả tính-tình. Âm-nhạc tức là một bài luân-lý, giảy bằng *tâm-thanh*, để thay *thiệt-thanh* 舌聲. Muốn cho tinh-thần người ta trong trẻo, phải có tiếng đàn êm ái dịu dàng, muốn cho tinh-khí người ta hăng hái, phải có khúc đàn hùng cường vui vẻ. Không những riêng từng người mà thôi, nghe tiếng đàn có thể biết được chính-trị trong nước, nghe khúc *Nam-phong* biết dân bấy giờ sung sướng, nghe khúc *Bắc-bỉ* biết dân bấy giờ oán giận, nghe Trịnh Vệ biết là tiếng đời loạn, nghe Tang Bộc biết là tiếng nước mất, cho nên người đời xưa lấy âm-nhạc làm trọng, phải sửa sang luôn. Các nước văn-minh bây giờ, cũng chăm về đường ấy lắm, thường thường có tân-nhạc xuất-bản, và đã gọi là người học hành, ai ai cũng biết âm-nhạc.

Nước ta từ xưa đến nay, về môn âm-nhạc, giao hẳn cho bọn bát-âm con hát, và một vài cậu sầm. Lại hiểu lầm rằng : *cầm, kỳ, thi, họa* là cái thú riêng của bọn tài-tử, là bọn cậy tài, chơi bời giông giải, không nên lấy đàn để dậy khắp mọi người. Vì thế lập-quốc đã hơn 2000 năm nay, các bài đàn chẳng qua chỉ có mấy bài mà thôi. Như là : *nam-ai, nam-thương, lưu-thủy, tứ-đại-cảnh*, đều là những tiếng dâm-thanh ai-oán cả, nếu lấy những bài ấy, làm bài đàn phổ-thông, không những vô-ích, có lẽ hại nữa. Ước gì có một bực có học, chịu lưu-tâm về môn ấy, hoặc đặt bài đàn, hoặc mở trường dậy nhạc, chắc rằng giúp về đường đạo-đức cũng được nhiều.

III

Phong-tục

Dịch sách *Vũ-trung tùy-bút-lục* 雨中隨筆錄 của cụ Phạm Huy-Hổ

1

Người xưa lấy giang-hà rời đổi ví việc đời, ta cho phong-tục cũng vậy. Khi ta còn nhỏ, đương đời *Cảnh-hưng* (1740), bấy giờ phong-tục còn hậu, lúc thường đi lại với nhau, còn thói kính nhường, ai có điều càn chỉ sợ người ta biết, dù các cậu vô-lại con quan, và họ ngoại nhà vua, cũng không dám công-nhiên làm xằng, hoặc có cậu nào không theo phép thường, các bực phụ-lão nhà tử tế, lấy việc ấy làm dăn bảo ngầm con em. Khi họp việc làng hay nhà bà con có việc vui mừng giỗ tết, chỉ các cụ già được dự thôi, con trai và trẻ con có được đi theo cũng dụt-dè sợ hãi, có việc bàn công thời người đứng chỉ đứng mà nghe. Xuân thu vào đám, hoặc gọi nhà trò con hát, để hát thờ thần, cỗ bàn tiền thưởng, cũng không sa-sỉ-lắm, nếu ai cho nhiều quá, súm nhau mà cười rằng điều ấy không phải là lệ cũ. Họ hàng bè bạn lại chơi, không phải đại-lễ hay là quí-khách không mổ gà vịt, trẻ tầu dù rẻ, mà người thích cũng ít, chỉ nhà quyền-môn thế-tộc mới có ; tiếp khách uống rượu chỉ dùng cái chén nhỏ, bằng ngón tay cái, vài chén thời thôi, nếu quá cho là say sưa rượu trẻ. Ta lại nghe các cụ tiền-

bối nói rằng so bấy giờ với đời *Long-đức* (1671) *Vĩnh-hựu* (1755) trước còn thuần hậu hơn, ta tiếc không được trông thấy. Đời Tĩnh-vương chính giở một ngày một nhiều, họ ngoại vua chúa, các cậu giong chơi đua nhau làm những điều quái lạ, đồ dùng đương có phép tắc, làm lại cho méo mó đi, áo mặc đương có cách thức, may lại cho mới lạ đi, giao-tiếp chơi-bời, ăn uống đứng ngồi, điều gì quan-hệ đến lễ phép, cố ý uốn nắn, làm rối loạn đi mất, ngày thành mới lạ, đua nhau bắt chước. Người nào cố giữ không theo, xúm nhau chê cười, đến nỗi lại tìm cách làm hại nữa, thói đời như thế, thật là bạc vậy.

Lời bàn người dịch. — Loài người càng khôn ngoan bao nhiêu, xô nhau về đường cạnh-tranh bao nhiêu, phong-tục lại càng suy đi bấy nhiêu, phong tục ta bấy giờ so với 20 năm trước, cũng đã kém nhiều, không những so với đời nhà Lê. Thầy Dương-Chu 楊朱 khóc dê chạy đường ngang tắt, thầy Mặc-Dịch 墨翟 thương tơ ruộm sắc sanh vàng cũng là phải.

Phong-tục là người nọ trông người kia, đua nhau mà bắt chước nhau, chính-trị cũng không thể ngăn, pháp-luật cũng không thể cấm được, chỉ có giáo-dục tốt họa may giàng buộc được chăng.

Từ khi ta theo Âu-học, nhiễm được Âu-hóa cũng nhiều, dù hay dù giở, cũng bởi tại mình, sai một li đi một dặm. Nhưng phần nhiều bắt chước điều giở, vẫn dễ hơn điều hay, nếu ta biết lừa lọc lấy những tinh thần, mà bổ thêm vào những điều thiếu thốn của ta, thời ta có thể trông mong rằng sau này dân ta có tư-cách trọn vẹn được.

2

Năm ta lên tám chín tuổi, thấy các ông già, đội nón *ngoạn sác* 靈殼, tục gọi là nón « mền giải », hay là nón *tam giang* 三江, tục gọc là thế, con nhà quan và học-trò nhà học-hiệu, đội nón *phương-đẩu-đại* 方斗大, tục gọi là « nón lá », họ hàng nhà quan, và các ông già, đội nón *cổ-châu* 古洲, tục gọi là « nón dâu », người lớn và trẻ con, đội nón *liên diệp* 蓮葉, tục gọi là « nón lá sen », con trai con gái, đàn ông đàn bà, ở chỗ kinh-kỳ đều đội nón *cổ-châu*, trẻ đội nón *tiểu-liên-diệp*, 小蓮葉, tục gọi là « nón nhỡ khuôn », đàn ông đàn bà nhà quê, đều đội nón *xuân lôi tiểu* 春雷小, tục gọi là nón « sọ nhỏ », lính tráng đội nón *trạo lạp* 掉笠, tục gọi là nón « chèo vành », người hầu-hạ và vợ con lính-tráng, đều đội nón *viên-đẩu* 圓斗, tục gọi là « nón khuôn », sư cùng thày tu đội nón *cú diện* 笱面, tục gọc là « nón mặt lờ », người có chở đội nón *xuân lôi đại* 春雷大, tục gọi là « nón cạp », người có chở một năm trở xuống, đội nón *cổ-châu*, quai bằng mây, chỉ có nhà quan và nhà có quyền-thế, có tang đội nón *cú-diện* để phân-biệt. Người trong Thanh, Nghệ, đều đội nón *viên-cơ* 圓箕, tục gọi « nón Nghệ », Mán Mường ở ngoại-trấn đội nón *tiêm-quang-đẩu-nhược*, hình như nón khua, đầu nhọn, làm bằng vỏ măng nứa, khác với người tứ trấn. Đến năm *nhâm-dần*, *quí-mão*, quân tam-phủ biến loạn, cậy công làm càn, cũng nhiều người đội nón *viên-cơ*, để lẫn với quân-lính. Đến năm *bính-ngọ*, trong nước có biến, lại bỏ nón *viên-cơ*, đội nón *cú-diện*, người có tang chở một năm trở xuống, buộc quai sợi trắng để phân biệt, ở chỗ nhà quê, theo ráng nón *ngoạn sác* mà làm thấp trên đi, gọi là nón *toan bì* 酸皮, tục gọi là « nón vỏ bứa », thỉnh thoảng còn có người đội nón *xuân lôi tiểu*; nón *tam giang*, *phương đẩu*, *viên đẩu*, *cổ châu*. *liên diệp*, và *trạo lạp* thời không thấy nữa.

Lời bàn của người dịch. — Cách độ 20 năm nay, các quan thời đội nón lông cốc, học trọ đội nón dứa đại, hay dứa trung, các cậu ấm thời thêm quai lụa-bạch, người thường đội nón chóp-sơn, người làm ăn đội nón lá tiều, tức là nón cu-li, đàn bà trang trọng đội nón ba-tầm, người thường đội nón chuông lụa, bây giờ thời đàn ông đội nón dứa tiều, đàn bà đội nón nghệ, các quan đội nón dứa kinh. Nón dứa đại ba-tầm không trông thấy cái nào nữa. Nón là một sự nhỏ, không quan trọng gì đến xã-hội, mà trong vài mươi năm, biến đổi luôn luôn, ước gì trí-não mà cũng biến đổi luôn như thế, thời dân trong nước chắc được hay nhiều lắm, nhưng bao giờ đổi vật có hình vẫn dễ hơn vật vô hình.

Độ mươi năm nay, cũng nhiều người đội mũ che dù, song người đội nón vẫn nhiều hơn, thế mới biết nước nào cũng có cái đặc-sắc riêng, đại-khái có đổi, trước to bây giờ nhỏ, trước xấu bây giờ đẹp, trông nón bây giờ cũng có thể biết được nón ngày xưa.

3

Ngày xưa học trò và người thường, có việc công mặc áo *thanh cát* 青吉, (là mùi xanh lam) lúc thường mặc áo *chuy y* 緇衣 (là mùi thâm), dân nhà quê mặc áo vải trắng to, bây giờ thì ai cũng mặc áo thanh-cát, mà mùi thâm mới trắng ít dnng. Áo thanh-cát lấy mùi *hỏa minh* 火明 (là mùi xanh xẫm) là nhất, thứ nhì là mùi *vi minh* 微明, là mùi xanh nhạt, người làm ăn dùng mùi *quì sắc* 葵色, tục gọi là mùi sừng, nếu gặp quốc-tang vương, công, khanh, sĩ, đều mặc mùi *quì sắc*, bây giờ thời không cứ người sang người hèn, đều thích mặc mùi *quì sắc* cả, mùi *hỏa minh*, *vi minh* cho là quê, không dùng nữa. Lệ cũ, người có tang, lúc thường mặc vải to, đi đâu đội nón rũ tóc che miệng, có việc quan vào công-nhà, mặc áo *quì sắc*, hay là *thanh cát*, xong việc về nhà, lại mặc áo vải to, bây giờ dù không có việc, cũng áo *quì sắc*, bỏ nón để búi tóc ra ngoài, đùa cười ngoài đường không còn tí gì là ráng xấu hổ. Lệ cũ người có tang, từ một năm trở xuống mặc áo trắng sổ tóc, cho đến khi hết chở, không dám đi uống rượu trẻ nhà ai, bây giờ thời công-nhiên họp nhau ăn uống, không khác gì người thường, có người còn biết xấu hổ, ngồi riêng vào nhà trong để phân biệt một tí.

Lời bàn của người dịch. — Y-phục ta bây giờ, so với Lê-mạt, thật là sa-hoa lắm, nào là hàng tầu hàng tây, nào là sa-tanh, gấm đoạn, nào giạ Mông-tự, hàng Thượng-hải, trông bề hình-thức, cũng đã gọn gàng mà sang-trọng, nhưng mình có làm ra được đâu? Không chở ở Tầu sang, thời tải ở Âu Mĩ đến, tiền phí ra ngoài một năm biết là bao nhiêu?

Đã hay văn-minh lên một bực, thời sự sa-hoa lên một bực, sự sa-hoa lên cao một bực, thời văn-minh càng cao một bực, ta sinh ra đời bây giờ, phải sống văn-minh sô đẩy, cũng như chỗ nước xoay, các vật trong nước phải động vào trung-tâm. Nếu ai còn đeo cái nón chóp sơn, mặc cái quần cháo lòng, cũng không thể trông được, nhưng y-phục phải đáng với đức-hạnh mình, không đáng mặc mà mặc chỉ làm trò cười mà thôi, có qui-hóa gì?

Trông thấy ông Tây, ai cũng phải qui trọng, ai cũng phải sợ hãi, có phải qui trọng ở bộ quần áo, ở cái « phô-côn » « cà-vạt » đâu? Trọng ở cái học-hành giỏi giang trí-sảo khôn ngoan, nước giầu mà mạnh. Nhiều ông hiểu lầm tưởng cái bì-tướng trang-trọng, là người trang-trong, không những để lừa người ta, mà chính mình lại lừa dối mình.

Nước ta bây giờ, đã gọi được là văn-minh chưa? Không dám chắc, về đường sa-hoa có lẽ hơn các nước văn-minh.

Chỗ này ngập lụt, chỗ kia đói kém, không mấy năm không, mà trong mười phần người, chỉ có ba phần người sinh ra lợi, đều là người chân lấm tay bùn, thời phải ăn đói mặc rách, mà người ăn trơn mặc chuốt, không những không sinh ra lợi, mà lại phá hại đi nữa, mong cho dân một nước, khỏi phải hao mòn sao được? Ví dụ trong một làng đói khát siêu rạt mất cả, mình mặc cái áo đẹp để cho ai trông? Suy ra đến nước cũng vậy.

Cho nên sa-hoa phải đường, là sa-hoa hay, biết đường ăn mặc dẫu sạch mắt thời thôi, còn thừa tiền của để giúp đỡ lẫn nhau, hoặc mở trường học, hoặc chung vốn buôn, hoặc giúp người có kỹ-sảo, mà không có vốn, đại-khái về các đường ấy, dù tốn kém bao nhiêu, cũng không nên tiếc, thế mới là sa-hoa tinh-thần.

4

Con nhà tử-tế, giông đài chơi bời, không chăm việc mình, họ ngoại vua chúa, cậy thế kiêu ngạo, những người phu cáng hèn hạ, cũng biết trẻ tàu ngon hay không ngon, khi ăn uống thường cỗ to chìm chịp hơn lúc cúng-tế, khi mời họ-hàng, trẻ con nhảy lên ngồi trên các ông già cả, không chịu trách mắng, làng mạc mời nhau, các cậu măng sữa đua nhau nói ầm, các ông thôn-trưởng, không thể ngăn cấm, khéo ở nói ngọt, để luồn lọt những đứa hèn hạ, sợ ả đào con hát chê cười, hơn là lời khen chê người trong quận, nghiêng giốc túi tiền, đưa tặng con hát, cầu lấy sướng mắt, sa phí hơn là tiền mua lợn gà khi cúng tế. Đến nỗi người nghỉ quan về, mất hết lương-tâm, múa bút làm đơn kiện, thói điêu ngoa bởi đấy sinh ra, kẻ đương tại-chức, tối mắt của đút, thói tham-nhũng một ngay một tệ, trai gái theo nhau, không cho việc dâm-bôn là sỉ, lính canh cửa ải, dủ nhau trộm cướp, phong tục thực là tệ quá, dù giang-hà rời đổi không thể hình-dung được.

Lời bàn của người dịch. — Phong-tục là tính-tình tâm-thuật, cùng là cách ăn ở giao-tiếp của riêng từng người, biểu-hiện ra ngoài, tương-truyền kể mấy mươi đời, rồi mới thành thói quen một nước. Nước nào có phong-tục riêng nước ấy, không khi nào giống nhau được, phong-tục này ở nước này là hay, sang nước khác là giở, cũng như ông Án-tử 晏子 nói rằng: « Cây quít ở Hoài-nam là cây quít, đem sang Hoài-bắc là cây tranh. » Muốn cho giống nhau sao được? Nhưng phong-tục nước nào, cũng lấy *lễ*, *nghĩa*, *liêm*, *sỉ* làm cốt, các nước Á-đông lại lấy điều ấy làm trọng lắm. *Lễ* là khi tế-tự có lễ-nghi, khi giao-tiếp có phép-tắc, cất đặt chân tay, không đến nỗi luống-cuống. *Nghĩa* là khuyên bảo nhau làm những việc hay nên làm. *Liêm* là không nên thấy của tối mắt lại, của người mong làm của mình, dù hại đến ai mặc lòng, quí hồ nặng túi thời thôi. *Sỉ* là không dám làm những điều càn, sợ người ta chê cười. Ông Quản-tử 管子 nói rằng: « *Lễ*, *nghĩa*, *liêm*, *sỉ* là bốn cái giây giàng buộc lấy người, một giây nào chùng thời nước tất hỏng. » Đại-khái nước nào sắp hỏng, có hỏng ngay đâu, tất là dần dần, phong-tục đổi-hoại, mất cả *lễ*, *nghĩa*, *liêm*, *sỉ*, rồi nước mới hỏng. Ông Tân-hưu đi qua Y-xuyên, thấy người gióc tóc, tế ngoài cánh đồng, biết rằng không đến một trăm năm, chỗ này sẽ thành rợ Nhung.

Đọc bài *Phong-tục* của Phạm tiên-sinh, như là trông vào một bức tranh truyền-thần đời bây giờ, đủ biết nhà Lê sắp về mạt-vận, nghĩa là sắp hết

Từ khi nhà nước Đại-Pháp sang bảo-hộ ta đến nay mới được hơn 40 năm, về đường mở mang trí dân tiến-

bộ trông thấy, công-đức này lấy trúc-giản (1) đâu mà chép cho đủ, ta không cần phải ca-tụng, ai ai cũng hiểu. Về đường phong-tục, tự ta noi theo mà đổi cũng nhiều, một hay một giở, khe nhau sợi tóc, những bậc có lòng thế-đạo, đáng nên lo nghĩ biết là bao nhiêu.

Tuyết-trang TRẦN VĂN-NGOẠN.

NGHIÊN-CỨU VỀ TÌNH-HÌNH KINH-TẾ NƯỚC TÀU (BÀI NỐI) (2)

(Dịch báo Tây)

V

Sự phát-triển về đường buôn-bán của Liệt-cường đối với Tàu

Nước Pháp ta đối với Tàu cái cách buôn bán còn kém sút và cái nguyên-nhân tự làm sao thì trên kia đã bàn qua khắp lượt rồi. Đây lại nên bàn thêm lấy những cách-thức của các nước khác đối với Tàu buôn bán phát-triển thế nào. Trong mấy nước, có cái tình-hình về bên nước Đức ấy là có cái giá-trị phải nghiên-cứu một cách đặc-biệt lắm.

Anh, Nhật và Mỹ ba nước ấy chịu khó nhọc để kinh-doanh cái thị-trường bên Tàu, không còn thiếu sót cách gì nữa cả. Chiếu theo những số-mục trong mấy cái biểu ở trước kia mà xét, thì biết rằng cái kết-quả của họ kinh-doanh cũng tốt lắm. Cái tổng-ngạch hàng hóa của họ, và cái đốn-lượng (*tonnage*) tàu ra vào của họ, đã bành-trướng lên nhiều lắm. Họ ở trong nước Tàu đều đã tranh được nhiều mối đặc-quyền lắm rồi. Cứ đem cái tình buôn bán đối với Tàu bây giờ mà nói, thì cái địa-vị trong mấy nước mạnh không nước nào tốt bằng nước Nhật-bản cả. Lấy địa-thế mà xét, thì hẳn ư Tàu là lân-cận lắm, mà lấy những mối hàng Nhật-bản xuất-khẩu mà xét, thì Tàu đã là người chủ-cố (3) thứ nhất cho hẳn. Hóa ra mấy nước mạnh mà thông-thương với Tàu thì đã nhường cho Nhật-bản chiếm ngôi cái chiếu đầu cả rồi. Những người buôn Nhật ở Tàu cực kỳ là hoạt-động. Đến những các tỉnh trong nội-địa nước Tàu, mấy nhà buôn cùng các công-xưởng của Nhật, chỉ chăm-chăm chui-chúi để tìm cách bán cho chạy những hàng hóa của họ, và tính phương để mở rộng cái quyền-lợi của nước họ mà thôi, không chỗ nào là không có những tung-tích của người họ. Những thứ vải của Nhật-bản bán ở Tàu đã phát-đạt lắm, khiến cho trong thị-trường Tàu, thứ vải của Mỹ phải chịu tổn-thất nhiều lắm. Mà xem cái tình-hình của mấy nhà

(1) Trúc-giản 竹 簡 là sách viết bằng tre, ngày xưa chưa biết làm giấy, biên chép phải dùng bằng tre.

(2) Coi bài thứ nhất bài thứ nhì trong *Nam-Phong* số 15 (trang 172-176) và 16 (trang 226-229).

(3) Chủ mua hàng.

tư-bổn Nhật kinh-doanh những việc thực-nghiệp của Tàu, thiệt là khá ghê-sợ thay. Thượng-hải và Hán-khẩu, hai chỗ đó mấy cái công-ti dệt vải, làm giấy, và chế bột mỳ, v. v.; và ở xứ Mãn-châu những xưởng làm đậu, v. v.; đều là những thực-nghiệp rất trứ-danh của mấy tay buôn Nhật-bản cả. Tự khi cái điều-ước của Tàu với Nhật thành-lập ngày 25 tháng 5 năm 1915 trở về sau, thì cái vị-trí người Nhật ở Tàu lại càng bền chặt lắm. Vì rằng cái nội-dung trong những điều-ước đó là để đem Mãn-châu, Mông-cổ và Sơn-đông ba xứ đó mở ra làm chỗ thông-thương cho các nước, mà lấy người Nhật làm *đầu sỏ* cả.

Chừa Nhật-bản ra, bề kinh-doanh cái thị-trường của Tàu mà rất có lực-lưỡng ấy thì chỉ có nước Mỹ. Tự khi trận đánh ở bên Âu nổi lên đến giờ, các cái công-ty to của Mỹ mà dựng thành những chi-điểm ở các đất trong nước Tầu nhiều lắm, mà thứ nhất là tại chỗ Thượng-hải là nhiều hơn hết. Về việc kinh-doanh của những chi-điểm đó thì được cái kết-quả rất tốt cả. Lại nhờ có cái cớ Tầu với Mỹ xưa nay cái nghĩa bằng-hữu vẫn tử-tế lắm, thì con đường hoạt-động của họ lại càng dễ lắm.

Người nước Tỷ [1] ở Tầu, cái thế-lực về đằng kinh-tế của họ cũng không thua kém gì cả. Họ ở Tầu đã tranh được những quyền-lợi về mấy đường xe-lửa, và những bọn thương-nghiệp cùng thực-nghiệp của họ ở trong cái thị-trường Tàu đã chiếm được cái vị-trí ưu-mỹ lắm. Trước khi con đường xe-lửa tự Bắc-kinh đến Hán-khẩu thâu về làm của nước, thì người Tỷ tức làm nghiệp-chủ của toàn cả con đường đó. Vả lại những đường xe-lửa suốt tự tỉnh Cam-túc cho đến Hoàng-hải; và tự vùng đông-bắc Tàu cho mãi đến vùng tây-nam Tàu, hết thảy những quyền kiến-chúc của mấy con đường đó, bây giờ cũng nhường cho Tỷ cả. Mấy cái lộ-tuyến kể ở trên đó đều được trên dưới 300 ki-lô-met cả. Lộ-tuyến thứ nhất bắt đầu tự chỗ Hải-châu [2] cho thẳng đến Lan-châu [3] Lộ-tuyến thứ hai bắt đầu tự bên bắc Tàu thẳng về đến Thành-đô [4] mới hết. Bởi vậy, người Tỷ được cái quyền kiến-chúc xe-lửa thiệt là hậu lắm. Không những vậy mà thôi, phàm những thứ máy móc; như máy dệt, máy xe, v. v. đã đưa vào Tàu, cũng lấy Tỷ làm trước nhất cả. Người họ ở ngoài tỉnh-thành Lan-châu thuộc tỉnh Cam-túc có dựng lên một tòa công-xưởng to lắm. Xưởng đó chế ra thứ chiên (dệt bằng lông lạc-đà) mỗi năm được đến ngàn cái, đều do Chính-phủ Tàu thâu mua để làm đồ quân-dụng cả. Gần mấy năm nay, những cửa và cửa sổ ở bên Tàu mà đều dụng bằng mặt pha-lê cả, ấy cũng là cái kết-quả của người Tỷ đầu tiên đem những pha-lê đưa vào Tàu đó. Trước khi bên Âu có sự đánh nhau, người Tỷ đưa pha-lê vào Tàu, mỗi năm giá tiền có đến 2, 3 triệu quan. Nếu không bị cái sự đánh nhau bên Au làm trở-ngại thì người Tỷ đã nghĩ để lập một công-ty chế pha-lê tại ngay trong thành Bắc-kinh của Tàu để bán cho Tàu, không phải phiền thâu-vận lôi-thôi nữa rồi.

Trước khi trận đánh ở Âu-châu xảy ra, cái vị-trí của nước Đức ở Tàu cũng chiếm được cái thế-lực cực tốt. Đức mà được như vậy, là vì nhờ ở các tiệm buôn của Đức nhiều lắm, các ngân-hàng của Đức đã hoạt-động, tàu-bè

(1) Tức là nước Tỷ-lợi-thời (Belgique).
(2) Thuộc về tỉnh Giang-tô.
(3) Tỉnh-thành tỉnh Cam-túc (Kan-sou).
(4) Tỉnh-thành tỉnh Tứ-xuyên (Se-tchouen).

của Đức đã bành-trướng, mà cái chính-sách tinh xâm-lược về đằng kinh-tế của Đức đã sâu và nhọn lắm. Cái cách kinh-doanh của người Đức giống như binh-thuật vậy. Hắn ở các chỗ đô-thị trong nước Tàu cứ mưu-mô để bao làm những đèn điện. Đối với cái phương-pháp để tấn-hành, thì hắn cứ tỷ-mỷ từng thí, suy xét đến chỗ thâm-vi. Tuy các quan địa-phương của Tàu nhất-khái không có ý sáng-lập đèn điện: nhưng người Đức hắn cứ nay dưng cho ít cái phương-kế cực tốt, mai hoặc tạp vào một đôi câu nói ôn-tồn dễ nghe để đi du-thuyết, rồi lần lần mấy người quan địa-phương đều bị động lòng cả. Đến những phí-dụng để làm những đèn điện, thì thảng-hoặc trong địa-phương mà có món thuế nào để làm đồ đảm-bảo, thì hắn tức thời muốn làm người hóa-chủ ngay, kể lời lãi thì ước chừng 7, 8 ly chi gian gì đó. Vả lại những thứ đèn điện đó đã về tay người Đức sáng lập lên, thì nhất-thiết những cái quyền-lợi về đằng sửa sang, duy-trì, hoặc khoáng-sung v. v., tự-nhiên đều về tay người nhận làm ấy hết cả. Ấy là cái tình-hình đại-lược của nước Đức kinh-doanh ở trong nước Tàu như vậy. Nhưng người Đức mà dùng được cái thuật đó làm cho thành-hiệu to được là vì ở bọn buôn-bàn và những nhà tài-chính của họ ở Tàu đều có liên-lạc lắm.

Một tỉnh Sơn-đông là cái khu-vực người Đức kinh-doanh đặc-biệt hơn hết. Hắn lấy cái thủ-đoạn ngoại-giao mà xoay-sở, thì đã ở tỉnh đó hưởng được nhiều quyền-lợi về đằng khai-khoáng, đắp đường và mở thành-thị v. v.. Coi như hắn kinh-doanh cái Thanh-đảo (đã bị người Nhật chiếm-lĩnh, nhưng chiếu theo điều-ước ngày 25 tháng năm năm 1915 thì ngày sau cũng phải y trả lại Tàu) và vài ba cái thành-thị nữa thì cũng đủ làm chứng-cớ cho người Đức ở Tàu hoạt-động là dường nào. Nhà băng « Đức-Hoa » thì ở Bắc-kinh, Hương-cảng và Quảng-đông đều có chi-điếm cả. Những các hội-xã bảo-hiểm của Đức thì đã có khắp cả ở các cửa bể thông-thương trong đất Tàu. Ước có mười mấy xứ trong đất Tàu là đều có cửa hàng buôn của Đức, kể như:

Thượng-hải	上海....	30	cửa hàng
Thanh-đảo	青島....	23	—
Thiên-tân	天津....	22	—
Hán-khẩu	漢口....	18	—
Hương-cảng	香港....	15	—
Quảng-đông	廣東....	14	—
Tế-nam	濟南....	9	—
Bắc-kinh	北京....	7	—
Trùng-khánh	重慶....	4	—
Chi-phàu	芝罘....	3	—
Ngưu-trang	牛莊....	2	—

Trong cái ngạch ngoại-trái (1) của Tàu, cái trái-quyền (2) của người Đức là nặng hơn hết.

Gần đây trong tám món nợ to (kể tự năm 1895 đến năm 1913) thì Tàu đã vay nợ của Đức cộng đến 400 triệu (3) mác (4) rồi. Đến khi trận đánh ở bên Âu nổi lên, cái chính-sách của Đức kinh-doanh ở bên Á-đông này mới bị thất-bại. Mới đây nước Tàu lại gia vào chiến-cuộc, thì về phương-diện nước Đức lại càng phải chịu đau đớn lắm.

---

(1) Nợ nước ngoài.

(2) Tên trong pháp-luật, đối ư người mắc nợ, có cái quyền-lợi yêu cầu phải trả lại hoặc tiền của, hoặc công-lao, v.v., cái người có được cái quyền ấy thì gọi là người có trái quyền.

(3) Tức là 400, 000, 000.

(4) Tức là mã-khắc (*mark*), tên bạc của Đức.

VI

Phương-kế của nước Pháp để chỉnh-đốn việc buôn-bán với Tàu

Các Liệt-cường kinh-doanh những thương-nghiệp trong đất Tàu đã đến cái bậc cao cả (tựu-trung lấy cái thương-nghiệp của Đức bành-trướng lên là dữ-tợn lắm), ấy là cái lời kết của mấy chương trên kia đã nói đó. Cái thương-nghiệp của nước Pháp ta ở bên Á-đông này còn kém-sút lắm. Cái nguyên-nhân là vì có mấy điều. Một là vì cách tổ-chức Lãnh-sự nước ta sai lầm ; hai là vì những bọn buôn bán của ta thiếu cái lực đoàn-kết về đằng buôn-bán ; ba là vì những bọn thương-nghiệp nước ta thiếu cái lực khai-thác về đằng buôn-bán ; bốn là vì những công-ty hằng-hải [1] của nước ta còn ít lắm, tiền cước vận-tải cũng nhân đó mà cao thêm lên. Phàm những nguyên-do đó trên kia đã bàn qua rồi, nhưng trước khi kết xong bài luận này còn nên bàn-luận thêm nữa là muốn kiếm cách gì để nước ta lợi-dụng được cái cơ-hội đương việc chiến-tranh này mà chiếm được cái địa-vị *vừa phải* ở trong cái thị-trường Tàu được chăng. Sau khi kết xong cái cuộc đánh nhau này, các nước cạnh-tranh về đằng kinh-tế tất-nhiên là kịch-liệt lắm, không đợi phải bàn sâu xa gì nữa. Nhưng nước Tàu đất rộng vật nhiều, cái tiền-đồ về đằng buôn bán còn rộng mông mênh lắm; những nước thân-hảo với Tàu muốn mưu tìm một chỗ để phát-triển thì cũng không khó gì sốt. Tuy làm vậy mà muốn để sau khi đã giải-quyết cái trận đánh này mà chiếm được cái địa-thế ưu-thắng, thì *trước khi xong đánh nhau* phải hết sức mà chỉnh-bị để dự-phòng sau này làm cái căn-cứ mà hoạt-động mới được. Vậy thời cái cách chỉnh-bị làm ra thế nào? Thứ nhất là cái việc cử hay đổi-chác những lãnh-sự nước ta thì phải bổ-cứu lại. Cái phương bổ-cứu thời mỗi trong tòa lãnh-sự của nước ta nên đặt thêm một phần việc về cái cơ-quan để điều-tra những việc thương-mãi ; như vậy thì chắc là có ích cho cái thương-nghiệp của nước ta không biết đâu mà kể được. Thứ hai là chính-phủ nước ta đối với các công-ti hằng-hải của nước mình mà chưng các thứ thuế, hãy thấy cái cước-phí vận-tải có cao hơn Anh, Đức và Nhật các nước ấy, thì nên nhất-luật giảm-miễn đi cho. Như vậy thì ảnh-hưởng cho những sự buôn bán của nước ta ở ngoại-quốc, tự-nhiên có được cái kết-quả rất tốt.

Những việc ở trên đã nói đó, bất quá lấy cái trách-nhiệm về một phương diện của Chính-phủ mà thôi, còn đây lại nên bàn thêm lấy ít cái phương-pháp của mấy bọn thương-nghiệp và thực-nghiệp của nước ta phải tự-thân mà chỉnh-đốn lấy.

Tục-ngữ có nói : « Đoàn-thể tức là thế-lực », người ta kinh-doanh cái thị-trường nước Tàu phải nên sùng-phụng cái câu tục-ngữ đó làm hòn ngọc sáng để chỉ nẻo. Người Anh thục-tất đến chỗ đó lắm, hóa ra họ lấy cái sự-hoạt-động của đoàn-thể làm quân tiên-phong cho cái sự hoạt-động của cá-nhân [2]. Bởi vậy có cái tổng-hội của các người kỹ-sư nước Anh thành-lập ra, hễ có những vấn-đề thuộc về doanh-nghiệp mà cái lợi-ích can-thiệp đến hội đó thì nhất-thiết phải do một người kinh-lý riêng của hội đó đóng tại Bắc-kinh phải phân-sự và giúp đỡ cả. Thử-ngoại lại còn có những hạng thương-nghiệp chỉ buôn bán về những hàng hóa không sợ người ngoài ai cạnh-tranh gì đến, cũng tổ-chức thành ra cái đoàn-thể để

(1) Tàu bè chạy ngoài bể.

(2) Riêng một người.

liệu làm một hội. Thế họ mới lấy được cái hiệu-quả cực là ưu-mỹ. Những cách-thức như vậy, bọn thương-nghiệp và bọn thực-nghiệp của nước ta kíp nên bắt chước lấy.

Gần đây cái Tổng-hội buôn ở Lông-đông [1] có phát-biểu một bài văn bàn-luận những phương-pháp rất tốt để mở-mang các mối doanh-nghiệp mới tại thị-trường Tàu, nói như sau này : « Những cửa hàng buôn nước ta muốn bán chạy một thứ hàng-hóa mới tại trong nước Tàu, thì trước hết phải đem những thứ hàng làm kiểu do con đường đi ngang qua sông Suy-ê [2], hoặc qua Si-ba-ri-a [3] vận đến nước Tàu, để cho người kinh-lý hoặc đại-biểu của cửa hàng ấy ở Thượng-hải đem để bày ra các hiệu làm kiểu mẫu hoặc phân-phát cho các nhà chủ-cố [4], như vậy thì không ngoại vài tuần-lễ, những người ở chỗ Thượng-hải đều biết hết cả. Song cái sự bày kiểu ở Thượng-hải đã xong rồi, tức thời lại nên đem đến Thiên-tân, Bắc-kinh, Hán-khẩu và các chỗ thành-thị trọng-yếu khác nữa, cũng theo làm như vậy ».

Những thứ hàng buôn trọng-yếu để bán chạy trong cái thị-trường Tàu thì không phải nói tới nữa, đây nên bàn luận là chỉ lấy những hạng doanh-nghiệp mà có lợi ư người nước ta làm hạn thôi. Cứ xét cái lời báo-cáo riêng của nước Mỹ rằng những công-ty mà đem những thứ cơ-khí đốt bằng lửa và các thứ đồ vật dụng cho vệ-sinh, tải vào mấy chỗ đô-hội bên bắc nước Tàu ; hoặc nhận làm những sự-nghiệp về thứ đó, thì đã gần được thắng-lợi to lắm. Bởi vì Tàu bây giờ chính đương hấp-thâu các thứ văn-minh của Âu-châu, thì phàm những thứ cơ-khí mà mới nhất và thiết-dụng hơn nhất, là đều được nước Tàu hoan-nghênh lắm.

Một cái thành Bắc-kinh, còn chưa có cái ngòi lạch nào để lưu-thông cho sạch những ô-uế đi. Chừa ra các nhà khách-sạn rất to và vài ba chỗ nhà người Tây ở, thì tuy có đặt những cách thức vệ-sinh, nhưng ngoại-giả những cách chỉnh-đốn làm cho sạch-sẽ hợp vệ-sinh, thì hết thảy còn hủ-bại không kham được. Chỉ có những việc đặt-để những máy-nước ở Bắc-kinh thì rất tốt. Những phương-pháp muốn dẫn-dụ người bản-địa cho biết phải cần dùng những cách thức đặt-để làm cho vệ-sinh thì cũng không khó-nhọc gì cho lắm.

Những mỏ than ở tỉnh Hà-nam và Sơn-tây đều do ở một thứ hội-xã của Anh và Pháp ra tay vào mở làm cả. Vì chỗ đất đó nhiều thứ mỏ tốt, hóa ra cái thành-hiệu về tiền-đồ có cái hi-vọng chắc được cái kết-quả tốt lắm. Vả lại những công-xưởng làm đường xe-lửa một ngày một phát-đạt thì những thị-trường mà tiêu-thọ [5] được thứ than ở xứ ấy đã chắc-chắn là cứ tăng thêm mãi lên, không khi nào ngót được. Sau nữa là các thứ da thú-vật của Tàu tải sang Âu-châu, cái số-ngạch cũng to lắm. Phải chi ở những chỗ Thiên-tân, Chi-phàu, Quảng-đông, hoặc Thượng-hải mà mở làm cái xưởng chế da, thì cái sự thắng-lợi về tiền-đồ coi cũng vui vẻ thay.

Tàu theo gót cái lối cũ của Nhật-bản cũng đã luyện thành một thứ lính mới, những cách an-mặc của hạng lính mới đó phải dụng một thứ chiên lông cả ;

(1) Tức là Londres (London.)
(2) Canal de Suez.
(3) Sibérie
(4) Người mua hàng.
(5) Tiêu đi, bán mất đi.

hóa ra chiên-lông cũng là một thứ hàng cấp-dùng của Tàu. Bấy giờ Tàu đã tùy địa lựa mua để cung-cấp cho quân dùng. Bằng ta cũng tùy-địa mà mở làm cái công-xưởng dệt chiên-lông, giá tiền cũng vừa thích, thì họ chắc là hoan-nghênh lắm. Không những vậy đâu, Tàu chưa tổ-chức thứ lính kỵ (lời nói này không chắc lắm) thì những chỗ nuôi ngựa, nhà trường luyện ngựa đều là những thứ Chính-phủ Tàu phải cấp dùng đến cả. Vậy thì người nước ta những hạng tinh về nghề luyện và cưỡi ngựa ấy lại không hay nhờ sức Chính-phủ nước ta mà không tổ-chức bọn lính kỵ thay cho Tàu được ư? Nước Pháp đối với những thương-nghiệp nước Tàu sở-dĩ không thể coi rẻ mà bỏ qua đi được lại còn một thứ nguyên-cớ đặc-biệt nữa. Bởi vì cái đất An-nam thuộc của Pháp lân-cận với Tàu cực là thân-mật, ngày sau sự kinh-tế chỗ đất đó phát-triển lên thì những số-ngạch hàng-hóa vận-tải ra vào bên mặt nước Tàu chắc là to lắm. Theo lời ông Bơn-nê (Brener) nói về những bọn thực-nghiệp nước ta đối với cái thị-trường Tàu thì chưa chiếm-lĩnh được cái địa-điểm nào cả, mà những bọn thực-nghiệp ở bên An-nam thì lại có cái *thế* chiếm-lĩnh được là vì cớ sao vậy? Là vì chỗ An-nam đó cùng với các hương-hỗ Tàu, Phi-li-pin, Ấn-độ và Nhật-bản các xứ đều liên-tiếp gần nhau cả, hóa ra những tiền vận-tải và phí bảo-hiểm tỷ với ở bên Pháp, sang Tàu nhẹ nhiều lắm, là những nhân-công trong chỗ đất đó, tỷ với bên Tây rẻ nhiều lắm. Tổng-chi ta mà đã có cái thực-lực để mở mang những thương-nghiệp, và có cái quyết-tâm để chỉnh-đốn những việc buôn-bán, thì ở bên Á-đông chắc là có nhiều những sự-nghiệp, không bờ cõi nào làm hạn, còn đương để sẵn đó chờ chúng ta cả. Tự đây sắp sau, ta đối với những việc thắng-lợi về đằng doanh-nghiệp chớ nên bỏ qua, mà không quan-tâm đến. Phàm những quảng-cáo ở báo-chương và đường chợ, diễn-thuật trong mấy nhà hát, tặng-tống những hàng kiểu mẫu, in ra những mục-lục hàng hóa bằng chữ Tàu, v. v., đều là những phương-kế rất trọng-yếu trong bọn doanh-nghiệp ở Tàu. Người nước ta nên hết sức bắt chước mà noi theo những cách đó, chớ nên trễ nải chút nào; và một mặt lại phải tận-tâm mà liên-lạc với những người bản-địa cho những sự sung-đột của hai bên không sao phát-sinh ra được. Cứ noi làm như vậy mãi, thì cái cờ tam sắc của nước ta chắc có một ngày chiếu-diệu ở trong cái thị-trường nước Tàu vậy.

Dương Tự-Nguyên dịch (*Changhai*)

VĂN NAM-KỲ

Bản-báo giữ cái chủ-nghĩa mở rộng cho cả các bạn đọc báo trong Nam-kỳ, đặt riêng ra mục này để đăng những bài trong Nam-kỳ gởi ra. Kỳ này có một bài sau này của ông Nguyễn Hào-Vĩnh *là người mấy kỳ trước đã có cái thơ ngỏ kịch-liệt về văn quốc-ngữ, khởi ra cái cuộc công-luận mãi đến nay mới gần hết. Bản-báo đăng bài này cứ để ý nguyên-văn, không sửa đổi gì, để giữ cho hết giọng Nam-kỳ và cho các nhà đọc báo ngoài Bắc dần dần quen tiếng trong Nam, giúp cho sự hợp-nhất tiếng An-nam ta.*

Bài trong Nam-kỳ bản-báo đã nhận được ít nhiều, mà bài Trung-kỳ thời chưa có mấy. Muốn cho cái chủ-nghĩa thống-nhất trong nước Nam thành được, bản-báo rất mong rằng các nhà văn trong Kinh-kỳ cũng một lòng nhiệt-thành như các bạn Nam-kỳ và gởi bài cho bản-báo, để có thể mở được một mục « Văn Trung-kỳ » nữa, thế là mục-đích Nam-Phong *này được hoàn-toàn vậy.*

* * *

CHÚ LÁI BUÔN THÀNH VENISE

(*Rút trong bổn tuồng* Le Marchand de Venise *của ông văn-sĩ nước Anh-cát-lợi* W. SHAKESPEARE)

Tại thành Venise có một người lái buôn tên là Ăntôniô, tuổi còn nhỏ mà giàu có lắm, nghề buôn bán rành rẻ ít ai bì kịp. Giàu có như vậy, song lòng dạ không độc ác, tánh tình chẳng kiêu căn, thiệt nội trên thế này chẳng có một người nào mà tử tế hơn va. Ở với thiên-hạ thì trước sao sau vậy, hằng ngày làm việc phải với đời chẳng hề biết mỏi lòng, nên dân sự trong thành Venise đều tỏ lòng thương mến va. Chẳng thương mến va sao đặng ! Trong buổi túng ngặt, ai đến va thì va cũng đều giúp đỡ hết thảy : hoặc cho đứt, hoặc cho mượn.

Chú lái An-tôniô có một người anh em bạn thiết tên là Baxaniô, vốn con nhà dòng dõi sang trọng. Song bởi của tổ-phụ để lại thì ít, mà theo thói các cậu con nhà trâm-anh, Baxaniô ăn xài lớn lắm nên phải nghèo. Hễ Baxaniô thiếu tiền xài, muốn lấy bạo nhiêu thì Ăntôniô cho bấy nhiêu. Hai người chơi với nhau ngoài áng hình-hài : đã chung lòng, chung dạ mà túi cũng chung nữa !

Ngày kia Baxaniô tỏ cho Ăn-tô-niô biết rằng va muốn cưới một người vợ cho thiệt giàu có đặng mà gầy dựng cái sự nghiệp suy sụp của va lại. Va biết một người con gái tài đức gồm đủ, cha nàng ấy mới qua đời để lại cho một mình nàng nhà cửa vườn ruộng và bạc vàng chẳng biết bao nhiêu mà kể. Lúc cha nàng ấy còn sống thì va có đến nhà nàng một lần và khi gái trai gặp mặt nhau thì « đôi bên cũng liếc, đôi lòng cũng ưa ! » Từ buổi ấy tới nay, chẳng lúc nào mà Baxaniô chẳng mơ ước về sự trăm năm tơ tóc với nàng ấy. Bởi rất nên lịch-sự, rất nên giàu có và thông-minh trí-huệ khác thường nên khắp dưới gầm trời, đâu đâu cũng đều nghe danh nàng : thiếu chi là khách công-hầu vương-bá gấm ghé, nhưng mà « đào tiên chưa bén tay phàm, nhởn nhơ còn ở trên nhành đợi tiên ! » Baxaniô biết chắc trong lòng rằng hễ va mà hở môi ra thì chắc sao sao cũng đặng toại cái chí bình-sanh, song mà nghèo như vầy thì biết lấy chi mà sấm sửa cho xứng đáng đặng đến mà cầu thân ? Bởi vậy nên Baxaniô mới xin Ăntôniô nghĩ tình tri-âm mà giúp va một phen nữa : cho va mượn thêm ba ngàn đồng vàng. May rủi chi cũng một lần nầy mà thôi : dầu được dầu không va cũng đội ơn Ăntôniô ngàn ngày và chẳng hề khi nào dám làm cho nhọc lòng Ăntôniô nữa.

Ăntôniô trả lời : « Baxaniô ! ngươi cũng đà chán biết ta, cớ sao ngươi lại còn nói chi những điều ân điều nghĩa, tuồng như còn ngờ ta chẳng hết lòng với ngươi vậy ? Dẫu ngươi có xài phá hết gia-tài của cái ta đi nữa ta cũng chẳng màng, chớ chuyện nầy là chuyện tốt, ta lại đi sợ tốn-hao với ngươi sao ! »

Đã biết Ăntôniô sẵn lòng giúp đỡ Baxaniô mặc dầu, nhưng mà lúc ấy trong nhà chẳng có bạc hiện. Những tàu buôn của va trẫy sang các nơi đặng ăn hàng đều chưa thấy về, còn bấy giờ đương cơn túng ngặc thì biết làm sao, buôi [1] có một đều đi vậy đỡ, chờ trong một ít lâu tàu về sẽ cất hàng lên mà trả ; vì vậy nên Ăntôniô biểu Baxaniô đi hỏi dò coi đâu có bạc thì va sẽ vui lòng đi vay cho mà dùng.

Cả và thành Venise có ai mà có bạc hiện sẵn cho bằng một người Dudêu già kia, tên Sàilộc (Shylock), nên Ăntôniô và Baxaniô phải đến đây mà hỏi ba ngàn đồng vàng, ăn lời bao nhiêu cũng chẳng cần, giao nội trong ba tháng, tàu về sẽ cất hàng mà trừ. Lão Sàilộc nầy cho vậy một vốn năm bảy lời, tom góp của cải chẳng biết là bao nhiêu mà kể ! Tánh-tình kiêm-chĩ, lòng dạ độc ác, hễ ai thiếu nợ mà trả chẳng nổi thì va chẳng dung, cứ việc bán nhà bán cửa bán vườn bán ruộng chẳng khác chi lũ Chà-và xã-tri trong xứ Nam-kỳ ta, vì vậy cho nên những người tử-tế đều ghét va. — mà nhứt hết là chú-lái Ăntôniô ghét và hết chỗ nói ! Song hễ Ăntôniô ghét lão Sàilộc bao nhiêu, thì lão Sàilộc cũng có cớ mà ghét Ăntôniô bấy nhiêu : cái cớ ấy là chú-lái Ăntôniô cho kẻ thiếu-thốn ngặc-nghèo mượn bạc chẳng ăn lời, làm cho mất sở lợi của va. Một đàng thì rộng rãi, nhơn đức, một đàng thì chặc-chịa, độc ác : hai cái tánh đối nhau đánh ghen với nhau nên cái sự thù hiềm nhau mới nẩy ra. Mỗi khi chú lái Ăntôniô gặp lão Sàilộc tại Rialto là sở Buôn-bạc, thì chú lái ta rầy la mắn nhiếc lão Sàilộc về sự va làm khổ khắc người ta, cho vay cắt cổ mồ họng. Nói chi thì nói, lão Dudêu cũng trơ trơ, bề ngoài làm bộ lì mặt nhịn thua, chớ trong lòng tích trử gươm dao, lo mưu nầy kế nọ mà trả thù. Bấy lâu chưa có dịp gì, nay thấy Ăntôniô tùng tiền đến vay, thì mừng thầm và nói trong bụng rằng : « Nếu tao nắm ngan eo ếch nó được một phen, thì tao sẽ trả thù cho đã nư ! Nó ghét nòi giống tao, nó cho mượn bạc không ăn lời, và nhiều khi đông đủ các mặt bạn hàng, nó chê cười, nhạo báng, mắng nhiếc tao về sự tao ăn lời nặng nhẹ ! Nếu tao mà tha nó thì cho trời diệt nòi giống tao đi ! »

Ăntôniô thấy lão Dudêu ngẫm nghĩ hoài, đợi lâu nổi nóng, nên mới nói : « Kìa, Sàilộc ! Ngươi có nghe chăng ? Ngươi có cho ta hay không thì hãy nói phứt đi ? »

Sàilộc nói : — Tôi đương tính coi ở nhà có số tiền ấy chăng ?

Ăntôniô nói : — Này Sàilộc, thuở giờ ta chưa từng cho ai vay đặng mà lấy lời mà ta cũng chưa từng mượn ai mà phải trả tiền lời, tuy vậy chớ nay ta phải đổi cái thói quen ấy một chuyến, đặng giúp bạn thiết của ta trong cơn cần dùng tiền gấp rút. Vậy chớ ba ngàn đồng vàng, đúng ba tháng thì trả, ngươi ăn lời bao nhiêu ?

Lão Sàilộc trả lời rằng :

— Ớ ngài Ăntôniô, tại sở Buôn-bạc, ghe phen ngài mắng chưởi trách móc tôi về sự tôi vay ăn tiền nhiều, song tôi cúi đầu lì mặt mà nhẫn nhục, vì sự nhẫn-nại là cái đều hay của nòi giống tôi. Nhiều khi ngài gọi tôi là quân lạc-đạo, kêu tôi là đồ cắt-họng chó, ngài phung nước miếng vào mặt tôi, ngài lấy chơn mà đá tôi, coi tôi như chó ! Bây giờ coi bộ ngài cần dùng tôi, ngài đến tôi mà nói : « Sàilộc, cho tao mượn xài ! » Vậy chớ chó có tiền có bạc sao ? Chó làm gì cho có ba ngàn đồng vàng mà cho ngài mượn ! Mới hôm thứ tư này ngài giỗ trong mặt tôi, hôm nọ ngài gọi tôi chó, nay có lý nào mà tôi phải lòn cúi, phải mọp

(1) Buôi — tiếng Annam nghĩa là « đuy », ta mãng dùng chữ Hán-văn « *Duy* », mà bỏ quên tiếng « buôi » của mình.

trước mặt ngài mà nói : « Thưa ngài, bởi ngài ở tử tế với tôi như thế, nên nay tôi phải đem bạc mà dưng cho ngài mượn mà xài ! ? »

Ăntôniô nghe vậy, nổi dóa nên nói rằng :

— Tao còn kêu mầy như thế nữa, tao còn giỗ trong mặt mầy, còn đá, còn đạp mầy nữa chớ đà thôi đâu. Nếu mầy cho tao mượn số bạc nầy thì đừng tưởng rằng mầy cho người quen lớn của mầy mượn, hãy cầm như mầy cho kẻ nghịch của mầy mượn vậy, đặng khi quá ngày tao trả không nổi mầy sẽ làm thẳng tay khỏi sợ hổ mặt !

— Coi kìa ! Tôi mới nói chơi có một chút mà ngài giận dử làm chi. Tôi muốn làm quen với ngài, tôi cầu mà mua lòng ngài lắm chớ ! Tôi sẽ sẵn lòng quên những sự xấu hổ bấy chầy và giúp đở ngài trong lúc túng ngặc nầy. Tôi sẽ cho ngài mượn bạc không ăn lời. . . Ngài không thèm sao ? Chớ ngài còn bão tôi tử-tế bực nào nữa ?

Baxaniô nghe nói vậy thì khen thầm lão Sàilộc là người có lòng tốt, té ra xưa nay vu cho va là người độc ác mà !

Lão Sàilộc lại nói tiếp rằng : — Tôi có lòng tử-tế như vậy, tôi sẽ cho ngài mượn ba ngàn đồng vàng chẳng ăn một đồng điu lời, là vì tôi muốn làm quen với ngài, tôi muốn mua lòng ngài. Nhưng vậy mà ngài phải đi với tôi đến sỡ *Bằng-khoán* ký tên tờ giao kèo như vầy chơi cho có chừng : nếu đúng ba tháng ma ngài trả không được cái số bạc của tôi cho ngài mượn ngày nay, thì tôi sẽ được phép lóc đúng một cân thịt của ngài, bất kỳ là chỗ nào nơi nào trong thân-thể ngài cũng được, mà trừ số bạc ấy.

Ăntôniô nói : — Được ! Ta sẽ bằng lòng ký tên tờ giao kèo ấy và sẽ nói rằng người Dudêu cũng có bụng tốt vậy.

Baxaniô chẳng chịu cho Ăntôniô ký tên vào tờ giao kèo quái gở ấy, nói rằng thà va chịu túng ngặc hơn là để cho anh Ăn-tô-niô vì va mà phải làm đều hiểm nghèo như thế.

Ăntôniô chẳng chịu nghe lời cãng trở ấy, bởi va chắc ý rằng trong một vài tháng đây thì tàu va sẽ về đến bến và sẽ có hàng hóa mà trả mấy chục lần cái số bạc ấy cũng được !

Lão Sàilộc nghe hai anh em bàn luận với nhau như vậy thì ngữa mặt lên trời mà than lớn lên rằng : — Ớ cha A-bra-ham ơi ! Lũ Datô nầy lấy bụng gắc gớm độc ác của chúng nó mà lường lòng thiên-hạ ! Nầy Baxanio, ông hãy nói cho tôi nghe thử coi, như rủi mà sai hẹn, nếu tôi cứ chiếu theo tờ giao kèo mà làm thẳng tay thì sướng ích gì cho tôi he ? Một cân thịt người ta có ngon bằng một cân thịt trừu, thịt bò, thịt dê ở đâu, mà ai dại gì đi mua tới ba ngàn đồng vàng lận ! Ấy bởi tôi muốn làm quen với Ngài Ăntôniô lắm nên tôi mới làm cái ơn nầy : có muốn nhậm thì nhậm, bằng không thì thôi chớ đừng tưởng rằng tôi có ý chi khác, tội-nghiệp ! »

Lão Sàilộc bôm-chuốc đủ đều xong, Baxaniô cũng chẳng chịu để cho Ăntôniô vì va mà ký tên tờ giao kèo kỳ cố ấy. Dẫu cho Baxaniô có ngăn cãng cho thứ mấy đi nữa Ăntôniô cũng chẳng chịu nghe, cứ quyết một đều ký tên lấy bạc đặng giúp anh em ban thiệt trong lúc túng ngặc, tưởng thầm trong trí rằng : — Ký chơi cho có chừng đó mà thôi !

Người con gái mà Baxaniô muốn đến cầu thân đó, tên là Bọt-sa ở gần thành Venise, nơi một chỗ gọi là Belmont. Cha nàng Bọt-sa giàu có lớn lắm, sanh ra có một mình nãng mà thôi. Cha nãng thấy con mình tuy là thông thái, tài đức gồm đủ mặc lòng, chớ phận nó là gái đương trạt xuân xanh, sắc đẹp của nhiều, bây giờ ông còn sống thì chẳng nói làm chi, sợ khi ông qua đời rồi, kẻ đi kiếm ăn

giang-hồ cùng là người không có lương-tâm, thương sắc thương tiền chớ chẳng thương thân con ổng, nên ổng có nghĩ ra một kế đặng ngừa sự ấy. Theo kế của ổng người nào thiệt thương con ổng thì sánh vai mới được.

Ông ta lấy ba cái ché in hệch nhau: cái thì ổng đựng vàng, cái thì đựng bạc, còn cái thì đựng chì. Cái ché đựng vàng có đề nhãn như vầy: « Ai chọn ta thì sẽ được cái đều mà nhiều người mơ ước. » Ché bạc có nhãn như vầy: « Ai chọn ta thì sẽ được sự mình đáng được. » Còn cái nhãn của ché chì thì vầy: « Ai chọn ta thì phải bỏ phải liều mọi sự của mình có. »

Trong ba cái ché ấy, một cái có bức tượng của nàng Bọt-sa nếu ai lựa trúng ché ấy thì sẽ được nàng làm vợ. Song le trước khi lựa thì phải thề ba đều nầy: một là, chẳng được nói cho ai biết mình đã lựa cái ché nào; hai là, nếu lựa trật thì từ ấy về sau chẳng được cưới ai làm vợ; ba là, nếu lựa trật thì phải đi khỏi tức-thì chớ chẳng được ở cà và chốn ấy. Ông lại buộc nàng Bọt-sa thề chẳng được tỏ cho ai biết rằng cái hình của nàng ở trong ché nào, sợ nàng phải lòng mà tỏ ra chăng.

Cha nàng Bọt-sa buộc những đều nầy là có ý tứ sâu xa lắm. Đều thứ nhứt, đặng ngừa những kẻ bất lương ta-rập với nhau mà lựa cho trúng. Đều thứ nhì, đặng thử lòng những người muốn con mình; đều thứ ba, đặng gìn giữ con mình, sợ khi nó luật nó cà rà ở đó ve thét con mình phải xiu lòng chăng!

Gió đưa mùi thơm khắp cả bốn phương trời, ong bướm đâu đấy đua nhau mà bay đến đặng tìm hoa lạ. Ngoài rào biết bao nhiêu xao xát, song trong vườn chưa thấy một ai được kề bông! Nào là công-hầu vương-bá, nào là khách giàu có sang trọng đều đua nhau đến mà thử số thử mạng, song ai ai cũng đều trơ ngã hết thảy. Chẳng biết tại họ chẳng có cái tình thương thiệt, chẳng có cái thanh tình hay là tại họ có lòng tham sắc tham của hay là sao mà — người nầy lựa ché vàng, người nọ lựa ché bạc — ai nấy đều trật hết cả!

Nói về Baxaniô khi được bạc của Ăntôniô cố mạng màgiúp rồi, dọn một dàng-hầu rất nên sang trọng mà đi lên Belmont. Va đi đây thì có một người con nhà tử-tế lên là Gratianô theo hầu và làm bạn tay chơn với va.

Khi Baxaniô đến, nàng Bọt-sa mừng rỡ và tiếp rước trọng thề lắm. Cho hay là đồng-thinh tương-ứng đồng-khí tương-cầu, cái tình tri-kỷ gặp tình tri-kỷ trong một dây phút thì ngàn năm chẳng phai đặng. Xưa tuy là nàng Bọt-sa và Baxaniô chưa từng hẹn hò với nhau một lời chi, hai đàng chỉ lấy mắt mà đưa tình, song cái tình tri-kỷ trải mấy năm cũng còn nhớ tình tri-kỷ! Bọt-sa gặp Baxaniô thì mừng hết sức mừng, biểu Baxaniô khoan lựa đề ở nán lại một vài tháng đàm-đạo cho phỉ nguyền thương trộm nhớ thầm đã, rồi sẽ lựa, vì chiếu theo lời ước, nếu lựa trật thì phải đi trớt! Vừa gặp mặt mà chóng chia tay như vậy thì nàng sẽ đau lòng xót dạ lắm. Nàng nói nàng biết hình nàng ở trong ché nào, nếu chỉ ra thì đặng rồi, song một lời hứa với cha nàng rồi dẫu cho tan xương nát thịt nàng cũng chẳng dám sai. Cái tình-thương biểu chỉ, song cái danh-vọng biểu đừng! Baxaniô chịu sự phập-phòng, hồi-hợp lâu chẳng nỗi, quyết lòng lựa phứcđi: một trúng một trật, lẽ nào một lẽ cho rồi, chớ đề hồi-hợp hoài khó chịu lắm.

Cho hay là trời cũng chìu lòng người! Bởi đôi lòng đà vấn vương nên trời xui cho Baxaniô lựa trúng! Hai đàng mừng rỡ vô cùng, lòng dạ khấp khởi, sự lo sợ, sự hồi-hợp, sự phập-phòng đà tan mất, đề cho một

mình cái tình nó làm chủ vườn xuân. Trong buổi ấy, nếu đấy mà chẳng phải là động-đào thì còn chốn nào nữa ?

Baxaniô thú thiệt với nàng Bọtsa rằng anh ta nghèo khổ chẳng có sự-nghiệp chi hết : anh ta chỉ có một cái danh tiếng con nhà trâm-anh, dòng dỏi sang trọng mà khoe với đời mà thôi. Nàng Bọtsa thương Baxaniô là thương cái tánh hào-hiệp, thương cái chí-khí anh-hùng của va, chớ giàu có như cô ta mà cần chi là tiền của của chồng giàu ! Vì vậy nên cô ta trả lời một cách rất dịu dàng dễ nghe rằng cổ ước phải chi cồ lịch-sự thêm được một ngàn lần, giàu có thêm được mười ngàn lần thì mới đáng mặt làm vợ chàng Baxaniô, chớ như vầy cũng hỡi còn thấp thỏi lắm ! Tài đức vẹn toàn như nàng Bọtsa mà nàng còn nói một cách rất khiêm nhượng rằng nàng là một đứa con gái dốt nát, quê mùa thô kệch, nhưng mà nó chưa mấy già, nó hỡi còn học đòi được, bởi vậy nên nàng phó thân nàng cho Baxaniô dạy dỗ, chỉ bảo trong mọi đều. Nàng lại nói tiếp rằng : « Tôi và hết thảy gia tài của cải của tôi nay đều thuộc về chàng. Ớ chàng Baxaniô ơi ! Mới hôm qua đây, tôi là chủ của cái đền đài tốt đẹp nầy, tôi là chủ của tôi và chủ hết thảy những tôi tớ trong nhà nầy, nhưng mà bây giờ cái đền đài nầy, những tôi tớ nầy và cái thân nầy đều thuộc về của chàng, tôi xin giao hết thảy cho chàng làm chủ — và tôi cho chàng thêm chiếc cà-rá nầy nửa nè ! Nếu chàng lìa nó ra, làm mất hay là cho ai thì là cái tình của chàng đã xao lảng, phai lạt đi rồi, chừng ấy tôi sẽ có quyền làm ngầy đa, nghe không? »

Chàng Baxaniô thấy nàng Bọtsa ăn nói một cách diệu ngọt, mềm mỏng, khiêm-cung, chẳng chê va là nghèo thì chớ, lại còn kỉnh trọng va nữa, nên chàng lấy làm lạ và cảm tạ vô cùng. Sự vui mừng quá, sự khoái chí quá và sự mang ơn quá nó làm cho chàng va nói chẳng thành câu thành kệ chi hết, chỉ ú ớ một vài lời ân tình và lời cảm ơn mà thôi ! Va lãnh chiếc cà-rá, đeo vào tay và hứa rằng : « Dầu chết, dầu sống, dầu bề nào thế nào đi nữa tôi cũng chẳng hề khi nào lìa nó ra ».

Gratianô là người theo hầu hạ Baxaniô thấy nàng hầu của Bọtsa, là nàng Nê-ri-xa ngộ nghĩnh thì phải lòng cho nên chọc ghẹo. Nàng Nê-ri-xa liếc mắt thấy Gratianô lịch sự trai cũng đành, song bởi nàng hầu hạ nàng Bọtsa lâu nay, triếu-mến lắm chẳng hề muốn lìa xa nàng Bọtsa ra, nên mới nói với Gratianô rằng nếu nàng Bọtsa ưng chàng Baxaniô, thì nàng mới ưng anh ta.

Nay nàng Bọtsa đà hứa trao thân gởi phận cho chàng Baxaniô rồi, nên Gratianô và nàng Nê-ri-xa thừa cuộc chúc mừng cho chủ nhà mà xin phép định việc tơ tóc của mình.

Baxaniô nghe nói như vậy vui mừng mà rằng : « Gratianô, nếu ngươi kiếm được ai vừa ý ngươi thì ta chẳng có đều chi cảng trở hết. Ta chúc mừng cho đấy ».

Chàng Gratianô mới thưa rằng anh ta phải lòng nàng Nê-ri-xa là ả-hầu tâm-phúc của nàng Bọt-sa, và Nêrixa đã nói nếu chủ nàng ưng Baxaniô thì nàng nói mới đành lòng.

Bọtxa kêu Nêrixa mà hỏi coi có quả vậy chăng thì Nêrixa trả lời rằng: « Thưa bà quả vậy, song việc ấy cũng tùy thích bà chớ, tôi đâu dám định ên [1] » Bọt-xa nghe vậy cũng đành lòng cho phép; còn Baxaniô nói với Gratianô một cách rất vui vẻ như vậy: « Này Gratianô ! có đám cưới của ngươi phụ vô, đám cưới của hai đứa tao sẽ coi rơm lắm chơi gì ! »

(1) Ên — tự-mình ; định ên — tự bụng mình định.

Một nhà ai nấy đều vui mừng, mà nhất là hai cập nhân-ngãi ta ! Trần-thế này trở nên Thiên-đàng, trong cái vườn tình thiếu chi là đào tiên, thiếu chi là suối rượu quỳnh-tương ! Song ở trên đời này có cuộc vui mừng, cuộc khoái-chí nào mà cho đặng trọn ở đâu ! Ấy là tại tiên ganh-gỗ với người phàm, khách Đào-nguyên sợ để mình hưởng trọn cuộc sung-sướng, trọn cuộc tiêu-diêu khoái-lạc thì có lẽ bằng họ chăng, nên họ thường kiếm sự buồn mà gieo lộn vào sự vui của mình.

Chén tình mới nếm, cuộc vui này vừa mới khởi-sự, đã thấy tin buồn nó sề đến. Kìa một thằng tiểu-đồng ngoài cửa bước vào, trao cái thơ của Autôniô — trong ấy toàn là sự dữ, tin buồn ! Khi Baxaniô đương đọc cái thơ ấy thì mặt mày va thất-sắc, Bọtxa liếc thấy vậy, tưởng va được tin anh em bạn thiết mới qua đời hay là tin gì hung dữ lắm nên mới hỏi thăm.

Baxaniô nói rằng : « Ớ tình ơi, thuở giờ tôi chưa từng thấy tin nào hung dữ cho bằng mấy hàng mực đen trên tờ giấy trắng này ! Mình ơi, khi tôi trao mối tình thương cho mình, tôi đã thú thật với mình rằng gia-tài của cải chi của tôi đều chảy nội trong cái mạch máu trâm-anh của tôi mà thôi, đáng lẽ tôi phải nói cho mình biết rằng tôi có ít hơn là không có chi hết — vì tôi thiếu nợ người ta ! » Baxaniô thuật truyện va đi mượn bạc của Autôniô, truyện Autôniô đi vay bạc lão Dudêu Sàilộc và truyện tờ giao-kèo của Autôniô ký tên chịu rằng : nếu đúng ngày đúng tháng mà va trả chẳng đặng số bạc vay ấy thì phải để cho lão Sàilộc lóc một cân thịt trong mình va, bất-kỳ là chỗ nào. Rồi đó Baxaniô đọc cái thơ của Autôniô cho nàng nghe :

« Ớ Baxaniô yêu-dấu ơi, bao nhiêu tàu buôn của qua đều chìm mất hết, tờ giao kèo của qua với thằng Dudêu đà qaá hẹn. Nếu chiếu theo đó mà thị-hành thì qua khó nỗi sống cho được, vậy nên quà muốn thấy mặt em trong lúc qna lìa cõi trần này. Nhưng hãy tùy-thích em, nếu cái tình của em thương qua chẳng đủ mà giục lòng em đi đến đây, thì đừng để cái thơ này nó khiến em làm đều ấy. »

Bọtsa nghe đọc cái thơ như vậy thì mủi lòng mà nói rằng :

— « Ớ tình ơi, hãy dẹp muôn sự khác lại một bên mà đi cho chóng ! Dẫu mà phải trả cái số nợ ấy hai chục lần đi nữa, mình cũng sẽ có vàng đủ mà trả, đừng để cho người anh em rất tử-tế như vậy phải rụng tới một sợi tóc vì chưng cái lỗi của Bassaniô tôi. Bởi tôi mua mình trọng-giá quá, nên tôi phải thương yêu mình bội phần ! Song trước hết đôi ta phải đến nhà thờ làm phép giao cho thành vợ chồng đặng cho mình có quyền xài tiền bạc của-cải của tôi — rồi phải đi lập-tức ! »

Cũng trong một ngày ấy mà có hai đám cưới, Baxaniô cưới nàng Bọtsa, còn Gratianô thì cưới nàng Nêrixa. Cưới hỏi vừa rồi thì Baxaniô và Gratianô đồng tức-tốc lên thành Venice, vô khám [1] mà thăm Autôniô.

Ngày hẹn trong tờ giao kèo đã quá rồi, Baxaniô năn-nỉ với lão Dudêu độc-ác xin chịu số bạc vay ấy lại bằng hai bằng ba, song nó cũng không chịu, quyết một bề lóc một cân thịt của chú Autôniô mà thôi. Ông thần cai-trị thành Venice định ngày xử cái vụ khốn-nạn, cái vụ lạ đời ấy trước mặt ngài. Baxaniô năn-nỉ lão Sàilộc hết tiếng mà lão không nghe, chạy đầu này đầu nọ hết chơn hết cẳng mà cũng chẳng

(1) Khám — nhà giam, nhà phạt, nhà pha.

đặng việc, nên phải bậm môi mà đợi ngày xử vụ ấy — lòng gia xốn-xan phập-phòng dường như nửa mê nửa tỉnh vậy.

Khi này Bợtsa đưa chồng đi lo vụ cho anh em bạn thiết, thì nãng vui cười bảo chồng đừng lo sợ chi hết, tốn hao bao nhiêu cũng đừng kể miễn là dắc người anh em bạn thiết ấy về cho nãng biết mặt người hiệp, trọng-nghĩa khinh-tài. Tuy là nãng vui cười ngoài miệng như ông vậy mặc dầu, chớ trong lòng nãng lo, sợ chồng mình khéo nỗi mà gỡ Autôniô ra cho khỏi tay lão Sàilộc được. Nãng ở nhà một mình nghĩ tới nghĩ lui coi nãng có phương-thế chi mà cứu cái mạng rất quí của người bạn thiết của chồng nãng chăng? Đã biết khi nàng Bợtsa chịu thờ chàng Baxaniô làm chồng, nãng nói cách rất nhỏ-nhoi đáng bực vợ hiền rằng nãng cúi xin giao thân gởi phận nãng và nội đều trong gia-đạo của nãng cho chồng nãng điều-đình, coi sóc, chớ bây giờ việc lớn cụng đầu, việc chết sống của một người bạn thiết của chồng nãng, việc danh-vọng của chồng nãng, thì nãng chẳng một phút nào mà nghi ngờ cái tài-năng nãng hết. Nãng biết trong lòng nãng rằng nếu nãng chẳng dùng cái tài, cái sức, cái trí-thức cao xa của nãng mà cứu Autôniô, thì chẳng ai cứu va đặng sốt cả. Bởi vậy cho nên nãng mới quyết lòng đi xuống tòa Venice mà cãi vụ Autôniô. Nhưng mà nãng là một người đờn-bà có thế nào vô tòa Venice mà cãi lý nói luật giữa chốn công-đường! Muốn làm đều ấy thì nàng Bợtsa phải giả trai mới được!

Nàng Bợtsa có một người bà con chú bác tên là Bellariô, vốn là tấn-sĩ bên luật xuất-thân, lúc ấy đương làm trạng-sư ở tại thành Padua, xa gần chi đều nghe danh ngày cã thảy. Nàng viết một cái thơ sai người tức-tốc đem cho ông tấn-sĩ luật này, tỏ hết đầu đuôi cái vụ ấy, cậy ông chỉ vẽ cách vô tòa phải làm thế nào cho trúng phép lịch-sự vì thuở nay nãng chưa từng chường mặt nơi chốn công-đường mà cãi vụ nào hết. Nãng lại xin ông phải cho nãng áo mão trạng-sư của ông. Trạng-sư Bellariô được tin, liền viết thơ trả lời cho nãng biết cách thế phải làm làm sao, viết cho nãng một phong thơ tiến-cử và cho nãng mượn đủ đồ ăn mặc theo trạng-sư.

Khi được thơ và đồ rồi nàng Bợtsa với nàng Nêrixa giả trai: nàng Bợtsa thì ăn mặc như trạng-sư, còn Nêrixa thì ăn mặc theo cách ký-lục trạng-sư. Giả dạng đờn-ông, nhấm-nhía bộ tịch một hồi rồi nói tiếng đờn-ông với nàng Nêrixa rằng:

— Hai đứa mình sẽ đi vào thành Venice coi chồng mình làm cái chi chi ở đấy.

— Thưa bà, vậy mà họ biết mình hay không?

— Mình ăn mặc đồ này thì làm sao mà biết cho đặng! Chúng ta phải đi tới cho kịp ngày nay. Để lên xe ta sẽ nói cho ngươi rõ đầu đuôi,

Bợtsa và Nêrixa đi đến thành Venice nhằm ngày xử vụ Autôniô, song có hơi trễ một chút.

Giả tòa, trước mặt ông Hầu Venice, đông đủ trăm quan văn võ và các người lái buôn tại thành Venice, lão Dudêu Sàilộc xin chiếu theo tờ giao-kèo và luật công-bình, tòa phải cho phép va lóc nơi ngực chú lái Autôniô, phía gần trái tim, mà lấy một cân thịt. Ông Hầu Venice hết lời cang-dáng, năn-nỉ biểu lão Sailộc phải nhơn tay làm phước, song lão nằn-nằn quyết một sự lóc thịt Autôniô mà thôi. Lão Sàilộc lại buộc rằng: « Tôi đã thế độc rồi, tôi phải chiếu theo tờ giao kèo mới được. Nếu ngài chẳng chịu lấy sự công-bình mà xử vụ nầy, ngài chẳng cho tôi lóc thịt chú lái buôn nầy, thì tôi sẽ rao báo cho cã và thế-giái biết rằng luật công-bình thành Venice đặt ra cho có

chừng mà dối chúng, những lái buôn các nơi ai thèm đến đây mà buôn bán, mà lập-nghiệp. Các ngài hỏi tôi vì làm sao mà tôi muốn lấy một cân thịt người hơn là lấy ba ngàn đồng vàng ? Tôi chẳng cần gì trả lời câu ấy. Những mà nếu tôi nói : ấy là tùy thích của tôi, thì có đủ mà trả lời cho các ngài chưa ? Nếu trong nhà tôi bị một con chuột phá hại đồ-đạc hoài-hoài chịu không nỗi, nếu tôi bằng lòng tốn mười ngàn đồng vàng mà muốn người ta giết nó, ấy là tùy thích tôi — trả lời cho các ông như vậy có đặng chăng he ? Tôi chịu tốn tiền mà mắt, tôi xuất ra ba ngàn đồng vàng mà mua có một cân thịt, nên tôi phải lấy thịt ấy mới được ! Nếu tôi lóc chẳng đặng cân thịt ấy, thì còn gì là luật công-bình của thành Venice ! Tôi đứng giữa tòa mà nài sự công-bình, sự công-bình mà thôi ! Vậy chớ các ngài có bang cho tôi hay chăng ?

Ông Hầu Venice túng quá mới phán rằng :

— Ta có mời tấn-sĩ luật Bellariô đến đây mà xử đoán việc nầy, nếu, ngài đến trễ thì ta phải đình vụ nầy lại mà chờ ngài.

Vừa lúc ấy Bọtsa (mặc đồ trạng-sư) bước vào công-đường, trao thơ tiến-cử của tấn-sĩ Bellariô cho ông Hầu Venice coi. Trong thơ ấy tấn-sĩ Bellariô nói ngài sẵn lòng đến mà xử-đoán vụ nầy, song rủi bị đau đi chẳng được nên phải cậy ông tấn-sĩ Balthazar (là tên tròng của nàng Portia) đến mà cãi thế, vậy xin ông Hầu bằng lòng cho phép, đừng thấy còn trẻ-trung mà ngại đều chi hết.

Ông Hầu Venice chịu cho tấn-sĩ Balthazar cãi thế. Ông thấy ông tấn-sĩ Balthazar hỏi còn khô và đẹp-đẽ một một khác thường, nên ông ngó chẳng nháy mắt — lòng thương mến của ông phát chuyển-động, ước-ao phải chi người ấy là đờn-bà . . . . . !

Nàng Bọtsa (là tấn-sĩ Balthazar) bước lên ghế trạng-sư đứng ngó xung quanh tòa, thì nàng thấy lão Dudêu rất nên độc-ác đương hầm ; nàng thấy chồng nàng là Baxaniô đứng khích một bên chú lái Autôniô, mặt mày xanh-lét, lo sợ cho anh em bạn thiết của va. Baxaniô cũng thấy nàng Bọtsa, song không biết lá vợ va, tưởng thiệt là ông tấn-sĩ Balthazar.

Việc lớn-lao và rất nên khó nầy, việc một sống một chết nầy nốn lòng Bọtsa, làm cho nàng trở nên dạng-dĩ. Nàng khỉ-sự diễn-thuyết cho lão Sàilộc nghe : chiếu theo luật công-bình của thành Venice thì lão Sàilộc nầy được phép thi-hành những lời trong tờ giao kèo ; nhưng mà, cũng nên lấy cái lượng khoan-dong mà xử thế, thì mới phải đạo làm người. Nàng biểu lão Sàilộc phải nhớ rằng ta hằng ngày cầu trời đất nhỏ phước lành mà dung thứ ta trong đều lầm-lỗi, vậy thì ta cũng nên mở lòng nhơn đức mà dung thứ kẻ khác. Lời nàng nói xuôi như nước chảy, êm-ái như đờn mà lại có ý-tứ thâm-trầm nữa, dẫu cho cho cây đá là vật vô-tri cũng phải xiu lòng thay, song le lão Sàilộc đứng vững trơ-trơ, lòng bền như sắt cứ việc đòi lóc thịt chú lái Autôniô mà thôi. Nàng Bọtsa lại hỏi Sàilộc ».

— Vậy chớ chú lái Autôniô chẳng có tiền mà trả cho nhà ngươi sao ?

Chàng Baxaniô đứng một bên Autôniô nói : dẫu cho lảo Dudêu đòi số bạc ấy mấy lần đi nữa va cũng sẵn lòng trả cho lão. Nhưng mà trả số bạc ấy mấy chục lần lảo Dudêu cũng không chịu, cứ một việc đòi lóc thịt mới nghe. Baxaniô xin quan trạng-sư rất thông-thái ráng sức mà bẽ luật một chút đặng cứu lấy mạng Autôniô. Bọtsa trả lời một cách rất nên hẳn-hòi rằng luật hễ đặt ra rồi thì chẳng hề khi nào ai mà bẻ, mà sửa cho đặng. Lão Sàilộc nghe nói vậy tưởng là Bọtsa cãi giúp

minh, bèn khen nức khen nở, rống cổ mà nói rằng : « Bao-công giáng-thế ! Bao-công giáng-thế ! Tôi phục ngài biết bao nhiêu ! Tuy diện-mạo ngài còn trẻ chớ trí-thức của ngài già hơn kẻ bạc đầu rụng tóc ! »

Bợtsa biểu lảo Sàilộc đưa tờ giao kèo cho nàng coi, khi coi rồi thì nàng nói một cách rất diệu ngọt rằng :

— « Tờ giao kèo nầy đà quá ngày, chiếu theo đây thì lảo Dudêu được phép lóc một cân thịt, khít một bên trái tim của chú lái Autôniô. Nhưng mà hãy làm phước một phen nào ! Lấy bạc đi và dề cho ta xé cái tờ giao kèo nầy đi nghe không? »

Nói câu ấy là nói vớt chớ trông gì thằng Dudêu hung-ác ấy làm phước ! Nó nói nó đã thề độc rồi, cái lưỡi con người ta chẳng có thế nào mà làm cho nó xuí lòng đổi trí được.

Nàng Bợtsa nói : « Vậy thì thôi, chú Autôniô hãy sửa soạn ngực mà chịu lóc thịt đi ! », và trong khi lảo Sàilộc mài cái dao nhọn cho bén mà lóc thịt cho sướng tay, nàng Bợtsa hỏi Autôniô : « chú chẳng có lời chi mà nhắn cho ai hết s o ? « Autôniô trả lời rằng va chẳng có chuyện chi nhiều cho lắm mà nói vì va đã sẵn lòng chờ chết. Va day lại mà nói với Baxaniô những lời nầy, ai cũng phát-động lòng thương : »

— Baxaniô, hãy đưa tay cho qua nắm một chút ! Từ đây anh em ta phải chia rẽ nhau ! Đừng thấy vì em quá phải lụy đến nước nầy mà rầu-rĩ. Qua kỉnh lời về thăm vợ em và hãy nói cho nàng biết rằng qua thương mến em là dường nào !

Baxaniô rầu-rĩ quá trí, nên trả lời như vầy :

— Anh Autôniô ơi, tôi nhờ anh mà cưới được một người vợ. Tôi thiệt thương người vợ ấy đáo-đề ; song tôi trượng vợ tôi, trượng cái thân tôi và muôn sự trên thế-giái nầy không bằng ôi trượng cái thân anh : dầu cho mất hết mà cứu được anh, tôi cũng bằng bụng. Phải chi thằng quỉ nầy nó chịu thì tôi sẵn lòng cúng vợ tôi, cái thân tôi và mọi sự trên thế-giái này cho nó, đặng mà cứu anh.

Nàng Bợtsa (là trạng-sư Balthazar) nghe chàng Baxaniô rầu-rĩ quá-độ, thương bạn tri-âm quá chừng mới nói những đều ấy, thì trong lòng khen thầm chớ chẳng có chút chi giận hờn hết, song nãng nói chơi như vầy :

— Phải chi có vợ nhà ngươi ở đây thì chắc nãng sẽ cám ơn nhà ngươi có lòng tốt mà ký bán cho con quỉ sống nầy ! »

Gratianô theo hầu cận Baxaniô thường hay bắt chước moi đều của Baxaniô làm, nay nghe Baxaniô nói vậy nên nói ;

— Tôi cũng mới cưới một người vợ tôi thương hết chỗ nói, nhưng vậy mà tôi muốn cho nó chết đi, đặng cho nó lên thiên-đàng mà cầu khẩn thánh thần ra sức thay lòng đổi dạ thằng Dudêu cho chết nầy coi có được chăng!»

Vợ anh ta là nàng Nêrixa, đương ngồi viết một bên nàng Bợtsa, nghe chồng nói trái vậy nín chẳng đặng nên trả lời rằng :

— « Chú giỏi có tài nói lén sau lưng vợ chú the! Thử nói câu đó trước mặt nàng coi có rùm nhà không ! »

Lão Sàilộc thấy nói truyện dông-dài chẳng ăn nhập vào vụ kiện, đợi lâu quá nỗi nóng bèn nói :

— « Giờ ngày càng phút càng qua, cúi xin đọc án phức đi. »

Trong tòa từ trên cho tới dưới, ai nấy cũng đều nôn-nao hồi hợp, lo sợ rầu buồn dùm cho chú lái Autôniô.

Bợtsa biểu lão Dudêu sửa-soạn cân đao cho sẵn đi vờ nói với nó rằng:

– Này Sàilộc, ngươi phải sai đi rước thầy thuốc cho sẵn đặng cầm máu, sợ đề chảy quá va phải đa ! »

Lòng lão Sàilộc quyết một giết Autôniô nên trả lời rằng :

— « Ở trong tờ giao-kèo có nói đều ấy ở đâu ! »

Nàng Bợtsa nói :

— « Không có nói trong tờ giao-kèo ! Vậy mà sao ư ? Người làm nhơn làm phước một chút xíu vậy cũng chẳng được nữa sao ? »

Lão Sàilộc làm bộ coi tờ giao-kèo và nói :

— « Có đâu, tôi kiếm chẳng được đều ấy không có nói trong tờ giao-kèo mà ! »

Bợtsa nói : « Thôi vậy thì lóc một cân thịt làm phần của ngươi, luật cho phép ngươi làm và tòa cũng y luật. Mà lại ngươi được phép lóc cân thịt ấy khít một bên trái tim của chú lái Autôniô, luật cho phép ngươi làm và tòa cũng y luật. »

Lão Sàilộc được ăn trọn nên mừng, khen ngợi tài-năng của trạng-sư không cùng.

— « Thật là đứng bực xữ-đoán công-bình Quả là Bao-công giáng-thế ! Quả là Bao-công giáng-thế ! »

Anh ta và mài dao và ngó Autôniô lườm-lườm và nói : « Nầy hãy trật áo ra đi ! »

Con quỉ sống chờn-vờn vừa muốn xé thịt người lương-thiện, thì Bợtsa nói rằng.

— Khoan đã ! Bớ lão Dudêu ! Còn một chút xíu này nữa. Tờ giao-kèo này không cho người làm đổ một giọt máu đạ ! Lời nói dành-dành như vậy : « Một cân thịt. » « Vậy thì khi nhà ngươi lóc một cân thịt của chú lái buôn nầy, nếu nhà ngươi làm nhỏ tới một giọt máu của va, thì chiếu theo luật thành Venice, vường ruộng gia tài cũa-cãi chi của ngươi đều bị nhập vào kho nhà nước ! »

Lão Sàilộc lóc một cân thịt cũa Autôniô thì làm sao cho khỏi đổ máu đặng ? Nàng Bợtsa nghĩ ra đều nầy thiệt là hay lắm, giỏi lắm ! Trong tờ giao-kèo nói có một cân thịt chớ không có nói tới một nhỏ máu — thiệt là trí thần, thiệt là con mắt thánh vạch đều ấy ra mới được mà cứu mạng Autôniô. Cả và tòa đều phục cái tài-trí của ông trạng-sư còn trẻ nầy, nên đâu đấy đều vỗ tay khen rộ ! Gratianô mừng quá, nhái những lời khen của Sàilộc hồi nãy lại :

— « Thiệt là đáng bực xữ-đoán công-bình ! Nầy Sàilộc ! qnã là Bao-công giáng-thế.! Quã là Bao-công giáng thế đó Sàilộc ! »

Lão Sàilộc độc-ác nầy biết mình đà thất nước, nên mới nói một cách rất nhõ-nhoi rằng va bằng lòng lấy bạc ; còn Baxaniô mừng quá đỗi mừng, dè đâu mà bạn thiết mình được khỏi chết thình-linh vậy, nên lật-đật trao bạc cho Sàilộc mà nói : « Bạc đây nè ! Bạc đây nè ! » Nhưng mà Bợtsa cãng va lại và nói ; « Khoan đã, gấp gì mà vội lắm vậy ! Lão Dudêu đã chẳng được lấy chi hết mà lại còn bị tội là khác nữa ! Sàilộc ! Hãy cứ việc lóc một cân thịt đi — mà phải coi chừng dạ, đừng cho nhỏ một giọt máu đạ ! Nhà ngươi phải cắt cho đúng một cân thịt mà thôi — không dư không thiếu đạ ! Nầy, nếu cái cân mà vát hay là lui chừng một sợi tóc, chiếu theo luật thành Venice thì nhà ngươi phải chết, và vường ruộng của-cải nhà ngươi phải nhập kho nhà nước ! »

Sàilộc xuống nước, nói một cách rất thảm như vầy, xin trao bạc cho tôi dặng tôi đi cho rồi ! »

Baxaniô nói : « Đây, có sẵn đây ! »

Lão Sàilộc vừa thò tay lấy bạc thì Bợtsa cãng lại nữa :

— Khoan đã. Dudêu. Khoan đã ! Ta còn buộc ngươi một đều này nữa. Chiếu theo luật rất công cũa thành Venice, thì gia-tài cũa-cãi, vường ruộng chi cũa ngươi đều phải vào kho Nhà-nước vì ngươi toan mưu lập kế mà hại mạng một tên dân cũa thành ấy — và mạng cũa ngươi còn mất thì tùy

thích ông Hầu ta đây, vậy thì, phải xuống gối mà xin ngài tha chết cho ! »

Gratianô nghe vậy la nổ lên nữa rằng !

— « Thiệt đúng bực xử-đoán công-bình. Dudêu, mi có biết ấy là Bao-công giáng-thế đó chăng ? Quả là Bao-công giáng-thế ! »

Ông Hầu Venice mới phán rằng :

— « Cho nhà ngươi biết rằng người có đạo Datô bụng dạ ăn ở khác hơn đạo Dudêu của nhà ngươi là dường nào, nên chẳng cần gì đợi nhà người cầu-khẩn làm chi, ta tha cho ngươi khỏi chết đó. Còn vường ruộng gia-tài của ngươi, phần nửa thì thuộc về chú lái Autôniô, phần nửa thì nhập kho Nhà-nước.

Lòng rộng rãi của chú lái Autôniô lúc nào cũng vẫn thế. Va thấy lão Sàilộc thất-thế thương hại, muốn lấy ơn mà bảo oán nên va mới nói với lão Sàilộc rằng va sẽ cho lão phần, gia-tài ấy, nếu lão chịu làm tờ di-chúc để phần ấy lại cho hai vợ chồng người con gái của lão, trong khi lão qua đời. Va buộc Sàilộc đều này là vì con gái một của Sàilộc nghịch-ý lão, làm phép hôn-thú với một người có đạo kia tên là Lorenzo, em bạn của Autôniô. Bởi cớ ấy nên lão Sàilộc mới giận dữ, làm tờ từ chẳng cho người con gái ấy ăn gia-tài ! Một chút đây cũng đủ biết lòng tốt của Autôniô — hễ gặp cơ-hội làm việc phương-tiện cho ai được thì va làm luôn luôn, chẳng hề bỏ qua.

Lão Sàilộc nghe lời Autôniô nói vậy thì chịu liền, bây giờ nói giống chi mà lão chẳng nghe, chẳng chịu ! Cái đều va ao-ước bấy nay mới vừa vớ được rủi sẩy tay : hụt trả thù chẳng nói làm chi, chớ mất hết gia-tài của-cải thì cái sự sống của va có ra chi đâu, thà chết còn mát thân hơn ! Lão Sàilộc cháng-váng như người bị trời đánh hụt, nói rằng :

— « Tôi phát đau xin cho phép tôi về nhà. Hãy đem tờ giấy đến nhà tôi, tôi sẽ ký tên chịu cho con gái tôi ăn nửa phần gia-tài tôi, sau khi tôi qua đời rồi.

Ông Hầu Venice phán rằng :

— « Vậy thì ta cho phép ngươi đi về nhà, rồi ta sai đem tờ giấy lại nhà cho mà ký tên. Nếu nhà ngươi biết ăn-năn chừa cải, bỏ dữ làm lành, hồi-tâm hướng-đạo, thì nhà nước sẽ cho nhà-ngươi nữa phần gia-tài kia lại ».

Ông Hầu dạy tha chú lái Autôniô và bải tòa.

Ngài khen ngợi sự khôn ngoan, giỏi-giắng, và cái tài trí của quan trạng-sư vô-cùng. Ngài mời quan trạng-sư vào cung mà dự yến với ngài. Bởi nàng Bơtsa muốn trở về Belmont trước, chồng đặng cho chồng đừng biết mình cứu khỏi Autôniô, nên trả lời một cách rất khiêm-nhượng rằng :

— « Tôi cúi đầu đội ơn ngài vô-cùng, xin ngài rộng lượng thứ tội cho tôi vì tôi có việc gấp, phải về nhà lập-tức.

Ông Hầu Venice nói nếu quan trạng sư có mắc việc nhà gấp rút chẳng có giờ rãnh mà yến ẩm với ngài thì lấy làm rủi cho ngài lắm vì chẳng được gần quan trạng-sư rất nên thông-thái như vậy mà đàm-đạo. Ông Hầu biểu Autôniô và Baxaniô phải trọng-thưởng ông trạng-sư ấy vì nhờ ông nên Autôniô mới khỏi chết.

Ông Hầu và văn võ trăm quan lui về rồi thì Baxaniô nói với Bơtsa rằng :

— Thưa ngài, hai anh em tôi nhờ sức ngài, mới còn đứng được trên thế nầy. Vậy cúi xin ngài bằng lòng nhận lấy ba ngàn đồng vàng của chúng tôi thiếu lảo Dudêu đây.

Autôniô nói tiếp rằng : « Ba ngàn đồng vàng nầy đủ chi mà tỏ cái lòng kính-phục của chúng tôi, đàu có mòn xương nát thịt đi nữa tôi cũng chẳng dám quên cái ơn ấy. Vậy xin ngài chớ từ ».

Nói chi thì nói, nàng Bọtsa cũng từ chối hoài chẳng chịu lãnh số bạc ấy, nói rằng :

— « Hễ làm được việc phải thì đủ khoái lòng vui dạ ; nay mà tôi cứu chú lái nầy được thì đủ làm cho tôi thích-chí rồi, chứ cần gì là tiền bạc. Thủa nay tôi chưa từng cãi mướn cho ai. Như sau có gặp nhau, miễng là nhớ mà hỏi nhau, thì cũng đủ rồi, cần gì tiền bạc.

Baxaniô nói :

— « Nếu ngài chẳng chịu lấy bạc vậy xin ngài lấy một vật chi đặng, trước là cho anh em tôi khỏi mang tiếng người quên ơn, sau nữa để cho ngài làm dấu tích ».

Bọtsa thấy nài sử quá bèn nói với Autôniô rằng : « Vậy thì hãy đưa đối với tay của ngài cho tôi mang mà làm dấu tích ». Nàng day lại nói với Baxaniô rằng : « Còn ngài thì cho tôi chiếc cà-rá ấy. Kìa ! sao ngài lại co tay ấy lại vậy ! ! ! »

Chàng Baxaniô lúc nầy mới là bối-rối cho ! Đã biết chiếc cà-rá chẳng quí báu chi đó, chẳng đáng bao nhiêu đó, song va đà thề nguyền với vợ va rằng dầu cho bề nào đi nữa va cũng chẳng lìa nó ra ; nay ông thầy Kiện nầy mới làm cái ơn to cho mình, của anh em bạn thiết mình khỏi chết, lại muốn chiếc cà-rá thì biết nói làm sao ? Một đàng ơn một đàng tình, đàng nào nặng hơn ? Dụ-dự hồi lâu Baxaniô mới trả lời với Bọtsa rằng :

— « Chẳng nói giấu chi ngài, chiếc cà-rá nầy là của vợ tôi cho tôi làm dấu-tích và tôi đã thề rằng dầu cho bề nào đi nữa tôi cũng chẳng lìa nó khỏi tay tôi. Vậy xin ngài chịu phiền đợi một tí, để tôi đi lựa mua cho ngài một chiếc cà-rá quí báu nhất trong thành Venice nầy ».

Bọtsa nghe nói như vậy thì trong lòng khen chồng mình ở có nghĩa với mình, song ngoài mặt làm bộ giận mà rằng :

— Thôi đi chú ! Tôi có phải là ăn mày ăn xin chi đây mà chú khéo lựa đều mà nói cho quá buổi vậy ! »

Nói rồi đi xuôi một nước.

Chú lái Autôniô nói :

— Nầy Baxaniô, hãy cho ông thầy Kiện chiếc cà-rá đó đi. Qua tưởng rằng cái tình em thương qua và cái ơn của ổng cứu qua có lẽ trọng hơn là sự giận hờn của vợ em. Hãy cho ổng đi, nếu vợ em có ngầy-ngà, qua sẽ cắt nghĩa cho nàng nghe.

Có lời Autôniô nói như vậy, nếu Baxaniô từ chối thì ra lẽ bạc-tình lắm ! Autôniô chẳng sợ chết mà chiều lòng va. Bây giờ không lẽ va đi sợ vợ giận mà chẳng chiều lòng Autôniô. Vì vậy nên va cỗi chiếc cà-rá đưa cho Gratianô, biểu chạy theo mà cho ông thầy Kiện (Bọtsa).

Hồi cưới hỏi nhau nàng Nérixa cũng có cho Gratianô một chiếc cà-rá vậy, nay nàng thấy Baxaniô sai Gratianô đem chiếc cà-rá đến cho chủ nàng, thì nàng cũng kể ơn viết-lách khó nhọc mà xin chiếc cà-rá của Gratianô. Bởi tánh Gratianô hay bắt chiếc Baxaniô trong mọi đều, nên nay thấy Baxania cho ổng thầy Kiện chiếc cà-rá, thì va cũng bằng lòng cho thư-ký Nérixa chiếc cà-rá của va.

Nàng Bọtsa và nàng Nérixa lấy được cà-rá của chồng rồi thì cười với nhau rằng : « Để về nhà đây họ sẽ coi mình ! Mình sẽ nói họ chưa gì đã ở bạc-tình, mới ra khỏi nhà có một đôi ngày đà hẹn-hò với đờn-bà khác, nên đã cỗi cà-rá để lại mà làm giấu tích rồi ! Mình sẽ làm bộ giận dữ coi họ nói làm sao ! »

Ở đời, hễ mình làm một việc chi phải — dầu cho không ai biết, dầu chẳng ai khen đi nữa, miễn lòng mình biết rằng sự ấy là sự phải thì mình vui lòng sướng dạ biết bao ! Nàng Bọtsa buổi ấy cũng thế. Khi nàng đi về nhà thì nàng vui-vẻ khác thường, bởi lòng

nàng vui nên hễ nàng ngó đến đâu thì ở đó trở nên vui-vẻ hơn xưa ! Con trăng mỗi bữa, nay xem coi tỏ rạng hơn ; khi con trăng ấy bị mây đem âu khuất, nàng thấy ngọn đèn chong trong nhà nàng chói xa, thì phát vui miệng bèn nói với Nérixa rằng : « Ngươi có thấy ngọn đèn chong trong nhà cũa ta chăng? Hễ cái yến sáng cũa ngọn đèn ấy chiếu được bao xa, thì việc làm phải chiếu được bấy xa trong cái cõi hồng-trần bạc-bẽo nầy ! » Xe chạy gần tới nhà, nàng nghe đờn địch trong nhà nàng thì nói rằng : « Cha, tiếng đờn gọng địch bữa nay nghe coi êm-ái hơn hẳng ngày ! »

Khi hai nàng vào đến nhà thì lật-đật thay đổi áo quần, dẹp đồ trạng-sư mà mặc lấy đồ đờn-bà — thựt đáng mặt đờn-bà ! — rồi ngồi mà đợi chồng dắt chú lái Autôniô về.

Baxaniô về tới nhà dẫn Autôniô ra mắt nàng Bọtsa, nàng Bọtsa chào hỏi tiếp rước một cách trọng-thể. Đương lúc hỏi-han, mừng-rỡ về sự may-mắn cũa chú lái, xẩy nghe có tiếng cãi-lẫy, ai nấy đều ngó-ngoái lại thì thấy hai vợ chồng Nérixa đương cãi lộn. Nàng Bọtsa nói :

« Đà gây rồi ! ! ! Giống gì vậy ? » Gratianô trả lời rằng :

« Thưa bà, tại một chiếc nhẫn *chết-nhát* cũa nàng Nérixa cho tôi, nơi chiếc cà-rá đó có khắc một câu như vậy : « *Thương tôi chớ khá bỏ tôi* »

Nérixa hỏi Gratianô : Câu ấy vă giá cả chiếc cà-rá ấy ăn thua gì mà nói nà ! Hồi tôi cho anh chiếc cà-rá ấy, anh thề rằng anh sẽ gìn-giữ nó cho tới khi anh chết, rồi bây giờ anh lại nói anh đã cho người ký-lục cũa ông thầy Kiện nào đi rồi. Tôi chắc anh đã cho người đờn-bà nào đó rồi đạ ! »

Gratianô nói :

— Tôi thì có trời làm chứng, thiệt tay chơn tôi cầm chiếc cà-rá ấy mà cho một người mới lớn lên, một đứa con trai liến liến, đâu một chạng với nàng vậy. Nó là ký-lục cũa ông thầy Kiện, ổng cũng còn *trẻ khó*, mà rất nên thông-thái, cãi giữa tòa Venice mà cứu mạng ông lái Autôniô nầy đây, nó nói công nó biên chép nên nó xin chiếc cà-rá ấy, tôi chẳng có lòng dạ nào mà từ chối, nên phải cho nó.

Nàng Bọtsa nghe vậy bèn quở rằng:

— Gratianô, ngươi thiệt lếu thì thôi ! Có lẽ nào mà vợ chồng mới cưới hỏi nhau, vợ ngươi nó cho ngươi một chiếc nhẫn để làm của tin, mà sao ngươi vội lìa làm vậy ? Ta cũng có cho ngài Baxaniô của ta một chiếc nhẫn vậy, và ta dám chắc rằng dẫu cho lìa chiếc nhẫn ấy ra mà được làm vua cả và thế-giới đi nữa, cũng chẳng hề khi nào lìa ! Gratianô, thiệt là ngươi ở bạc-bẽo với vợ ngươi lắm đó. Nếu ngài Baxaniô ta mà ăn ở cách ấy thì chắc ta phải điên chớ không không ! »

Baxaniô nghe buộc trái mấy lời ấy thì điếng hồn điếng vía, mình-mẩy đổ mồ hôi hột, thang rằng : « phải chi chặc tay được thì tôi chặc phức đi, đặng lấy cớ ấy, vì chốn chối nên mới cụt tay như vậy. »

Còn Gratianô muốn cho nhẹ tội mình, khai rằng :

— « Ngài Baxaniô cho ông thầy kiện lịch-sự trai ấy chiếc cà-rá của ngài, người ký-lục của ổng thấy vậy mới kể công viết lách khó nhọc của va mà xin chiếc của tôi. Phải ngài Baxaniô không cho ông thầy kiện đó chiếc cà-rá của ngài, thì làm sao mà thầy thơ-ký ấy xin chiếc của tôi được ! »

Nàng Bọtsa nghe nói như vậy giả đò không tin, nói có lẽ đâu chồng nàng làm đều ấy ; chừng hỏi lại quả như vậy thì nàng làm bộ giận dủ, trách cứ Baxaniô sao cho người ta chiếc cà-rá giấu tích của nàng, và nói nhờ Nérixa nhắc nên nàng chắc rằng chiếc cà-rá ấy về tay người đờn-bà nào đó rồi chớ không không ! ! ! Baxaniô thấy nàng

Bọtsa giận-giủ thì buồn-rầu lắm, nên trả lời rằng :

— Không! không phải vậy đâu mình! tôi nào có cho đờn-bà nào ở đâu! thiệt tình là tôi cho một ông tấn-sĩ luật. Ông cải cho anh tôi đây khỏi tội, tôi đền ơn cho ổng ba ngàn đồng vàng ổng chẳng chịu lấy! ổng cứ xin có một chiếc nhẫn ấy mà thôi! tôi chẳng chịu cho ổng nên ổng giận bỏ đi. Mình ơi! biết làm làm sao cho ra mặt người biết đền bấy giờ? Lòng tôi thiệt chẳng quên ơn bạc ngãi vậy, nghĩ mắc-cỡ quá chừng nên tôi phải sai Grátianô chạy theo cho ổng chiếc nhẫn cho mát lòng ổng. Mình ơi, phải chi có mình ở đó, tôi dám chắc mình cũng biểu tôi cho ông tấn-sĩ luật ấy chiếc nhẫn đó. Ông thiệt giỏi lắm, cho giống gì cũng đáng.

Nàng Bọtsa nói :

— « Vậy thì hãi giữ cho khéo nó, đừng để ông tấn-sĩ luật ấy bỏ lại nhà tôi dạ! Bởi ngài có lòng rộng-rãi cho ổng chiếc cà-rá yêu dấu của tôi chẳng thèm đếm xỉa chi đến lời của ngài thề-thốt với tôi ; nên tôi cũng sẽ rộng-rãi như ngài vậy hễ ông tấn-sĩ luật ấy đến đây thì tôi chẳng từ đều chi với ổng hết dạ!

Nàng Nêrixa cũng nói với Baxaniô rằng :

« Tôi cũng vậy, tôi cũng cũng chẳng từ đều chi hết với người ký-lục của ông thầy kiện ấy. Vậy thì phải coi chừng cho lắm đó! »

Autôniô thấy cũng vì va mà hai vợ chồng Bọtsa và hai vợ chồng Nêrixa rầy-rà hờn giận nhau thì than rằng :—

— « Khổ thì thôi! Ấy cũng tại tôi nên mới sanh ra sự bất-hòa như thế nầy! »

Nàng Bọtsa biểu chú lái Autôniô đừng lấy đấy làm buồn vì nẵng sẵn lòng trọng-đãi va là bạn thiết mà lại là người-ơn của chồng nẵng. Autôniô nói với nẵng rằng:

— « Tôi đã cố mạng tôi dùm cho chồng cô một lần rồi, ví bằng không nhờ được ông tấn-sĩ luật mà chồng cô cho chiếc nhẫn ấy thì cái mạng tôi cũng đi đời nhà ma rồi! Bây giờ đây tôi sẵn lòng chịu cố dùm cho chồng cô nữa — song chuyến nầy tôi cố cái linh-hồn của tôi cho cô, đặng bảo-lãnh rằng chồng cô từ nay về sau chẳng hề khi nào quên lời hứa với cô nữa đâu!»

« Nàng Bọtsa thấy cái trò giả ngộ của mình đã vừa đủ rồi, nên để lâu nữa thì sao cho khỏi thương cái tình hòa-khí, nên mới nói với Autôniô rằng :

— « Nếu ổng lái chực bảo-lãnh thì tôi mới yên lòng. Thôi xin ông làm ơn trao dùm chiếc cà-rá nầy cho chồng tôi và biểu chồng tôi phải giữ cho kỹ hơn chiếc trước. »

Baxaniô lãnh chiếc cà-rá, cầm coi thấy nó giống hệch như chiếc của va đã cho ông thầy kiện không sai một mảy, thì va lấy làm lạ lắm, bèn nói :

— « Mã, chiếc cà-rá nầy là chiếc của tôi đã cho ông tấn-sĩ mà!

Nàng Bọtsa nói :

— Xin lỗi ngài, ấy là của ổng cho tôi đó. »

Nàng Nêrixa củng đưa chiếc cà-rá trước mặt Gratianô mà nói :

— « Nầy, coi đây nè, thằng con trai liến liến, ký-lục của ông tấn-sĩ cho tôi chiếc cà-rá nầy nè! »

Nghe vậy, thấy vậy ai nấy đều chưng-hửng chẳng hiểu ý-tứ ra làm sao! Để cho mấy người ấy nhìn nhau một hồi rồi nàng Bọtsa mới chịu nói thiệt sự nàng giả trai làm thầy kiện Balthazar xuống Venice mà cãi vụ Autôniô, đem nàng Nêrixa theo làm ký-lục. Autôniô khen-ngợi tài-trí nàng Bọtsa vô-cùng ; còn Baxaniô mừng-rỡ vô-cùng vì nhờ sự dạng dĩ, sự khôn lanh, sự giỏi-giắng của vợ mình mới cứu được mạng người anh em bạn thiết của mình.

Sự làm bộ giận-dữ dất lẹ như đám mưa mây, cả nhà trở nên vui-vẽ bằng mười. Nàng Bọtsa thết đãi chú lái Autôniô một cách rất trọng-thể. Trong cuộc đương vui, nàng Bọtsa làm cho Autôniô vui lòng muôn ngàn phần trội hơn nữa, nàng đưa cho Autôniô những thơ cũa nàng tình-cờ tiếp đặng, nói về chuyện những tàu bè cũa Autôniô tưởng chiềm hết đà về đũ tới bến, đỗ yên đậu vững rồi !

Cho hay là người làm phải trời nào có phụ, còn người bạc-ác tinh-ma, dẫu cho có rân-rát trong một thời đi nữa, chừng kết-cuộc lại rồi mới biết đạo trời là công ! Cái câu « làm lành gặp lành, làm dữ » gặp dữ đến giờ cũng hỡi còn thiệt ! Ở với anh em như Autôniô ở với Baxaniô, thật mới là chí-tình chơ!

Chuyện chú lái buôn : bang đầu ai nghe cũng dửng tóc, thương hại người phải mà bị nạn to, rút cục lại người người đều hởi dạ. Trong lúc rảnh nhớ trực tới chuyện thấy vợ mình mà chẳng biết vả trò ghen tuông rầy-rà, thì ai lại chẳng buồn cười ! Nàng Bọtsa thiệt đúng bực gái anh-thơ; chàng Autôniô đáng mặt người hào-hiệp !

NGUYỄN HÁO-VĨNH. (*Cần-thơ*)

VĂN-UYỂN

THƠ CA

Vịnh-sử

PHAN THỊ-THUẦN

I

Gái sao sánh với anh-hùng,
Vì đem vàng đá liều cùng nước non.
Có người Thúy-ái họ PHAN,
Mai còn thua trắng, liễu còn kém xanh.
Khâm-chù phận gái mong-manh,
Với cùng NGÔ-CẢNH bén tình lửa hương.
Bỗng đâu vừa gặp chiến-trường,
Thua cơ chàng đã quyết đường quyên-sinh.
Tin về ai nấy đều kinh.
Mà nàng PHAN-THỊ một mình cười vui.
Niên-hoa vừa trạc hai mươi,
Những mong phấn sáp tốt tươi áo quần.
Kẻ chê người trách mấy lần,
Cũng không kể-lể ân-cần điều chi,
Trăm ngày hầu đã đến kỳ,
Sắm-sanh một lễ trai-nghi sẵn-sàng.
Rước thầy siêu-độ cho chàng,
Đủ tuần lễ mới sửa-sang việc mình.
Xuống thuyền quần áo tốt xinh,
Gọi bà kể hết sự tình đầu đuôi.
Việc tôi nay đã lọn rồi,
Thì tôi xin thác với người cho xong.
Nói rồi thuyền mới xuôi giòng,
Đến nơi chàng chết xuống sông theo chàng.
Thôi đà nát ngọc trìm hương,
Ai ai trông thấy lòng càng thêm thương.
Người sao tiết-nghĩa lạ nhường ?
Nhẹ mình nặng gánh cương-thường hai vai.
Ba trăm năm kể mấy đời,
Đài-gương một mảnh mấy trai soi cùng (1)

II

Mặc ai chê trách mặc ai cười,
Gia đá gan vàng sẽ sẽ nguôi.
Chín suối cũng tìm cho đến mặt,
Trăm năm chót hẹn dám sai lời.

---

(1) Có thơ rằng « *Khả liên tam bách dư niên quốc, thiên-lý dân gi nhất phụ-nhân* 可憐三百餘年國, 天理民彝一婦人 » nghĩa là một nước hơn 300 năm nhà Lê bày tôi ở với vua không được bằng người đàn-bà ở với chồng.

Riêng nhau nhà nước đường đôi nẻo,
Chung lại non sông mả một người.
Thúy-ái nghìn đời giòng nước biếc
Làm gương cho khách thế-gian soi.

* * *

Từ quyền trai đã lớn hơn gái, thời đạo vợ cũng phải theo chồng. Ngôi đã chia ra ở ngoài ở trong (1), *bậc cũng chia ra bên quí bên tiện. Không biết rằng âm dương vẫn là một lẽ trai gái vẫn cùng một hàng. Ai nấy đều tai mắt thông-minh, thời ai nấy cũng cương-thường gánh vác. Xem như quân mà gọi là nương-tử* (2), *thành mà gọi là phu-nhân* (3). *Cầm giao mà giết kẻ tôi gian* (4), *nhảy ngựa mà cứu chưng nạn nước.* (5) *Thế thời kẻ giắt trâm cài lược, chẳng kém gì đội mũ mang râu. Mới biết đàn-bà nước ta như nàng* THỊ-NIÊN *nàng* THỊ-THUẦN *chỉ là hết đạo làm vợ với việc chồng mà bà* TRƯNG-VƯƠNG *bà* TRIỆU-ẨU *mới là hết đạo làm dân cùng nước.*

III

Giọt lệ đôi hàng tưởng mấy thăng,
Sầu đong muôn hộc gạt cho bằng.
Nào hay gái Việt anh-hùng thế,
Muốn đề thầy Ngô sợ-hãi chăng ?
Những kẻ trông sau dương bốn mắt,
Mấy người cười trước hở mười răng.
Xanh xanh Thúy-ái vầng giăng bạc,
Soi xuống lòng sông suốt mấy trùng.

MÂN-CHÂU *sao-lục*

Khuê-phụ-thán

(*mười bài liên-hoàn của* NGUYỄN THỊ-PHI *làm*)

I

Chồng hỡi chồng ! con hỡi con !
Cùng nhau chia cách mấy năm tròn.
Bên giời góc bể nơi chim cá,
Dạn gió dầy sương tủi nước non.
Mộng-điệp khéo vì ai lẽo-đẽo,
Hồn-quyên luống để thiếp thon-von.
Ngày qua tháng lại trông đăm-đắm,
Muôn dặm xa xa mắt đã mòn.

---

(1) Giai việc ngoại, gái việc nội.

(2) Nương-tử chỉ nàng MỘC-LAN. Vua nước Lương xuống tờ chiếu gọi quân, nàng MỘC-LAN xin thay cha đi lính, trong mười hai năm, khi dẹp được giặc rồi mới về, vua phong-tước cho, không chịu, chỉ xin về cho kịp khi cha mẹ em còn sống. Người ta gọi là quân nương-tử.

(3) Vua TẦN PHÙ-KIÊN kéo quân sang đánh Lương-châu quan Thứ-sử Lương-châu là CHU-TỰ giữ trong thành, có mẹ là HÀN-THỊ đem 10) hầu tớ con gái đắp riêng một cái thành ở phía tây-bắc. Khi quân nhà Tần đến đánh, phá được cả thành, duy có góc tây-bắc là không phá được. PHÙ-KIÊN nói rằng đất Lương-dương không có thành nào bền, chỉ có thành Phu-nhân bền mà thôi.

(4) Nàng SA-LỘ-THOÁT người nước Pháp, ham đọc những truyện anh-hùng, lúc ấy vua Lộ-dịch nước Pháp bị người trong nước giết đi, lại có người MÃ-LẠP là một người có quyền-thế to làm lắm sự tàn-hại trong nước, nàng SA-LỘ-THOÁT có lòng muốn cứu dân, một mình đi lên thành Paris, tới nhà người MÃ-LẠP, dâng một cái thư xin ra mắt, MÃ-LẠP cho vào, nàng cầm dao đâm suốt bụng MÃ-LẠP, rồi bị bắt, quan tòa hỏi sao dám giết MÃ-LẠP ? Đáp : Tôi không oán gì, chỉ vì MÃ-LẠP là người tàn-ngược vậy. Lại hỏi : MÃ-LẠP chết thì việc tàn ngược có thôi được không ? Đáp rằng : tôi giết một MÃ-LẠP này, thì MÃ-LẠP khác cũng phải sợ. Đến khi đem nàng ra giết, thì tay nàng còn cầm truyện anh-hùng mà đọc..

(5) Nàng NHƯỢC-AN là con gái nhà làm ruộng bên nước Pháp, mới mười sáu tuổi, lúc ấy nước Pháp bị nước Hồng-mao sâm-chiếm, NHƯỢC-AN có ý thương nước mươn tiếng nói rằng : sứ giời sai xuống cứu nước, nên chi dân sự ai nấy đều theo, con vua nước nghe tiếng cho sứ đưa về, nàng NHƯỢC-AN mặc đồ nam-trang, cưỡi lên ngựa như là hùng dũng, từ đó đem quân ra đánh Hồng-mao, quân Hồng-mao thua chạy, mới lập con vua nước Pháp lên làm vua. Nước Hồng-mao vì cớ ấy phải hòa với nước Pháp. Về sau nước Hồng-mao lấy làm căm giận lắm, bắt nàng NHƯỢC-AN giam ở trong ngục vu cho là lấy việc quỉ thuật giối người, dùng lửa mà thiêu đi. Nước nhớ công-đức nàng NHƯỢC-AN, dựng lên tượng để mà kỷ-niệm.

II

Đã mòn con mắt một phương Âu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu ?
Dẫu được non xinh cùng biển tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.
Trách ai dắt nẻo không lừa-lọc,
Khiến thiếp ra thân chịu dãi-dầu.
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái ?
Tấm lòng bứt-rứt trót canh thâu !

III

Canh thâu chưa ngủ hãi còn ngồi,
Gan ruột như dầu sục-sục sôi.
Nghĩa gá ấp-iu đành lỡ-dở,
Công cho bú mớm chắc thôi rồi !
Quyết gìn-giữ giạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc-nhôi.
Non biển xiên-xiên trời một góc,
Hỡi chồng ơi ! với hỡi con ơi !

IV

Con ơi ! ruột mẹ ngẫu như tương,
Bẩy nổi ba chìm rất thảm thương.
Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.
Quê người đành gởi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương !
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Để cho vẹn vẽ mối cang thường.

V

Cang thường gánh nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai ? ai hỡi ai !
Để bụng chỉn e tầm đứt ruột,
Hở môi còn sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chênh-chênh một,
Kính bể soi hình tẽ tẽ hai. [
Nhắm thử từ đây qua tới đó,
Đường đi non nước độ bao dài.

VI

Bao dài non nước chẳng hay cùng,
Xin gởi hồn ta đến ở chung,
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau không thẹn với ba tòng.
Quê nhà có kẻ lo săn-sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạ-lùng.
Mảng tính chưa xong vừa chớp mắt,
Trống lầu đâu đã đồ tung tung.

VII

Đã đồ lung tung tiếng trống thành,
Dật mình thức giậy mới tan canh,
Sương sa lác-đác trên tàu lá,
Gió thổi liu-riu dữa bức mành.
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nỡ cho đành.
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau chọn
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái-sanh.

VIII

Kiếp tái-sanh may có gặp không ?
Kiếp này đành phụ với non sông.
Chiêm-bao lẫn-đận theo chân bướm,
Tin-tức bơ-vơ lạc cánh hồng.
Tính tới tính lui thân cá chậu,
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng.
Đã không chung hưởng thì thôi chớ,
Sao nỡ xa nhau chồng hỡi chồng !

IX

Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng ?
Sóng gió khi không giậy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng-lộng,
Cha con riêng một biển giăng-giăng.
Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết,
Giọt thảm này tuôn bừng khó ngăn.
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng-gạo,
Canh chầy còn ở dưới cung trăng,

X

Ở dưới cung trăng luống nỉ-non,
Đắng cay như ngậm trái bồ-hòn.
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏn,
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn.
Lắng mõ làng xa canh cốc ! cốc !
Tiếng chuông chùa cũ động bon ! bon !
Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ,
Chồng hỡi chồng ! con hỡi con !

Vinh-long Nữ-học-Sinh
PHAN SƠN-ĐẠI sao-lục

Tự-thọ năm mươi

Năm nay năm chục tuổi đầu rồi,
Tính sống trăm năm mới nửa thôi.
Sương tuyết xông-pha làn tóc bạc,
Nắng mưa dầu-dãi nước da mồi.
Công-hầu khanh-tướng chưa vào bực,
Mặn nhạt cay chua nếm đủ mùi.
Gánh vác giang-sơn nhờ bực trẻ,
Bán sầu ta hãi gượng mua vui.

NGUYỄN NĂNG-QUỐC
Án-sát Hưng-yên

Phụng-họa nguyên-vận

Ông-lớn giờ lên cụ-lớn rồi,
Công-hầu chăng nữa thế mà thôi.
Chút duyên văn-tự đành riêng thú,
Cái miếng công-danh dễ mắc mồi.
Hành-sử nghĩ xem vào đáng bực,
Thế-gian trải đã biết bao mùi ?
Sống lâu ngẫm mãi đời đương trẻ,
Lắm truyện buồn-tênh lắm truyện vui.

PHẠM XUÂN-NỮNG

Xuân-nhật tái-đáo Sài-sơn ngẫu-vịnh

Chúa xuân đưa khách dạo chùa Thầy,
Mừng khách năm xưa lại tới đây.
Hang thánh biết đâu còn vết hóa,
Chợ trời vẫn họp đến hôm nay.
Giang sơn chất gánh nâng càng nhẹ,
Phong nguyệt đầy hồ nhấp chửa say.
Ướm hỏi non xanh trông bạn cũ,
Rằng quen hay đã lạ nhau ngay.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO
Tri-huyện Hưng-nhân (Thái-bình)

Chơi núi

I

Đưa nhau lên núi đứng mà coi !
Coi thử non sông với cuộc đời.
Giòng nước lặng-tờ chừng biếng chảy,
Lũ non nhấp-nhổm giáng non ngồi.
Trong thành chen-chúc nhà gianh gạch,
Dữa chợ xôn-xao tiếng khóc cười.
Cái cuộc trần-ai trên nắm đất,
Khéo quay quay mãi tít lưng giời !

II

Giời thu như đúc cảnh tiêu-điều,
Cho khách chơi non luống ngại trèo !
Chín khúc rồng vàng sương bạc phủ,
Một ròng nước biếc gịp cầu treo.
Nửa làng nửa phố nhà sơ-sác !
Kìa tháp kìa hang cảnh vắng-teo !
Trải mấy nghìn năm còn có đấy !
Sầu vui thêm cảm giạ ai leo !

BÙI QUANG-HUY
Sinh-viên trường Cao-đẳng sư-phạm

Tức-cảnh Đèo Luộn (1)

Chèo lên Đèo Luộn đứng mà nom :
Ruộng lúa rừng cây khắp mọi chòm.
Cật-Chúa lối sang đường khấp-khểnh,
Thanh-sơn động mới cửa ùm-tum,
Đôi ba chị cấy lưng gù rập,
Dăm bẩy anh tiều cật cúi khom,
Mấy lá thuyền câu len ngách suối,
Theo dòng buông lưới gõ om-thòm.

MÂN-CHÂU

---

(1) Là chỗ chúa Trịnh đề bốn chữ 山 水 有 情 đi qua cái cầu sang cửa động Thanh-sơn lên Cật Chúa vào Hương-Đài, chung-quanh ruộng chiêm, và giẫy núi chùa Hương, dưới chân đèo là suối vào Thiên-trù, thuyền câu hễ buông lưới xuống là gõ để lừa cá vào (BỒNG).

VĂN XUÔI

Chơi xuân cảm-hoài

Mây quang khí ấm, đường rảo cây tươi, đó là quang-cảnh trời đất hôm rằm tháng giêng năm *Kỷ-vị* ở Thăng-long. Được buổi tốt đẹp, êm-đềm nhường ấy, lại là ngày qui nhất ở tháng đầu-xuân ; các bà, các cô, các ông, các cậu sẵn lòng tin rằng lễ Phật quanh năm không bằng ngày hôm đó, thời đều cùng giạo gót thăm chùa, khấu đầu trước án, chân qui chiếu cói, miệng niệm Nam-vô; để cầu của, cầu con, cầu sang, cầu thọ, kể đã nhiều người rồi. Huống lại, nhân ngày nhàn tháng rỗi, vẻ lịch, mầu thanh, điệu xinh, giáng đẹp, cặp áo mở ba, đôi giầy mõm nhái, con xe bánh nhựa, chiếc xuyến vàng mười, vốn chỉ muốn mang « cáo-bạch » cho thiên-hạ biết cái sang, cái giầu, cái nền, cái nhã của mình, được dịp khoe ra không ngượng há chẳng dủ nhau bà lớn, cô con, thím tài, cụ bá, mợ ký, chị thông, các me rich túi, mượn lhẻ hương thơm, tập vàng lá, gói hoa thập-cẩm, cơi dầu cau tươi, mà rì-rầm khấn Phật, lầm-bầm cầu tiên ; xếp gối thu quần, uốn mình xòa áo, tảng lờ lộ thắt lưng ra ; chìa tai tỏ nụ, cúi gáy phô vàng, lựa chiều giơ mái tóc ra ; rồi nưng tay lên sóc thẻ cho thế-gian nhìn vào để chiêu lấy lời khen của người cùng hội ! một năm dễ có mấy ngày, ngày qua tháng lại ai hay kiếp người ? Nếu ta không thế, thời bao nhiêu cái sang, cái giầu, cái nền, cái nhã cùng bao nhiêu vẻ lịch, mầu thanh, điệu xinh, giáng đẹp, vụt một cái mà theo xuân đi mất, biết đâu cơ tạo xoay vần, giại chi lại phi hoài xuân hỡi người ? Ấy thế cho nên chị em nô-nức mà ai khách văn-nhân, ai người thi-sĩ hồ-dễ lại không len-lỏi vào trong những cảnh bồng-lai lạc-quốc ở chốn nhân-gian của [mọi] người kia, để tìm câu thơ thần, lời văn gấm hay sao ? Vậy nên nói nơi chen-khít những người, không còn thiếu mặt nào là chẳng có. Kia chùa, nọ điện, đây gái, đấy trai, giang-sơn một bức tranh tình, cái mầu xuân ấy dễ mình bỏ qua ?

Này chẳng hay những người chơi xuân, lễ Phật có biết hay không, rằng có một kẻ « thiên-nhai đa-hận » cùng vài người quen biết, cùng ai ai cùng lễ Phật, cùng ai ai cùng chơi xuân, mà miệng ngâm thành bài thơ nôm *Đường-luật* :

Nô-nức chơi xuân khắp một giời,
Người chơi ta cũng góp vào chơi.
Đền chùa lũ-lượt người đi lễ,
Đường xá đầy-khê gái đợi trai.
Vòng, xuyến, hột, hoa phô vẻ thắm,
Lượt, là, gấm, vóc chọi mầu tươi.
Tháng giêng riêng một hôm rằm nhỉ?
Ai lễ ai chơi có cảm-hoài ?

Ôi ! đã « người đi lễ » lòng thành-tin thanh-khiết, cớ sao còn thấy « gái đợi trai » là thói trên Bộc trong dâu ? Ay tấn tuồng ở trên sân khấu buổi giao-thời, khiến cho người lấy ngòi bút rập lại bức tranh này như kệch, như thanh, như thô, như nhã, khi điểm rồi mỗi tiếng cười sen giọt châu sa ! Tiếc cho cái cách chơi cách lễ của cổ-nhân trước đến bây giờ chỉ còn trông thấy trong những tờ giấy cũ, cùng là nghe thấy ở miệng đời truyền mà thôi, luống để ai nhớ vẫn nhớ vơ ! Chẳng hay người gọi là những cảnh bồng-lai lạc-quốc ở chốn nhân-gian mà ta chơi ngày nay này, ghét phải hay yêu phải, buồn hơn hay thích hơn ? Cái ý ấy muốn nói ra mà không nói được ! Trải Quan-thánh, Một-cột, Thái-bình, Voi-phục, chùa Láng, Đồng-quang, Ngọc-sơn, Vũ-thạch, dấu cổ hãi còn, người xưa đã khuất, cùng chung một quãng « thời-gian » mà hóa

ra cách-biệt (!), cùng chung một khoảng « không-gian » mà thành ra phân-ly(!), xương ai khi đã tàn, hồn ai chẳng còn đó, khói hương nghi-ngút, có rẳng hiển-linh?

MÀN-CHÂU.

Lễ Du-xuân

Nguyên lúc trước, Quốc-triều ta chưa có lễ Du-xuân. Đến năm Đồng-Khánh *ất-dậu*, khi đức Tiên-đế Cảnh-tôn Thuần Hoàng-đế lên ngôi, nhơn lúc mới giao-thiệp với qui Bảo-hộ, nên ngài ngự qua thăm quan Khâm-sứ, rồi dạo chơi phố-diện cho dân-sự yên lòng. Từ đó về sau, mỗi đến năm mới, định thành lễ Du-xuân, trước để qua chào quan Khâm-sứ, sau để dạo-chơi phố-diện cho thiên-hạ vui mừng bái-chúc tung-hô. Ấy cũng là một cái thạnh-điển quan-hệ về cả việc giao-thiệp với cả quốc-dân.

Năm nay ngày 16 tháng giêng, Kim-thượng ta ngự du-xuân, mấy ngày gần đó, mây hòa mưa tạnh, trời dịu khí trong, dường như Thiên-tử sắp dạo chơi, Trời ra điềm lành trước. Trước ngày ngài ngự thời các bộ-đảng, Quốc-tử-giám, trường Hậu-hồ, cùng các phố-phường, sắm-sửa dọn bái-hạ để mừng Vua ta.

Đến buổi mai ngày 16. giữa các đàng định để đến chiều đạo ngự đi qua, thấy một cái cảnh-tượng rất là oai-nghi trang-trọng. Hai bên đàng cờ-xí phất-phơ, trước mặt phố hương-án rật-rỡ. Người đi coi nô-nức xa gần, nào ông già, nào bà lão, nào người phường-phố, nào kẻ nhà-quê, ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Tôi cũng với đôi ba người anh em đi coi. Cái cảnh-tượng ngày đó thiệt như gấm thêu hoa. Tuy đã đến ngày 16, mà liễn cửa sắc vẫn đương tươi, cảnh tết cũng còn đương mới, lại thêm đồ trần-thiết hương-án. nào đồ đồng, nào đồ thêu, nào bông cắm lộc-bình, nào lá bao cột án, coi cũng mát mắt thiệt.

Trong lúc ban mai, thời trời hơi âm-ủ. Đến chừng 2 giờ chiều, thời người đi coi lại càng chật hơn nữa, kẻ chen người lấn, như tuồng dành nhau mà lựa trước một chỗ tiện để đứng coi cho rõ cái nghi-vệ thái-bình. Đến chừng 4 giờ, bỗng nghe lịnh-phát, người đương lộn-xộn giữa đàng liền dẹp lại hai bên, lặng phắc như tờ, không dám xôn-xao nữa. Ai nấy cũng đều đứng ngảnh mặt lên nẻo cửa Đông-nam, nôn-nức trông xem đạo ngự. Vừa thấy hai con voi đi hầu đạo-tiền nhẹ-nhẹ đi tới, kế sau thời quan-quân cờ-xí, cờ ngũ-hành, cờ nhựt, nguyệt, tinh, thần, cờ sơn, xuyên, long, phụng, rồi đến đạo-trung thời lính cấm-binh, Thần-binh cùng các ông Tôn-tước với đội nhạc-chánh theo hầu, trước sau Ngọc-liễn. Trong Ngọc-liễn thời ngài ngự có cho ông Hoàng-tử theo hầu, đến đạo hậu thời hai ông Hoàng-thân cùng các quan tự ấn-quan sắp lên đều theo hầu cả.

Tôi cùng mấy người bạn đứng nép bên một cái hương-án mà coi; thấy đạo-ngự đi qua, một người bạn tôi nói rằng: « Oai-nghiêm thay! thiệt là nghi-vệ thái-bình! » – Một ôngg già chừng trạc bầy mươi, cũng đứng gần chúng tôi, liền đáp lại rằng: « Phải, nhưng mà cậu đương thanh-niên mới thấy một chưa thấy mười, chớ con mắt tôi đã từng thấy cái nghi-vệ thái-bình lúc trào Tiên-đế, thiệt đến xấp mười đi nữa tê! »

Khi ngài-ngự qua tòa Khâm-sứ thời trời có hơi mưa, đầu thời lưa-sưa, sau hơi lất-đất, nhưng mưa thời mưa, chớ người đi coi cũng cứ đi đứng chờ đợi như thường. Ngài qua chào quan Khâm-sứ rồi ngự về ngả phố Đông-ba, theo đàng mé sông vô cửa chánh-đông (tức là cửa Đông-ba) rồi ngự qua trước mặt sáu bộ-đàng, đến khi nhập-đền thời trời đã hòng tối.

Khi ngài ngự qua bên tòa về thời mưa lại săng hạt hơn, nhưng cái mưa đó là mưa xuân, trong lúc Vua ta du-xuân, thời mưa ấy là ơn vỗ-lộ của ngài tưởi cho thiên-hạ trong lúc trời xuân.

HOÀNG SONG-CỬ. (*Huế*)

Ngày xuân đi chơi núi

Đào say-sưa thắm, hớn-hở chào xuân, liễu nỏn-nà xanh, dịu-dàng trước gió ; oanh chào ngỏ hạnh, gần xa nô-nức tiếng oanh, én liện vườn mai cao-thấp nhởn-nhơ cánh én. Xuân-quang vô-hạn, yên-cảnh biết bao! Đầy đàng ngựa lại xe qua, rực-rỡ quần điều áo ngại. Chen chưn kẻ ngược người xuôi, lố-xố mủ đen, dù trắng. Trời không mưa không nắng, người bán cổ bán kim, cụm năm cụm bẩy, tụi trẻ tụi già, đều lủ-lượt kéo nhau đi chơi xuân. Trông đó cũng vui thay ! Nhưng không thích-hợp với tính-tình tôi, thời cũng không lấy gì vui lắm, vậy nên lên xe tay bảo nó kéod ần-dần noi theo đàng Jules Ferry, qua cầu bến ngự thẳng tới núi Ngự-bình, ngồi trong xe ngắm phong-cảnh mới thiệt là thú. Hai hàng cây bóng bỗ yêm-điềm, dưới con đàng bằng thẳng trắng xóa, hình như trải vóc lụa mấy nghìn thước, hai bên viền xanh ; trông mấy khúm dương, ẩn-ước lâu-đài chồng-chập. Ngoài thì một dải Hương-giang-nước trong văn-vắt, thuyền chài cá, đò đưa người, nháo-nhức những nơi tân-thứ. Hết sông đến núi, rừng cỏ đìu-hiu, dặm trời khoáng-đảng. Khi ấy chừng hơn tám giờ, mặt trời chưa cao mấy, mùi sương còn ướm-đượm ngành dương khóm trúc, vùng cỏ nội hoa, vẫn còn hạt nước lác-đác, yếng bóng mặt trời nhấp-nhới, xa trông hình như mấy muôn hạt ngọc hoàn-chiếu theo đầy đồng cây túp-xúp vậy. Họa vàng hoa tím, lá biếc lá xanh, lủ bướm lủ ong, bay qua liệng lại ngẩn-ngơ nhìn mãi, bỗng-chúc miệng ngâm câu cổ-thi :

Thời-nhơn bất-thức dư-tâm lạc,
Tương-vị dư-nhân học thiếu-niên.

Câu ngâm vừa dứt, thì xe kéo đã sắp đến nơi ; ngảnh mặt nhìn tường kia núi Ngự-bình là đấy. Núi ấy hình tự-nhiên như cái bình-phong của tạo-hóa gây dựng nên một nền trấn cõi Việt-nam ta vậy. Bề cao kể từ mặt nước trở lên là 135 thước tây, mặt tiền nhắm ngay cột cờ, xa kinh-thành độ chừng 4 kilomètres. cây thông kể hằng nghìn hằng vạn, chất-ngất xanh-um, vuông dặm đất bóng im mà-mượt. Dưới chưn núi có một cái nhà bia nho-nhỏ niên-hiệu Minh-mạng ngự-đề thi nhất-thủ, đàng đi lên đỉnh núi, có ba trăm ba mươi cấp đá xây. Từ xưa nay Quốc-triều ta mỗi đến ngày mồng chín tháng chín, tiết đăng-cảo thường năm, vua năng ngự lên thưởng-tiết tại núi ấy.

Khi ngài ngự xa-giá về rồi, các quan và các tao-nhơn mặc-khách, nhơn ngày trùng-cửu đó mà du-sơn đề vịnh, hoặc có câu gì hay, đắc-ý tuyệt-điệu thì khắc vào cây thông để làm kỷ-niệm, sang mấy năm gần trở lại đây, vẫn ít thấy, cũng lấy làm tiếc thay ! Xưa kia con đường tự bến ngự đi lên giáp chựn núi vẫn hẹp-hòi ; thế mà người ta thường chia lau rẻ lách, lại thường thường hay du-lịch, lảm-thẳng, đến giờ bốn phía chưn núi đều có đường quan rộng-rãi, ban chiều chỉ có xe hơi, xe ngựa dong-ruổi, người Tây đi hóng mát mà thôi, còn người ta vắng-vẻ không ai là kẻ đoái-hoài phong-cảnh, dấu vết của cưu-thời. ờ haylà hiện nay, thời-phương tấn-thủ, thế-đạo hoằng-khai, trong xã-hội những người tai mắt, ai nấy đều chăm-chỉ vào trong học-giới, nông, công, kĩ-xảo, bách-ban cơ-khí ngỏ mong tiến-hóa, mở-mang cho kịp với thế-giới văn minh. Ngày thêm một ngày, tháng trọn một tháng, coi tấc bóng như vàng, có đâu thong-thả mà du-sơn ngoạn-cảnh, thưởng-thẳng, tầm-u như đời trước đặng. Thế thì lại nên mừng thay cho phong-cảnh nòi giống ta, vì một tấm nhiệt-

thành cao-thượng ấy, chắc đặng hưởng tương-lai hạnh-phúc vậy. Địa-linh, xuất nhơn-kiệt, nhờ đất nước mới nên người, lòng yêu mến biết mấy mươi cho vừa. Tôi là người đa-sầu đa-cảm nhằm phong-cảnh chừng nào tôi lại nghĩ-ngợi bâng-khuâng chừng nấy. Tư-tưởng đổi ra một cách khác, vì khi nãy tôi vừa mới gặp một bọn người đi chơi xuân, đánh áo đánh quần, sắm-sửa rất bảnh-bao làm cách văn-minh, ra trang đài-các, gẫm mình tự-đắc trong tay sẵn có đồng tiền, khoe-khoang tửu-điếm trà-đình Ngày tiêu chừng nấy miền cuộc chơi cho thỏa-thích, dầu trăm ngàn chục cũng chẳng cần. Đua chen cho kịp dọng kịp hình kẻo sợ nửa mình thành hủ-lậu. Ôi ! sự cải-lương là nghĩa làm sao ? chớ không phải là làm cho tốt bộ tướng ngoài, xài-phí đồng tiền của đời mới gọi là cải-lương, mới gọi là văn-minh. Có câu nói : văn-minh chẳng tại áo quần. Còn tự-do pháp-luật mới là tự-do. Nếu người ta không biết điều tiết-kiệm chỉ chuộng sự phiền-ba quên mất cái bổn-phận, cái nghĩa-vụ của mình phóng-đảng hình-hài, lắm lúc đến thương-phong-hóa, chi bằng khi nào muốn giải-trí chúng ta nên mua vui với non nước, hưởng theo cái phong-thú tự-nhiên của trời đất. Thanh-giá thay ! còn gì thích hơn nữa. Lảm-nhảm một mình ; bóng mặt trời đã xế, xe kéo về đến nhà thì đồng-hồ đánh bốn giờ, bèn lấy bút ghi lại mấy câu gọi là ngày xuân đi chơi núi.

ĐẠM-PHƯƠNG *nữ-sử*

DỊCH HÁN-VĂN

Bài kỳ cái thuyền khắc bằng hạt quả

Ông VƯƠNG THÚC VIỄN 王叔遠 đời nhà Minh 明, rất giỏi về nghề trạm khắc, hằng lấy một miếng gỗ dài chỉ một tấc thôi, mà trạm-trổ ra cung-thất, đồ dùng, nhân-vật cho đến chim muông cây đá cái gì cũng giống hình hợp-thế coi rất thần-tình Ông từng lấy một cái hột quả, trổ một cái thuyền, làm ra cảnh ông Tô ĐÔNG-PHA 蘇東坡 chơi Xích-bích 赤壁 Thuyền thời từ mũi đến lái trường tám phân lẻ, cao độ bằng hai hột ngô chồng, ở giữa ô hơi cao rộng là lòng thuyền, trên có mui, hai bên có cửa song nhỏ, tả hữu mỗi bên có bốn cái, mở song ra coi, đều có hàng câu-lơn chạm đối nhau, đóng lại thời thấy trên cửa song bên hữu khắc tám chữ « *Sơn-cao nguyệt-tiểu thủy-lạc thạch-xuất* « (Núi cao trăng nhỏ, nước chảy đá chìa ra) bên tả tám chữ « *Thanh-phong từ-lai, thủy-ba bất-hưng* » (Gió mát dẫn lại, sóng nước không nổi) nét chữ rắc chàm. Đầu thuyền có ba người ngồi : người ngồi dữa thời mũ cao mà râu rậm ấy là ông Tô ĐÔNG-PHA, ông PHẬT-ẤN 佛印 (1) thời ngồi bên hữu, ông HOÀNG LỖ-TRỰC 黃魯直 (2) thời ngồi bên ta ? Ông Tô với ông HOÀNG cùng xem một quyển sách, ông Tô tay hữu cầm đầu quyển tay tả vỗ lưng ông HOÀNG. Ông HOÀNG thời tay hữu cầm dưới quyển sách, tay tả trỏ vào trong quyển sách như là có nói truyện gì. Ông Tô lộ chân bên hữu ra ngoài ông HOÀNG lộ chân bên tả, mình thời đều hơi nghiêng, chỗ

(1) PHẬT ẤN là một ông sư, ăn mặn uống rượu hay bông hay nghịch, ăn cực khỏe, uống cực nhiều, bạn thân với ông Tô ông Hoàng, hai ông vẫn kính cái nết ăn nết uống của sư cụ. Ông cũng hay chữ, kinh điển thuộc nhiều lắm, mà tài nhanh có phần hơn 2 ông.

(2) HOÀNG LỖ-TRỰC cũng là một bực danh-nho đời bấy giờ.

hai đầu gối hai ông thời ẩn vào trong cái thân áo ở dưới quyển sách. Ông PHẬT-ẤN thời trông tuyệt giống đức Di-đà 彌陀 trần ngực lộ vú, cất đầu trông cao, coi tinh-thần ông ấy hình như không có tâm-sự gì thuộc về ông Tô với ông HOÀNG, nằm nghiêng về chiều đầu gối bên hữu, khoanh tay hữu mà chống nửa mình trên, đầu gối bên tả thời dựng lên mà tựa vào mạn thuyền, cách tay tả quấn tràng-hạt, những cái hạt cơi san-sát có thể đếm được. Đằng lái thuyền một mái chèo gác ngang, hai bên mái chèo ngồi hai người chân sào, người bên hữu thời búi tóc ngửa mặt, tay tả đặt trên cái đằng [1] thuyền, tay hữu đặt trên bàn chân, như bộ hò reo ; người bên tả tay hữu cầm cái quạt lá, tay tả vỗ vào cái hỏa-lò, như bộ nghe tiếng nước sôi. Lưng thuyền hơi phẳng, đề tên người chế-tạo lên trên rằng : « *Thiên-khải Nhâm-tuất Thu-nhật, Ngu-sơn* VƯƠNG THÚC-VIỄN *phủ-khắc* 天啓壬戌秋日虞山王叔遠甫刻 nhỏ như chân muỗi, nét chữ rành-rành, viết bằng mực, lại áp một cái dấu triện có bốn chữ « *Sơ Bình-sơn nhân* » 初平山人 bằng son. Thông-tính trong một cái thuyền trạm-trổ ra năm người, tám cửa song, rồi mui, chèo, hồ rượu, quyển sách, tràng hạt, mỗi thứ một ; lại chữ câu đối, đề tên người chế-tạo và dấu chữ triện, phàm ba mươi tư chữ ; mà chiều giài chỉ non một tấc thôi, ra chọn một cái hột đào mà khắc, cái tài điêu-khắc giỏi như thế chẳng là linh-quái lắm ru ?

MẤY LỜI BÀN PHỤ. — Lối văn ký nầy cốt cho gọn nhời đủ ý, sao được như chụp cái vật gì vào một bức ảnh, khiến cho người không trông thấy vật ấy cảnh ấy mà đọc bài văn của người ký lại cũng như là thấy cái cảnh ấy vật ấy ở trước mắt, mà khiến cho nhà danh-họa đọc bài ký của người văn-sĩ tả có thể vẽ vào trong giấy được như là đối cái cảnh ấy mà truyền-thần ra. Lại khiến cho nhà điêu-khắc khác nhân bài ký của nhà văn-sĩ nầy mà cũng lại trạm-trổ ra như thế, thế mới là văn hay. Lối nầy coi như dễ mà thực là khó.

MẠN-CHÂU

DỊCH PHÁP-VĂN

La science

Savoir est le premier mot du symbole de la religion naturelle ; car savoir est la première condition du commerce de l'homme avec les choses, de cette pénétration de l'univers qui est la vie intellectuelle de l'individu; savoir, c'est s'initier à Dieu. Par l'ignorance l'homme est comme séquestré de la nature, renfermé en lui-même et réduit à se faire un non-moi fantastique sur le modèle de sa person-

Sự học

Học là điều qui-tắc thứ nhất của cái đạo thiên-nhiên, vì học là điều cốt-yếu đệ-nhất cho sự giao-tiếp người ta với với sự-vật, cho sự thông-đạt vạn-vật là cái về đường thần-trí sinh-hoạt của con người ta ; học tức là trực-tiếp với đứng Tạo-vật. Bởi ngu-dốt mà người ta hình như phải cách-biệt với vạn-vật, cấm-cố vào trong mình, mà tự mình tưởng-tượng ra một cái ngoại-

(1) *Đằng* tức chữ là *Hoành-mộc* 橫木 là cái ngang trong lòng thuyền, tiếng thuyền-chài họ gọi riêng là cái *Đằng-thuyền*.

nalité. De là ce monde étrange où vit l'enfance, où vivait l'homme primitif. *L'homme ne communique avec les choses que par le savoir et par l'amour* ; sans la science il n'aime que des chimères. La science seule fournit le fond de réalité nécessaire à la vie. En concevant l'âme individuelle à la façon de Leibnitz, comme un miroir où se reflète l'univers, c'est par la science qu'elle peut réfléchir une portion plus ou moins grande de ce qui est et approcher de sa fin, qui serait d'être en parfaite harmonie avec l'universalité des choses.

Savoir est de tous les actes de la vie le moins profane, car c'est le plus désintéressé, le plus indépendant de la jouissance, le plus *objectif* pour parler le langage de l'école. C'est perdre sa peine que de prouver sa sainteté ; car ceux-là seuls peuvent songer à la nier pour lesquels il n'y a rien de saint.

Ceux qui s'en tiennent aux faits de la nature humaine, sans se permettre de qualification sur la valeur des choses, ne peuvent nier au moins que la science ne soit le premier besoin de l'humanité. L'homme en face des choses est fatalement porté à en chercher le secret. Le problème se pose de lui-même, et en vertu de cette faculté qu'a l'homme d'aller au delà du phénomène qu'il perçoit. C'est d'abord la nature qui aiguise cet appétit de savoir ; il s'attaque à elle avec l'impatience de la présomption naïve qui croit, dès ses premiers essais et en quelques pages, dresser le système de l'univers. Puis, c'est lui même ; bien plus tard, c'est son espèce, c'est l'humanité, c'est l'histoire. Puis c'est le problème final, la grande cause, la loi suprême qui tente sa curiosité. Le problème varie, s'élargit à l'infini, suivant les horizons de chaque âge : mais toujours il se pose ; toujours

cảnh quái-dản, cứ lấy nhân-thân mình mà làm mẫu. Bởi đó sinh ra cái thế-giới kỳ-quái của trẻ con cùng người thượng-cổ. *Người ta giao-tiếp với sự-vật thì bằng cái học với cái tình mà thôi*; mà không có học thì chỉ biết yêu những sự hư-không. Có học thì đời người ta mới có một cái gốc thực. Cứ như ông Leibnitz cho cái hồn-tính người ta là một cái gương để chiếu vũ-trụ, thì cũng bởi sự học mới chiếu được một phần ít nhiều trong sự thực, mà đến gần được cái lẽ cùng của loài người ta, là được hoàn-toàn hòa-hợp với toàn-thể vạn-vật.

Ở đời chỉ có việc học là việc không tục hơn cả, vì là việc không tư-kỷ, không chủ sự lợi-lạc, nói chữ triết-học thì là việc *khách-qnan* hơn cả. Sự học là một việc thần-thánh, không phải nói ai cũng rõ ; vì chỉ có những kẻ không biết gì là thần-thánh mới không chịu thế mà thôi.

Đến những người chỉ biết những sự thực về bản-tính người ta mà không hề bình-phẩm gì đến cái chân-giá sự-vật, cũng phải chịu cho sự học là cái yếu-cần thứ nhất của loài người ta. Người ta đứng trước sự-vật thế tất là phải tìm cho biết cái cơ-vi sự-vật. Cái vấn-đề tự nó phát ra, vì người ta có cái tính hay biết nghĩ xa hơn cái hiện-tượng trước mắt. Trước nhất là cái cảnh-vật nó súc cái lòng ham biết của người ta ; người ta trông thấy cảnh-vật, hăm-hăm hở-hở, thật-thà tự-phụ mà tưởng rằng nguệch-ngoạc vài tờ cũng đủ dựng được thể-hệ muôn vật. Rồi sau đến nhân-thân mình ; sau nữa đến loài giống mình, đến cả nhân-loại, đến lịch-sử. Rồi nữa đến cái cứu-cánh-vấn-đề, cái đại-nguyên-nhân, cái tuyệt-đích-phép-tắc. Cái vấn-đề tự di-dịch mãi đi, suy-diễn cho đến vô-cùng, tùy cái nhỡn-giới mỗi một tuổi,

en face de l'inconnu, l'homme ressent un double sentiment : respect pour le mystère, noble témérité qui le porte à déchirer le voile pour connaître ce qui est au-delà.

E. RENAN

nhưng bao giờ cũng một vấn-đề, bao giờ con người ta đứng trước cái mang-nhiên cũng sinh ra hai cái cảm-tình, một là kính-sợ cái lẽ huyền-bí, hai là khái-nhiên muốn sé cái màn che để biết cái gì ở trong.

THƯỢNG-CHI *dịch.*

NGƯỜI DỊCH PHỤ BÀN. — RENAN *tiên-sinh nói* : « *Người ta giao tiếp với sự vật chỉ bằng cái học với cái tình mà thôi* ». *Lời ấy thật là phải. Có học thì mới biết cái lẽ huyền-vi sự-vật, có tình thì mới biết yêu dấu vạn-vật. Nhưng cũng có cái học vô-tình, cái tình vô-học. Học vô-tình thì chỉ biết cái hình vật mà không thấu được đến cái tâm vật, vì* « *tâm-tình có lắm lẽ mà lẽ người không hiểu được* » (Le cœur a ses raisons que la raison ne comprend pas). *Tình vô-học thì sợ yêu lầm, yêu những sự hư-tưởng, trân trọng những vật không đáng trân-trọng. Có điều hòa được hai cái phương-diện ấy thì đời người mới được hoàn-toàn.*

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ-GIỚI

(Tự 21 tháng 2 đến 20 tháng 3 năm 1919)

Việc Nghị-hòa. — Các điện-tín trong tháng mới rồi không có điều gì là quan-trọng. Quản thủ-tướng Pháp CLÉMENCEAU bị tên hung-đồ bắn mấy phát súng-lục hồi tháng trước, chẳng bao lâu chữa khỏi ngay, ngài lại vội-vàng ra chủ-tọa Hội nghị-hòa, không hề nghỉ-ngơi chút nào. Coi đó thì biết ngài tuy tuổi đã cao mà người còn khang-kiện là dường nào, thật là một cái trụ vững-vàng của Hội-đồng vạn-quốc ngày nay. Hội Nghị-hòa vẫn bàn-bạc các việc, nhưng xét ra còn có nhiều vấn-đề phiền-phức cần phải nghiên-cứu thật kỹ, chưa thể nào giải-quyết ngay được. Vả một hội gồm cả phần nhiều các nước trong thế-giới để quyết-nghị những việc tấy-đình quan-hệ đến vận-mệnh cả thế-giới, chắc cái quyền-lợi của mỗi dân mỗi nước có khác nhau, phải điều-đình làm sao cho khỏi sung-đột nhau và đặt được cái cơ-sở cuộc Hòa-bình trong thiên-hạ : khó lắm thay ! Nhưng xem chừng những điều cốt-yếu thì các nước đồng-ý nhau cả, còn những tiểu-tiết thì muốn điều-đình cho ổn-thỏa cũng không khó gì. Những điện-tín về việc nghị-hòa ít lắm và sơ-lược lắm : buổi này là buổi các nhà ngoại-giao họp tại Paris còn đương làm việc, không muốn tiết-lộ công việc ra ngoài và chưa đến lúc công-bố cho thiên-hạ biết. Duy thuộc về việc bàn đặt hội Vạn-quốc (*Ligue des nations*), thì các điện có nói rằng quan Giám-quốc WILSON nước Mĩ tháng trước có về Mĩ ít lâu, nay lại trở sang Paris để chủ-trương việc đó và xướng-xuất rằng cái vấn-đề về hội Vạn-quốc là một bộ-phận cốt-yếu trong hòa-ước sau này, phải giải-quyết cho xong thì hòa-ước mới thành-lập được : các chính-phủ Đồng-minh nghe đâu cũng đồng một ý ấy.

Trong khi các nhà ngoại-giao thương-thuyết ở Hội Nghị-hòa thì nội-tình nước Đức vẫn còn phân-vân lắm. Nước ấy tuy có đổi quân-chủ ra dân-chủ, mà sự thay đổi ấy chẳng qua là ở trên danh-nghĩa mà thôi, chớ cứ thực-tế thời chẳng khác trước mấy tí. Cho nên các chính-phủ Đồng-minh vẫn còn ngờ nước Đức, chưa dám để bụng tin, sau này dịch một bài xã-thuyết trong báo tây nói rõ về cái chân-tình sự cải-cách chính-thể ở nước Đức ngày nay.

Cái dân-chủ chủ-nghĩa ở nước Đức thật hay hư ? — Trong báo *Courrier d'Haiphong* ngày 82 février 1919 có một

bài lược-thuật lịch-sử cái dân-chủ-chủ-nghĩa ở nước Đức, coi đó thì biết rằng cái chủ-nghĩa ấy không phải là cái dân-chủ thuần-chánh, mà thật là cái dân-chủ vẫn kết-liên với quân-chủ. Xin lược-dịch bài sử-luận ấy như sau này :

« Nước Đức, chánh-phủ nước Đức, xưa nay vẫn lấy sự ám-muội làm đặc-tính. Chánh-phủ Đức ở Berlin ngày nay chẳng qua là cái quyền ạm-thời mà thôi. Nước Đức đã có tiếng là nước điên-đảo giả-trá, ngày từ khi mới giảng-hòa đã sinh ra nhiều sự lôi-thôi, khiến cho tcác Đồng-minh không thể tin được.

« Những nhà sùng-phụng cái dân-chủ-chủ-nghĩa, thấy hiện nay nước Đức đã đổi ra chính-thể dân-chủ, vội-vàng hoan-nghênh ngay, lấy rằng nước Đức đã theo dân-chủ tức là biết trọng sự hòa-bình và biết lấy cái chái-độ hòa-hảo mà điều-đình mọi việc, Đồng-minh không phải ngại gì.

« Nhưng mà những người ấy thật là không thuộc tí gì về cái lịch-sử chính-trị nước Đức tự một thế-kỷ nay, không biết rằng trong bọn những người Đức rất ham-mê cái thống-nhất-chủ-nghĩa, cái Đại-Đức-quốc-chủ-nghĩa (*pangermanisme*), bao giờ cũng có những bọn thuộc về đảng Dân-chủ, hình như cứ mươi năm lại thấy xuất-hiện ra một lần. Điều-đó là một điều hiển-nhiên như thế, đã có chứng-cớ rành-rành, cứ đọc hai quyển sách mới xuat-bản, một quyển của ông Edmond Laskine đề là « Dân-chủ mới « (*Le Démocratie nouvelle*) và một quyển của ông Jacques Bainville) đề là « Lịch-sử ba đời » (*Histoire de trois générations*) thời đủ biết.

« Tự năm 1814, bọn dân-chủ Đức thuộc về đảng cách-mệnh gọi tên là đảng *Tugenbund*, tuy cách-mệnh mà cũng tán-thành cho viên thượng-thư Stein bá-tước, là người giữ cái Đại-đế-quốc-chủ-nghĩa. Lại Jahn là một tay lĩnh-tụ trong dân-đảng đương khi ngồi tù ở Spandau, ở Cüstrin, ở Kolberg, mà lâm-thời vẫn được mật-phái đi đề truyền cho đồ-đệ cái Đại-Đức-quốc-chủ-nghĩa.

« Bismark (tức tàu dịch là Tỉ-ti-mạch) một ngày đã thú thật rằng : « Cái gì mà thu-phục được dân-tâm nước Đức ? Tức là những câu ca-dao (*lied*) của các nhà thi-nhân Đức vậy. Tôi lấy những bài ca-dao đó là một cái « vô-trọng-lúc » (*impondérables*) nó đã giúp cho công-phu ta được thành-tựu vậy. »

« Ông « thiết-huyết tể-tướng » (*le chancelier de fer*, nói những nhà thi-nhân đã giúp cho cái Đế-Đức quốc được thành-lập, tức là những người xuất-thân ở đảng dân-chủ Đức cả. Những nhà như Ernest Moriz Arndt và Hoffman von Fallerosen soạn hại bài ái-quốc-ca, một bài đề là « Tổ-quốc người Đức là gì ? », một bài đề là « Đức-quốc độc-tôn » (*Deutchsland iiber alles*), toàn là chân giáo-viên vì thuộc về đảng dân-chủ nên đã có lúc bị nhà vua cấm không được dạy học. Bởi thế nên nhà làm sách tên là Laskine thuộc đảng xã-hội (*socialiste*) đã nói trong sách rằng cái Đại-Đức-quốc-chủ-nghĩa lúc mới đầu không phải là cái chủ-nghĩa công của nhà vua Hohenzollern, mà thực là cái chủ-nghĩa của đảng dân-chủ phản-đối nhà vua, và nhờ đảng dân-chủ ấy dần-dần mới bành-trướng ra khắp thành Berlin.

« Năm 1831, nhà danh-sĩ nước Pháp Quinet trong bài luận về « Nước Đức và cách-mệnh », đã chiêm-nghiệm rằng trong đảng dân-chủ ở Đức cái Đại-Đức-quốc-chủ-nghĩa thịnh-hành lắm.

« Cuộc cách-mệnh Đức năm 1848 là vừa vị cái dân-chủ-chủ-nghĩa, vừa vị cái Đại-Đức-quốc-chủ-nghĩa. Cuộc cách-mệnh đó chủ kiêm-tính mấy quận của nước Đan-mạch (Danemark), đất Bohême và đất Posnanie. Sau không thành công, bọn cách-mệnh tức giận quá, suýt nữa sung-đột với vua nước Phổ (Prusse). Nay thử đọc mấy câu này của một nhà thuộc về đảng « dân-chủ xã-hội » (*social démocrate*) tên là Schippel tháng tư năm 1915 viết trong tờ báo Đức *Sozial Monatsnefte*, nói rằng : « Người Đức năm 1848 có cái mơ-mộng về đế-quốc-chủ-nghĩa (*rêves impérialistes*), cái mơ-mộng ấy chưa manh-nha ra đã bị tồi-tàn ngay, lấy làm căm-tức lắm mà không thể sao được. Nay con cháu ngày nay không có lẽ lại tự mình bỏ cái mưu của ông cha mà không cố làm cho thành-tựu ».

« Vậy thì năm 1849, vì vua Phổ có chí muốn làm Hoàng-đế Đức thì tưởng dễ như không. Quốc-hội ở Francfort đã bầu cho vua Phổ chức đó và đã phái hội-trưởng là Simson đem tặng cho cái mũ Hoàng-đế. Cũng năm ấy mấy người thuộc đảng dân-chủ ở Wurtemberg, như Pfizer, Ronser, Guppelt khi lĩnh chức thượng-thư cũng về bè với vua Phổ mà phản-đối vua Wurtemberg.

« Đến năm 1859, đảng-dân-chủ Đức lại xuất-hiện ra lần nữa, tưởng lần này thì gặp được cơ-hội tốt. Bấy giờ nước Ý (Italie) với nước Áo (Autriche) đương đánh nhau. Có một đảng thế-lực rất to lập lên, đầu đảng là nhà dân-chủ Karl

Vogt, thứ nhất là Lassalle là người đã trước-danh lắm, đảng đó mưu cho nước Phổ đứng trung-lập, để đợi nước Áo thất-bại mà được tự-do kiêm-tính các đất ở nước Đức, và hợp vào nước Đức những đất Tyrol, Voralberg, Thượng-Áo, Hạ-Áo (Haute et basse Autriche). Đến năm 1860 thì quốc-hội (*Nationalverein*) của các đảng khai-phóng (*libéraux*) và dân-chủ trong suốt nước Đức đã cùng nhau lập ở Fancfort ngày 15 tháng 9 năm 1859 phát một tờ tuyên-bố nói rằng phàm các châu-quận có dân Đức ở ở đất Áo phải coi như là những bộ-phận liền với nước Đức vậy.

« Kịp đến năm 1866 thì các đảng quá-kích (*les gauches*) ở mấy nước phía nam liên-hợp với đảng « khai-phóng » (*libéraux*) ở nước Phổ, mà nước Phổ bấy giờ thì có tể-tướng Bismark đứng đầu, muốn hết sức làm cho thành cuộc thống-nhất ở nước Đức, bèn nhẫn-tâm mà khởi ra cái trận ác-nghiệp năm 1870.

« Ấy lịch-sử của đảng dân-chủ hiện nay đương cầm quyền ở thành Berlin như vậy. Cái chủ-nghĩa của đảng ấy thủy-chung vẫn là muốn mưu cho nước Đức mỗi ngày một to mạnh thêm ra, cho cuộc thống-nhất được hoàn-toàn, theo đảng đó cuộc thống-nhất ấy hiện nay còn chưa thành, và đến ngày nào bờ cõi nước Đức gồm được cả các dân huyện nói tiếng Đức thì ngày ấy cuộc thống-nhất mới thật là hoàn-toàn.

« Hiện nay những vua các nước nhỏ thoái-vị cả, thời có lẽ sau này gây thành một nước Đức thuần nhất hơn, có cái chính-phủ trung-ương rất mạnh. Nhưng mà cho dẫu cái mưu đó không thành nữa và các liên-bang cố giữ lấy quyền-lợi riêng, thời lại có lẽ thành một nước « Đức hợp-chúng-quốc » (*Etats-Unis d'Allemagne*) cũng nên, biết đâu ? Hiện nay bên nước Đức đã có người xướng cái cách đó rồi.

« Coi đó thời đủ biết rằng cái hi-vọng hòa-bình yên-ổn cho nước Đức không ở đâu cái chính-thể dân-chủ của nước Đức ngày nay, như nhiều người mơ-hoảng thường tưởng lầm, thường quá tin ở cái dân-chủ-chủ-nghĩa mà quên cả lịch-sử, quên cả địa-dư, không biết rằng dù ở nước Pháp dù ở nước Mĩ cũng vậy, địa-dư và lịch-sử còn có thế-lực hơn là cái hòm bỏ vé là biểu-hiệu của dân-quyền gấp trăm ngàn phần vậy ».

Quân Pháp tổn-hại mất bao nhiêu ? — Kỳ Hội-đồng ở Hạ-nghị-viện Pháp ngày 26 décembre 1918, ông Abrami là thứ-trưởng (*sous-secrétaire d'Etat* ở bộ Binh, có tuyên-bố cho nghị-viện biết những số tổn-hại của quân Pháp trong cuộc chiến-tranh. Tính cho đến ngày 1er novembre 1918 thì những số ấy như sau này :

Số người chết : quân-quan 31.300 người ; binh-lính, 1.040.000 người.

Số người bị bắt về bị lạc mất : quân-quan 3600 người ; binh-lính 311.000 người.

Tổng-cộng cả người chết và người bị mất là 42.000 quân-quan và 1.789.000 binh-lính.

Số những người tàn-tật phải Nhà-nước cấp-lương là 70.000 người ; số người bị thải tạm là 131.000 người.

Chữ Pháp dùng làm tiếng vạn-quốc. — Theo điện Bruxelles (Kinh-đô nước Tỷ (Belgique), Chính-phủ nước Tỷ sẽ đệ-trình Hội nghị-hòa một tờ bá-cáo xin cho công-nhận chữ Pháp làm tiếng công của Vạn-quốc (*langue officielle internationale*), và các trường tiểu-học các nước đều phải dạy chữ Pháp cả.

Nước Cao-lỵ khởi loạn. — Ngày 1 tháng 3 này dân Cao-ly khởi loạn, muốn tuyên độc-lập và kinh lại với chính-phủ Nhật-bản trong ngót một tuần lễ. Cứ theo các tin-tức trong báo Tàu thì người Cao-ly tưởng lầm rằng hội Nghị-hòa ở Paris hứa cho nước Cao-ly được độc-lập, nên quần-tập nhau ở trước cửa cung vua và trước cửa nhà lãnh-sự nước Mỹ nước Pháp mà hoan-hô rầm lên. Trong bọn bị bắt thì có người thủ-lãnh đảng « Thiên-đạo-giáo » cùng những thày giảng đạo Cơ-đốc, những hội-viên hội « Cơ-đốc-giáo thanh-niên » (*Christian Youngmen Association*). Không những kinh-đô, ở các địa-phương cũng nhiều chỗ nổi lên như vậy, có nơi đến đánh phá nhà cảnh-sát. Quan Tổng-đốc Nhật ở Cao-ly yết-thị cho dân nói rằng nước Nhật đối với nước Cao-ly bao giờ cũng vẫn tôn cái chủ-quyền của nước ấy, và hiện nay là lúc quốc-gia đương mưu cùng với liệt-cường đặt nền hòa-bình cho thế-giới, để tăng-tiến cuộc văn-minh, người Cao-ly nên cùng Nhật đoàn-kết mới là phải. — Nghe đâu cuộc khởi-loạn này cũng không thành kết-quả gì và hiện đã yên cả rồi.

VIỆC TRONG NƯỚC

Cất đám cụ Hiền - lương - hầu Trương Như-Cương. — Ở kinh-đô trong tháng mới rồi có việc cất đám cụ Hiền-lương-hầu TRƯƠNG NHƯ-CƯƠNG là việc quan-trọng hơn cả. Trương-tướng-công đã từng làm thủ-tướng của Triều-đình ta về đời Duy-Tân, thật là một bực Đại-thần có danh-tiếng. Nhà phóng-sự ở Huế của báo *Trung-bắc-tân-văn* có thuật việc cất-đám ngài rất tường-tất, xin trích-lục như sau này để giúp cho các nhà khảo-cứu về sau biết những sự-thể trong đám tang-nghi của một vị Đại-thần trong nước thế nào:

« Từ hôm ngài thọ-chung đến nay, thời trong nhà con cháu vẫn tế-điện và các bộ, tỉnh, phủ, huyện vẫn lui tới dâng các lễ phúng-điếu; đến hôm 13 tháng này, Hoàng-Thượng có đặc mạng cho quan Phủ-Thừa đem lễ vật về tế, và đến hôm 17 có ba cụ Hiệp cùng theo cụ Đông-các về điếu và cùng đi đưa đám.

« Sáng ngày hôm 18, khi 8 giờ thời làm lễ đặng quan và phái-dẫn, khi ấy có đủ các quan Đại-thần đã kể trên này, lại thêm các hàng quan-lại ty-thuộc cùng đến cả. — Quan Khâm-sứ có sai quan Thiếu-tá đem 30 lính tập, 1 quản, 1 đội, về đi theo đưa đến ga Hiền-sĩ. — Đám rất trọng-thể: cả thầy bảy bàn ăn, công 180 người, mà phần khiêng linh-xa 120. Đối-liên hơn 20 câu, trướng hơn 15 bức. Tất cả người đưa ước hơn một nghìn. Đám đi bộ từ nhà (ở làng Hiền-lương) đến ga Hiền-sĩ, vừa 2 giờ chiều, đình lại đó tế đạo-trung ở trong một cái băng làm gần bên ga.

« Khi sắp tế, có quan Khâm-sứ đi xe điện đến viếng: Khi ngài đến thời các tang nghi bài-trí nghiêm-chỉnh; hiếu-chủ ra rước ngài vào rất trọng thể. Ngài viếng xong thời ngài có đọc một bài văn viếng, rồi ngài trở về Huế.

« Đám đến đó là hết phần đi bộ: liền ở tại bến sông Hiền-sĩ có kết sẵn mấy cái ghe rất to để chở linh-cữu, cùng tang-nghi lên đến huyệt. Đi bộ và đi ghe từ sáng hôm 18 đến tối 19 thời đến huyệt, sáng hôm 20 thời an-thổ, chiều hôm ấy phản hồi. Huyệt táng tại địa-phận Phong-điền, thuộc về sơn-phần làng Hiền-sĩ.

« Cụ Hiền-lương-hầu hưởng-thọ được 76 tuổi lạ hành-chánh hơn 50 năm, cho nên khi ngài mất là bao nhiêu công-danh sự-nghiệp toàn thấy rõ ở nơi đối trướng cả. Đã đi đến xem, ắt phải biết ít nhiều thời mới gọi là người đi xem đám. Trong 15 bức trướng thời thấy có hơn 6, 7 câu chỉ viết cả bốn chữ trùng nhau *Vạn-cổ thanh-phong*, còn câu đối thời hơn 20 câu, mà 16, 17 toàn ngợi khen cái công-đức sự-nghiệp của ngài cả. Không có văn-chương chi kỳ-quái mà lời khoản cũng theo lối thường. Chỉ có câu đối của quan Thượng Cao (Đặng-Đệ) nghe tự-nhiên mà khoản-chí lại lạ hơn cả; ngài trước đỗ Tiến-sĩ, sau làm quan đến Thượng-thư về trí-sĩ; mà lại thi đỗ Cử-nhân đồng-khoa với Cụ Hiền-Lương. Câu đối rằng: *ngũ thập linh nhị niên tương thức, diệc hữu tình hồ*, đối với *Thất thập hữu lục tuế qui hưu, thử tức nguyện hĩ*; khoản-chí: (Đinh mão niên nghị) ở trên, (Tiến-sĩ xuất-thân một bên ở dưới, bên tả, còn dưới hết hai chữ Cao-đệ. Ngài nay ở làng Phước-yên huyện Phong-điền, ngài đã già mà vẫn còn quắc-thước lắm. Lại có câu sau này, của quan Huấn-đạo huyện Phong-điền; không biết hay dở thế nào mà thấy cụ Hiệp-Công thời cho là được, mà cụ Thượng Cao (Đặng-Đệ) lại bẻ rằng không được; vậy xin biên lại cho hải-nội quân-tử bình-phẩm thử xem. Câu ra rằng: *Thất tuần dư nhi lăng miếu, nhi giang hồ, Bình-sơn Bồ-thủy chi gian, thanh phong minh nguyệt*. Câu đối lại rằng: *Ngũ thập tải tại triều đình, tại biên quận, Tống-quốc Đường-xuyên chi hậu, thiết khoán đơn thơ*. Quan Thượng Cao bảo rằng nên bỏ hai chữ (Nhi) và bỏ chữ (đình) chữ (quận) mới hay ».

Công-văn phải dùng quốc-ngữ. — Hoàng-Thượng mới rồi có Chỉ-dụ chuẩn các nha-môn phàm công-văn hết thảy phải dùng bằng chữ quốc-ngữ. Đó thật là một điều rất hay, và Hoàng-Thượng ta quyết-định như vậy thật là am-hiểu thời-thế và biết rằng cái tương-lai nước Nam ta chính là ở chữ quốc-ngữ vậy. Đã gọi là một dân một nước, thế nào cũng phải có một nền quốc-văn mới được. Quốc-văn là cái văn bằng tiếng nói chung trong nước, cái văn nói sao viết làm vậy, có thế mới là cái văn phổ-thông được. Xưa nay ta học chữ nho, học chữ nho vẫn là hay lắm, học để mà thấu-hiểu những văn-chương nghĩa-lý của một nước tổ văn-minh trong cõi Á-đông này. Nhưng chữ

nho không gọi là quốc-văn được, vì không phải là cái tiếng nói chung trong nước, nên dẫu phổ-thông đến đâu cũng không bằng tiếng an nam mình. Chỉ vì xưa nay ta chưa có một cách nào viết tiếng an-nam cho tiện và lối chữ nôm thời phiền quá, nên các thư-từ, các công-văn đều dùng chữ nho cả; nay đã có chữ quốc-ngữ vừa dễ học vừa tiện dùng, lại trong khoảng mười năm gần đây nhờ có những nhà văn-sĩ có bụng với nước tập-luyện thử chữ ấy đã thành văn, tưởng không còn có lẽ gì mà cố giữ chữ nho trong việc biên-ký cùng trong những từ-trát công-văn nữa. Văn quốc-ngữ ngày nay dẫu đến những nghĩa-lý rất cao nói còn được, huống là những việc giao-tế thường trong xã-hội. Vậy ngày nay quốc-dân ta nên ghi nhớ lấy một điều: là khi nào cầm bút viết phàm cái gì nói ra tiếng ta được, chỉ nên dùng chữ quốc-ngữ mà thôi, không nên viết chữ nho mà cũng không nên viết chữ tây, chữ nho chữ tây là hai thứ văn-chương cao-thượng để cho những nhà chuyên-môn nghiên-cứu mà thôi. Chữ quốc-ngữ mới thật là quốc-văn, muốn cho nước Nam ta thành một dân-quốc hoàn-toàn, thoát khỏi cái cực đi học mướn viết nhờ như từ xưa đến nay, thì người nào là người An-nam, người nào là người có bụng với nước nhà, người nào là người biết mong-mỏi cho cái tổ-quốc mình ngày một giỏi mạnh vẻ-vang thêm lên, phải ra công hết sức mà luyện-tập lấy cái văn quốc-ngữ này. Có quốc-văn thì mới có quốc-hồn, có quốc-hồn thì mới có nước được, xin đồng-bào ta nhớ lấy, chớ quên.

Bãi các viên giáo-huấn trong Trung-kỳ. — Vì muốn các trường học chóng thành-lập theo như qui-thức của quan Toàn-quyền SARRAUT đã định, bộ Học mới đây có tư cho các tỉnh trong Trung-kỳ bãi hết thảy các viên giáo-huấn ở trong trường giáo trường huấn. Tờ tư ấy đại-ý như sau này: Bây giờ nhà-nước đã định bỏ khoa-cử mà làm theo học-qui mới thì các viên giáo-huấn cũ chỉ biết chữ nho hay là chữ quốc-ngữ không còn đủ tư-cách làm thầy giáo nữa. Mà bây giờ muốn bổ các viên ấy qua chánh-chức thì cũng không có đủ chỗ mà dùng. Nên định rằng những giáo-chức ấy sẽ bãi về cả. Lúc bãi về thì người nào cũng được thăng hai trật và nhà nước ơn cấp cho sáu tháng bổng. Bằng viên nào không lấy thế làm mãn-nguyện mà tình-nguyện rằng mình có đủ sức dạy học-trò đỗ tiểu-học được, để xin ở lại, thì nhà-nước cũng cho. Song đến sau xét ra viên ấy dạy dỗ không ra chi thì sẽ bị triệt về mà không được thăng trật và cấp bổng như các viên đã nói ở trên. Khi các viên giáo-huấn đã bãi rồi, Nhà-nước sẽ chiếu theo học-qui mới mà sửa-sang các trường ấy lại.

Hoàng-đệ Xiêm Purachatra du-lịch Đông-dương. — Ông Hoàng-đệ Xiêm PURACHATRA sang chơi Đông-dương tự hạ-tuần tháng trước, đi du-lịch Cao-man, Nam-kỳ, Bắc-kỳ gần khắp mọi nơi, sang tận Vân-nam để xem đường xe lửa, về tận kinh-đô Huế để yết-kiến Hoàng-thượng ta, nay sắp hết cuộc du-lịch mà trở về nước. Ngày 26 Mars đã từ Hà-nội xuống Hải-phòng, ra dạo qua phong-cảnh Cửa-Lục (*baie d'Along*), rồi đợi một chiếc tàu Xiêm đến đáp ở Hải-phòng đón về. Vậy ngày thứ hai 24 Mars quan Toàn-quyền SARRAUT có đãi tiệc mừng Hoàng-đệ ở phủ Toàn-quyền. Hai bên đều có đọc lời chúc-từ, xin lược-dịch như sau này.

Chúc-từ của quan Toàn-quyền rằng:

« Điện-hạ sang du-lịch xứ chúng tôi, nay đã sắp đến ngày trở về quí-quốc. Chúng tôi được nhân dịp này tiếp dãi Ngài để tỏ cái nghĩa lân-hảo, thật lấy làm hân-hạnh lắm. Tôi xin dâng cốc rượu này để chúc mừng ngài về được an-hảo. Tôi lấy bụng yêu-quí mà chúc mừng ngài, thật cũng hơi có buồn rầu một chút. Gặp được người bạn quí, đến lúc chia tay cầm lòng sao được? Trước khi ngài tới đây, ngài đã là một người bạn chúng tôi rồi, bởi cái tình quyến-luyến mà lại bởi cái lẽ dương-nhiên. Chắc ngài còn nhớ năm 1914, mấy tháng trước khi xảy ra cuộc chiến-tranh ghê thảm, một buổi sớm đôi ta gặp nhau, đã được dịp bắt tay nhau một cách thân-thiết và cùng ước-ao có một ngày ngài sẽ sang chơi đất Đông-dương này; ngày ấy đã tới rồi và cuộc du-lịch của ngài nay đã gần xong.

« Chúng tôi thiết-tưởng cuộc du-lịch ấy hãy còn là ngắn quá, và nếu ngài được việc công thư thả, chắc ngài cũng muốn ở chơi với chúng tôi ít lâu nữa. Nhưng mà tuy ngài ở đây chưa được bao lâu, cái cảm-tình trong khi giao-tiếp cũng đủ làm cho hết thảy chúng tôi đều mến trọng ngài, lại mến trọng đến quí-quốc vừa là nước láng giềng, vừa là nước đồng-minh với chúng tôi, và mong mỏi cho quí-quốc nhờ có

đứng minh-quân cầm quyền ngày một tấn tới vẻ vang thêm lên.

« Về phần chúng tôi thì ngài sang chơi đây khiến cho chúng tôi thêm lòng yêu mến đến qui-quốc, chúng tôi chắc rằng về phần ngài cuộc du-lịch này tất cũng khiến cho ngài thêm yêu mến đến cõi thuộc-địa của chúng tôi đây. Tôi còn nhớ tự ngài đã tỏ với tôi cái lòng yêu mến đó, và nghe giọng ngài nói rất là thành-thực, tưởng cứ như cái cách ngài đi du-lịch trong bổn-địa đây thì lời ngài nói lại càng có giá-trị lắm.

« Vì cứ thật ra, chúng tôi không có sửa-soạn gì trước những nơi ngài đi qua, vụ lấy cho đẹp mắt, để khi ngài tới cầu lấy cái lời bình-phẩm tốt của ngài. Chúng tôi không muốn bày cho ngài coi cái cảnh-tượng trang-hoàng giả-dối, đem hình-sắc đẹp mà che lấp cái chân-tướng, Ngài đến chơi với chúng tôi là lấy cái tình bè bạn mà đến, lại lấy cái chí một nhà học-giả muốn chiêm-nghiệm sự thực. Đối với người bạn không có lẽ giả-dối được, đối với một nhà học-giả không có lẽ đem cái cảnh-tượng không thực mà làm cho người ta xét lầm. Bởi thế nên ngài sang du-lịch đất Đông-dương này thật đã được trông cái chân-tướng của xứ Đông-dương, như nhìn vào một bức tranh tả-chân có chỗ sáng sửa mà cũng có chỗ bóng tối, có nhiều sự tiến-bộ mà cũng có lắm điều sai-lầm, và ngài đã từng biết những công-cuộn gì là những công-cuộc đã thành-công, những công-cuộc gì là những công-cuộc còn chưa phát-đạt, việc gì là việc đã thực-hành rồi, việc gì là việc còn phải sáng-lập. Cái chí ngài là muốn tổ-chức cho qui-quốc được nhiều đường-xá giao-thông cho tiện-lợi, ngài sang đây cũng là vị cái chí đó và để quan-sát xem cái cách chúng tôi làm đường xá bên này thế nào; vậy thời ngài coi ngài đã biết đó, chúng tôi không giấu ngài tí gì, đường tốt của chúng tôi ngài cũng đi qua và đường xấu ngài cũng từng biết; tuy có nhiều đường cái xe hơi ngài ngồi chạy được mau hết sức, không quan-ngại gì, mà có lắm đường ngài cũng hơi từng phải nguy-hiểm một chút. Nói rút lại, ngài đã từng quan-sát cái xứ này như trông cái cảnh-tượng một nơi công-xưởng đương làm việc để tìm con đường tiến-bộ sau này; cảnh-tượng ấy mới là cái chân-tướng vậy.

« Mà cái chí chúng tôi cũng chỉ là muốn cho ngài quan-sát cái chân-tướng như vậy. Ông khách nào sang chơi đây chúng tôi cũng xin xem xét cho rõ cái chân-tướng đó mà thôi. Muốn biết cái chân-tướng ấy, muốn biết cái giá-trị những công-cuộc chúng tôi làm, cứ nghe lời chúng tôi tự bình-phẩm lấy mình thì không chắc thật được. Phàm chúng tôi tự phẩm-bình mình nhất là phẩm-bình trước công-chúng không mấy khi được công-bằng, không những thế, mà có lẽ công việc chúng tôi làm nhiều khi lại còn hơn lời chúng tôi nói. Tôi chắc điều đó, ngài cũng đã từng biết rồi. Hai nước tuy xa-cách nhau mà chưa xa cách nhau đến nỗi ngài chưa từng nghe thấy lời những người Pháp tự mình lại bàn-bạc những công-việc mình lắm. Ấy cái tính cũ của chúng tôi xưa nay vẫn như thế; ở nơi chiến-trường thì chúng tôi biết tỏ hết cái nghĩa-khí anh-hùng để chống-lấy cái sự-nghiệp vẻ-vang của Tổ-quốc, mà lúc bình-thời thời lại hay báng-bổ cái công-nghiệp của mình mà đem lòng ngờ-vực cái tài kinh-doanh của mình. Chúng tôi mong rằng có người ngoài đến quan-sát cho rõ, chứng-nhận cho, tường mà sửa lại cho chúng tôi những lời chúng tôi tự bình-phẩm không công. Nay xét ngay cái việc ngài đương nghiên-cứu là cái việc làm đường xá: Ngài phải tự bên qui-quốc sang đây mới biết rõ rằng xứ Đông-dương này trong hai mươi năm đầu mới có chừng 3000 ki-lô-mét đường mà thôi, mà trong khoảng bảy năm gần đây làm thêm được tới 5000 ki-lô-mét nữa. Tôi ngờ rằng người Pháp chúng tôi có người còn chưa được biết rõ như ngài.

« Một người có cái tri-thức thông-hiểu mở-mang như ngài chắc đã ghi-nhớ lấy những điều chiêm-nghiệm như vậy, không những về việc đường-xá mà về cả các công-cuộc khác chúng tôi đã làm nên ở đất Đông-dương này. Vì những công-cuộc đó có một cái giá-trị về đường tư-tưởng, về đường thực-hành, các lân-quốc có thể lấy đó làm chứng-cớ mà đem lòng yêu mến chúng tôi, muốn cùng với chúng tôi kết bạn-bè mà mưu làm các công-việc chung. Ngài quan-sát những cái hiện-tượng đó, mà có thể dự-liệu được sự kết-quả về tương-lai, là đến khi lrở về qui-quốc ngài nói cho qui-chánh-phủ biết rằng khi nào qui-chánh-phủ cần đến chúng tôi thì chúng tôi có thể đem công giúp vào việc sắp-đặt mở-mang những đường giao-thông lớn có ích-lợi cho việc thông-đồng hai nước ta, hai cái văn-hóa ta.

« Về phần chúng tôi thì chúng tôi sẽ lấy làm hân-hạnh mà có dịp đồng-tâm hiệp-lực với qui-quốc gây nên những công-cuộc có

ích-lợi cho việc giao-hiếu của hai nước ta. Chúng tôi có bụng yêu-trọng qui-quốc vì qui-quốc đã gắng sức tiến-hóa để hoán-cải cái tinh-thần trong nước, mà từ ngày nhân việc chiến-tranh, qui-quốc đã đồng-minh với chúng tôi để bảo-trì cho Công-nghĩa Tự-do của loài người thì cái lòng yêu-trọng kia lại càng đằm-thắm thêm lên vậy. Chúng tôi xin ngài tỏ cho qui-quốc biết cái tình yêu-mến của xứ Đông-dương này, tình thẳng, tình thật, không có chút tư-kỷ gì, không chút lợi-tâm gì, thật là cái lòng thành của cõi Á-đông-chi-Pháp-quốc này, có cái lòng thành-thực như vậy mới xứng-đáng làm con nước Đại-pháp là nước đã từng có một cuộc lịch-sử lâu-dài vẻ vang... từ xưa đến nay đã từng làm như người võ-sĩ để chống-giữ cho cái quyền-lợi của các dân-tộc, sự độc-lập của các quốc-gia.

« Xin các ngài đồng-tọa đây cùng tôi nâng cốc rượu chúc-thọ Hoàng-đế nước Xiêm và ngài Hoàng-hậu ngồi đây ».

Quan Toàn-quyền nói xong thì ngài Hoàng-hậu Puraghatna đứng lên đọc lời chúc-từ như sau này :

« Bẩm quan Toàn-quyền đại-nhân,

« Nghe mấy lời trân-trọng ngài vừa nói bỉ-nhân lấy làm cảm-tạ vô-cùng. Bỉ-nhân lại có lời cám ơn ngài đã có bụng yêu mà tiếp-đãi một cách trọng-thể như vậy, trong khi bỉ-nhân đi du-lịch ở đất Đông-dương này. Phàm những việc gì có ích-lợi về đường nghệ-thuật, ngài đã cho bỉ-nhân được xem-xét hết, ngài lại cho phép bỉ-nhân được giao-tiếp chuyện-trò với các quan cai-trị, các quan kỹ-sư các qui Chánh-phủ ; ngài lại quá yêu đến cùng với bỉ-nhân đi chơi nhiều chỗ ; nhờ được nhiều sự tiện-lợi như vậy mà bỉ-nhân mới biết được những điều hay các ngài đã làm thành cùng những sự khó-khăn các ngài đã từng trải để mà thực-hành một cái chương-trình lớn về sự giao-thông bằng đạo-lộ trong xứ này. Về đường kinh-tế, nước Xiêm chúng tôi với xứ Đông-dương này sự yếu-cần thật không khác gì nhau ; khi trở về tệ-quốc bỉ-nhân sẽ đem những điều kinh-lịch trong khi ở đây mà giúp cho bộ giao-thông của tệ-quốc trong việc tổ-chức các đường-xá trong nước chúng tôi. Tôi lấy làm hân-hạnh lắm được biết cái công-phu lớn-lao của qui-chánh-phủ đã làm về đường đạo-lộ, nhất là tự khi ngài trọng-nhậm về mấy năm gần đây. Về đường kinh-tế tôi lại trông thấy sự tiến-bộ của xứ Đông-dương này sắp trở nên một nước giầu có nhất trong cõi Á-đông, thật lấy làm vui lắm.

« Tôi xin nhờ tỏ cho Chánh-phủ nước Xiêm tôi biết cái tình thân-ái của qui-chánh-phủ Đông-dương đối với nước chúng tôi, và cái chí các ngài muốn cùng với chúng tôi liên-lạc các đường giao-thông hai nước cho sự buôn bán giao-dịch được thập-phần tiện-lợi.

« Nay chúng tôi sắp về nước, quan-lớn đã có bụng yêu mà tỏ lòng mến nhớ ; về phần tôi trước khi từ-biệt một xứ mà thủy-chung chỉ được gặp những người yêu-mến, thật trong lòng ngậm-ngùi không an ; sau này chắc bao giờ cũng còn kỷ-niệm đến những bữa ở đây.

« Bẩm quan Toàn-quyền, xin ngài thứ cho những lời vô-văn của bỉ-nhân ; bỉ-nhân thật là vụng nói, nhưng tuy lời nói có không kịp mà trong lòng thật là thâm-tạ ngài về sự tiếp-đãi trọng-hậu như vậy.

« Tôi xin dưng cốc rượu chúc mừng nước Đại-Pháp là nước bạn và đồng-minh với tổ-quốc tôi, chúc mừng xứ Đông-dương càng ngày càng thịnh-vượng, và chúc-thọ qui-đại-nhân là người cầm quyền thủ-lãnh trong xứ này. »

Sài-gòn tiếp đón các quân lính An-nam ở Pháp về. — Việc chiến-tranh đã xong, độ này các quân-đội An-nam mới bắt đầu thải dần về. Mới rồi có chiếc tầu bên Pháp sang chở về hơn một nghìn chiến-binh thuộc về trung-đội (*bataillon* thứ 3 quân Đông-dương. Đồng-bào ta trong Nam-kỳ, có ông Bùi-quang-Chiêu chủ xướng, đã sửa-soạn sẵn ra đón các quân lính ở bến tàu trọng-thể lắm. Lại ngày 28 Mars, dọn một bữa tiệc 1200 người ăn để khoản-đãi các chiến sĩ, và tỏ cái lòng yêu mến của quốc-dân với những người đã thay mặt quốc-dân sang giúp việc chiến-tranh bên Mẫu quốc. Bữa đó vui vẻ lắm, cái cảm-tình của kẻ ở nhà với người mới đi xa về, thật là đậm đà đằm-thắm vô-cùng, coi đó thì biết cái mối tình thân nó liên-lạc người một dân một nước, một giống một nòi sâu và mạnh là dường nào.

Nay mai sẽ có chuyến tàu chở một đội quân Bắc-kỳ về. Ước gì quan dân ngoài Bắc-kỳ cũng bắt chước các đồng-bào trong Lục-tỉnh mà sửa-soạn một cái tiệc gì để tiếp-đãi các chiến-sĩ ta một cách xứng-đáng cho tỏ cái lòng yêu-mến của người đồng-xứ.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Từ nay mỗi kỳ bản-báo để riêng ra một mục để đăng các công-việc các Hội « Khai-trí-tiến-đức ». Tức gọi là mục Kỷ-yếu của Hội, in những biên-bản của Hội-đồng, những việc sắp-đặt trong Hội, những tên các hội-viên mới, v. v.

Biên-bản kỳ đại-hội-đồng ngày chủ-nhật 16 Mars 1919. — Ngày chủ-nhật 16 Mars 1919, Hội « Khai-trí-tiến-đức » có họp đại-hội-đồng các sáng-lập và chủ-trì-hội-viên, tại nhà hội Trí-tri, phố hàng Quạt (Hà-nội). Đúng 3 giờ chiều thì khai hội-đồng, quan cai-trị Louis Marty là chủ « Hội-đồng quản-trị tạm » làm chủ tọa, có ông Bùi-Đình-Tá là phó chủ-hội giúp việc. Các hội-viên dự-hội có tên như sau này :

Ông Nguyễn Hữu-Thu, Thân Trọng-Huề, Phạm Bá-Rong, Phạm Quỳnh, Trần Trọng-Kim, Phạm Duy-Tốn, Nguyễn Bá-Trác, Vũ Ngọc-Hoánh, Bùi Đình-Thình, Trần Nhật Tỉnh Nghiêm Xuân-Quảng, Dương Bá-Trạc, Nguyễn Kỳ-Nam, Lê Văn-Phúc, Đào Văn-Sử, Lương Văn-Phúc, Hoàng Quang-Hương, Bùi Thiện-Cơ, Bùi Huy-Tín, Nguyễn Đức-Lợi, Nguyễn Văn-Chung, Nguyễn Văn-Hoán, Nguyễn Đình-Cường, Nguyễn Quí-Toản, Nguyễn Văn-Diệm, Trần Văn Quả, Lê Đình Tĩnh, Trương Công-Lập, Nguyễn Văn-Hội, Nguyễn Gia-Huy, Nguyễn Văn Bùi, Trần Nhật-Dũng, Phan Tất-Tạo, Trần Viết-Soạn, Hà Duy-Thăng, Đào Huống-Mai, Nguyễn Đức-Thục, Vương Văn Trọng Trịnh Văn-Chính, Phan Như-Khê, Lê Đức-Hoạt, Trịnh Văn-Hợi, Phan Nhật-Tân.

Các Hội-viên viết giấy kiếu không đến dự-hội thì có :

Ông Vi Văn-Định, Lê Thanh-Giai.

Lại các ông tuy không đến dự-hội mà theo Điều-lệ có nhờ người thay mặt, kể tên như sau này :

Nhờ ông Thân Trọng-Huề thay mặt :
Ông Hoàng Trọng Phu, Đặng Đức Cường, Chế Quang-Ản, Nguyễn Văn-Bân, Phan Đình-Hòe

Nhờ ông Bùi Đình-Tá thay mặt :
Ông Mai Trung-Cát, Mai Toàn-Xuân, Đặng Trần-Vĩ, Bùi Huy-Tiến, Hoàng Hi-Ước, Lê Nhiếp. Nguyễn Chước, Lê Đình Lục, Hoàng Thụy-Chi, Trịnh Quang-Du, Nguyễn Phong, Bùi Mạnh-Hợp, Trịnh Kế-Vinh, Nguyễn Mạnh-Hướng, Nguyễn Mạnh-Bồng, Lê Bá Tứ. Nguyễn Ngọc-Xuân, Phạm Xuân-Sắc, Nguyễn Hữu Đản.

Nhờ ông Lê Văn Phúc thay mặt :
Ông Đàm Duy-Huyên, Phạm Kim-Bảng, Bạch Thái-Sơ.
Nhờ ông Trần Trọng-Kim thay mặt :
Ông Đỗ Uông, Vũ Xuân-Tâm.
Nhờ ông Nguyễn Bá-Trác thay mặt :
Ông Hà Văn-Ngoạn, Đặng Vũ-Trợ.
Nhờ ông Hoàng Quang-Hương thay mặt :
Ông Hoàng Quang-Bình, Hoàng Quang-Thịnh.
Nhờ ông Lê Đức-Hoạt thay mặt :
Ông Nguyễn Tấn-Cảnh.
Nhờ ông Dương Bá-Trạc thay mặt :
Ông Vũ Công-Thiệu.
Nhờ ông Trần Nhật-Dũng thay mặt :
Ông Trần Nhật-Long.
Nhờ ông Trịnh Văn-Hợi thay mặt :
Ông Nguyễn Đình-Quì.
Nhờ ông Nguyễn Hữu-Thu thay mặt :
Ông Phạm Đức Hinh.
Nhờ ông Bùi Huy-Tín thay mặt :
Ông Nguyễn Hữu-Cự.
Nhờ ông Đào Huống-Mai thay mặt :
Ông Nguyễn Hữu-Dzĩnh.

Khi các Hội-viên đã đông mặt, quan chủ Hội Marty đứng lên diễn-thuyết bằng tiếng Pháp, ngài nói ứng-khẩu không có bản thảo, xin lược-dịch đại-ý như sau này (bản dịch đã có trình ngài coi lại). Lời diễn-thuyết rằng :

« Thưa các ngài,

« Tôi xin thay mặt các hội-viên sáng-lập hội « Khai-trí tiến-đức » cám ơn các ngài đã đến đông buổi hôm nay là buổi hội ta họp lần đầu. Các ngài hội-đồng đây là để bàn về các việc sắp-đặt trong Hội, trong một lát nữa chúng tôi sẽ trình các ngài biết. Thứ nhất là bầu một tòa trị-sự cho Hội, vì từ khi Hội nhóm thành đến giờ mới có một tòa trị-sự tạm mà thôi. Tòa trị-sự tạm hồi đầu có cử tôi lĩnh-chức lâm-thời-

hội-chủ. Nay trước khi bàn-giao cho tòa trị-sự mới, tôi xin phép các ngài nói qua mấy lời về cái mục-đích Hội ta, về cái bản-ý chúng tôi khởi ra việc lập-hội này là chủ-định việc gì.

« Hội ta đặt tên là « Khai-trí tiến-đức hội », có người cho tên ấy là cao-kỳ quá, nhưng bốn chữ đó thật là gồm cả cái tôn-chỉ của Hội vậy.

« Mở-mang trí-thức, rèn tập đạo-đức trong quốc-dân An-nam, đó tức là cái mục-đích của Hội ta. Muốn đạt cái mục-đích đó, thì tất phải cần đến những bậc người thượng-lưu trong nước, nghĩa là những người về đường đạo-đức trí-thức có đứng cao hơn các hạng khác để làm gương cho cả xã-hội.

« Xin các ngài đọc lại điều thứ 1 trong Điều-lệ ta thì biết rằng cái chí chúng tôi là muốn lập tại Hà-nội một nơi hội-quán để làm chốn trung-tâm mà họp-tập thâu-thập cả những người có thể gọi là bậc thượng-lưu trong xứ Bắc-kỳ này. Cái chí chúng tôi lại còn rộng hơn nữa : chúng tôi mong-mỏi rằng không những ở Bắc-kỳ này, mà cả ở Trung-kỳ Nam-kỳ nữa, sớm trưa sẽ theo gương ngoài ta mà rồi cũng lập ra những Hội giống Hội ta đây.

« Nay nói bậc thượng-lưu, cứ theo nghĩa tây thời là gồm hết thảy những người tai mắt danh-giá trong bọn học-hành, bọn quan-lại, bọn buôn-bán, bọn nông-công, trong một nước. Bậc thượng-lưu như vậy, chắc rằng ở xứ Bắc-kỳ này hiện đã có rồi. Nhưng ngày nay còn tản-mạn khắp mọi nơi, chưa thành một đoàn-thể hợp-nhất. Tuy vậy mà cái ảnh-hưởng, cái thế-lực trong xã-hội đã to lắm, và chắc rằng rồi mỗi ngày một to mãi lên. Đó cũng là một lẽ tự-nhiên như vậy, không những ở nước Nam mà dẫu nước nào cũng thế. Không kể những nước chỉ biết chuyên-trọng một bọn qui-tộc mà thôi, còn phàm dân nào nước nào đã gọi là một dân một nước có văn-hiến, có kỷ-cương, thời ở đâu cũng vậy, những bậc cao-đẳng trong nước, nghĩa là những hạng người có trí-thức, có học-vấn, tất phải có cái quyền giám-đốc vô-hình đối với cả toàn-thể quốc-dân. Những hạng người ấy phải tự mình làm gương cho cả quốc-dân theo : cái đức-hạnh mình, cái phẩm-giá mình, cái học-thức mình, cái sự-nghiệp mình, nhất-cử nhất-động của mình phải đủ làm mực-thước cho các hạng khác noi đó mà tiến lên. Có thể thì bậc thượng-lưu mới xứng-đáng cái địa-vị cao-trọng trong xã-hội, có thế thì bậc thượng-lưu mới có thể gọi là cái chủ-não của cả một dân.

« Nhưng muốn cho cái ảnh-hưởng của bậc thượng lưu được thành công-hiệu tốt, muốn cho sự giám-đốc vô-hình như tôi nói trên kia được thật ích-lợi, thì bọn thượng-lưu đó phải chung-đúc lại, phải xuất-hiện ra, phải tự mình biết cái giá-trị mình ; những người trong bọn thượng-lưu đó phải có dịp gần-gụi nhau, quen biết nhau, thân-mật nhau, cùng nhau chuyện-trò bàn-bạc, đem những lời hay, lẽ phải, ý tốt, bụng thành, mà tỏ bày cho nhau biết, để mong gây lấy một cái tôn-chỉ, một cái chủ-nghĩa chung, tương-lai sẽ thành một cái phong-trào mới có thể biến-hóa được xã-hội.

« Bởi các lẽ đó mà chúng tôi chủ-ý muốn gây lấy một cái giây liên-lạc để nối lấy cả các người trong bọn thượng-lưu với nhau, đặt ra một chốn công-đồng để làm chỗ cho các bậc thượng-lưu họp-tập mà quen biết nhau ; nói tóm lại là thâu-thập các nhân-tài trong nước mà cùng nhau đồng-tâm hiệp-lực giúp cho việc giáo-dục, sự tiến-hóa trong quốc-dân.

« Cái mục-đích đó rất là cao, cái chương-trình đó rất là rộng, nhưng tôi chắc rằng các ngài là những người trí-thức, lại trọng những việc công-ích, tất ra công hết sức mà làm cho thành, đạt cho tới. Tôi rất lấy làm mong-mỏi lắm ».

Quan MARTY nói xong, cử-tọa đều vỗ tay mừng. Rồi ông NGUYỄN HỮU-THU đứng lên thay mặt cả các Hội-viên cám ơn quan MARTY đã có công giúp cho Hội được thành-lập, tuy bận việc quan nhiều mà ngài thật là hết sức vận-động cho Hội, không quản khó nhọc, nào là lập điều-lệ, nào là giao-tiếp với quan trên, nào là xin phép Chánh-phủ, lại tìm đất để

đặt nhà Hội-quán ; nói tóm lại Hội Khai-trí thành được thật là nhờ một tay quan MARTY cả. Ông THU nói xong, cả hội-viên đều vỗ tay biểu đồng-tình.

Xong rồi, Hội-đồng qua đến các việc trong chương-trình.

Thứ nhất là bầu mười một ông trị-sự (*membres du bureau*).

Tòa Trị-sự tạm có trình một cái sổ 20 tên để cho các hội-viên chọn, dùng cách bỏ vé kín. Kể các hội-viên có mặt và các hội-viên có mượn người thay mặt, cả thảy là 87 người bỏ vé, vậy thì theo phép bỏ thăm cứ tính ai được quá nửa phần vé nghĩa là từ 44 vé trở lên thì được bầu. Khi mở thăm thì có hai vé bỏ trắng, còn lại có 85 vé, tính cộng từng người thì được như sau này :

Ông Marty, Nguyễn Hữu-Thu, Bùi Đình-Tá	**được**	**cả 85 vé**
Hoàng Trọng-Phu	—	84 »
Thân Trọng-Huề, Phạm Quỳnh .	—	83 »
Lê Văn-Phúc	—	82 »
Phạm Duy-Tốn	—	73 »
Đào Văn-Sử	—	65 »
Trần Văn-Thông	—	51 »
Nghiêm Xuân-Quảng	—	42 »
Trần Trọng-Kim	—	28 »
Phạm Văn-Thụ	—	19 »
Nguyễn Đình-Cường (tức Thành)	—	19 »
Vũ Ngọc-Hoánh	—	11 »
Đoàn Triển	—	9 »
Nguyễn Bá-Trác	—	8 »
Hoàng Kim-Bảng	—	8 »
Lê Bá-Tứ	—	5 »
Bùi Huy-Tín	—	4 »
Hoàng Quang-Hương . . .	—	3 »
Vương Vĩnh-Tuy	—	2 »

Ông Marty, Nguyễn Hữu-Thu, Bùi Đình-Tá, Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Phạm-Quỳnh, Lê văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, Đào Văn-Sử, Trần Văn-Thông, cả thảy mười ông được quá nửa phần vé, được bầu vào chân trị-sự ; song theo Điều-lệ tòa trị-sự phải có 11 người, vả ông Nghiêm Xuân-Quảng đã được 42 vé, chỉ còn thiếu một vé nữa là được quá nửa phần người bầu (cả thảy có 85 người, không kể hai vé trắng), ông hội-chủ, bàn nên bầu ông Nghiêm cho sung số, cả hội-đồng đều ưng-ý.

Mười một ông trị-sự đã bầu xong, lại phải cắt phần việc trong các ông ấy, nghĩa là bầu ông nào làm chủ-hội, làm thư-ký, làm thủ-quĩ v. v. Nhưng lần này bầu là trong 11 ông cử lẫn nhau mà thôi, cũng dùng cách bỏ vé kín. Trước khi bỏ vé, có bàn với Hội-đồng một điều như sau này : là trong điều lệ chỉ định có một chánh-hội-chủ với một phó-hội-chủ mà thôi. Nay ngài muốn xin hội đồng đặt thêm ra một phó-hội-chủ nữa, cũng lấy trong 11 hội-viên trị-sự, để công-việc Hội được rộng người chủ-trương, phòng-khi ông chánh và một ông phó mắc bận thì đã có ông phó nữa thay, vì việc hội là việc công-ích, càng có nhiều người đảm-nhiệm càng hay. Như vậy thì phải sửa trong Điều-lệ một chút, những sự sửa đổi đó không có quan-trọng gì lắm, vì số hội-viên trị-sự vẫn có bấy nhiêu người, chỉ cử một người nữa lên làm phó-chủ-hội mà thôi.

— Trong Hội-đồng có người ưng, có người không ưng, nhưng phần nhiều người thì ưng như vậy. Vậy tòa trị-sự phải cử một chánh-hội-chủ, hai phó-hội-chủ, một tổng thư-ký, một phó-thư-ký, một tổng-thủ-quĩ, một phó-thủ-quĩ, và bốn hội-viên-trị-sự.

Khi mở vé thì được như sau :

Ông			
Marty	**được**	**11 vé**	**làm chánh hội-chủ**
Hoàng Trọng-Phu	—	11	— phó hội-chủ
Nguyễn Hữu-Thu	—	8	— »
Thân Trọng-Huề	—	3	— »
Phạm Quỳnh	—	11	— tổng thư-ký.
Phạm Duy Tốn	—	11	— phó thư-ký.
Lê văn-Phúc	—	11	— tổng thủ quĩ.
Đào Văn-Sử	—	11	— phó thủ-quĩ.
Bùi Đình-Tá	—	11	— hội-viên trị-sự.
Trần Văn-Thông	—	11	— »
Nghiêm Xuân-Quảng	—	11	— »
Thân Trọng-Huề	—	8	— »

Vậy tòa Trị-sự (*bureau administratif*, thành-lập như sau này :

Chánh Hội-chủ	(*Président*)	Ông MARTY
Phó Hội-chủ	(1er *Vice-Président*)	HOÀNG TRỌNG-PHU
Phó Hội-chủ	(2e *Vice-Président*)	NGUYỄN HỮU-THU
Tổng Thư-ký	(*Secrétaire général*)	PHẠM QUỲNH
Phó Thư-ký	(*Secrétaire adjoint*)	PHẠM DUY-TỐN

Tổng Thủ-quĩ	(*Trésorier général*)	Lê Văn-Phúc
Phó Thủ-quĩ	(*Trésorier adjoint*)	Đào Văn-Sử
Trị-sự	(*Administrateur*)	Thân Trọng-Huề
—	—	Trần Văn-Thông
—	—	Bùi Đình-Tá
—	—	Nghiêm Xuân-Quảng

Tòa Trị-sự đã thành, các viên-chức bắt đầu nhận việc. Quan Marty nói mấy lời cảm ơn các hội-viên đã có bụng tin yêu mà toàn-thể cử bầu làm hội-chủ ; ngài xin nhận chức đó, nhưng xin coi cũng như là một chức danh-dự, sẽ hết lòng giúp cho Hội phát-đạt, song vì bận việc quan không thể quản-cố được hết, những công-việc thường xin trao quyền cho quan Phó Hội-chủ Hoàng-Trọng-Phu.

Việc bàu cử xong, Hội-đồng bàn đến mấy việc ngoài.

Tòa Trị-sự bàn nên mời quan Toàn-quyền Sarraut và Hoàng-Thượng ta làm danh-dự Hội-chủ. Ông Hà Duy-Thăng thay mặt các hội-viên nói điều đó rất phải lắm, Hội Khai-trí là chủ việc ích-lợi chung cho quốc-dân, nên có bậc Chúa-tể trong nước là Hoàng-Thượng ta và quan Thủ-hiến chánh-phủ Bảo-hộ là quan Sarraut đỡ đầu cho mới là chánh-đáng. Cả hội-đồng biểu đồng-tình và xin giao cho tòa Trị-sự thay mặt hội dâng thơ để kính mời hai ngài.

Quan chánh-hội-chủ lại nói cái mục-đích hội là gồm cả quốc-dân An-nam trong ba cõi : Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, nay hội mới được phép quan Thống-sứ Bắc-kỳ, nhưng mong rằng nay mai sẽ được phép quan Toàn-quyền mở rộng ra cả Trung-Nam-kỳ thì mới thật là đạt được cái mục-đích Hội. Cả Hội-đồng đều biểu đồng-tình và xin tòa Trị-sự kíp làm giấy xin quan Toàn quyền ký nghị-định cho cái phạm-vi của Hội gồm rộng ra cả dân-tộc An-nam trong suốt cõi Đông-dương.

Trong Điều-lệ điều thứ 5 có nói : « Mỗi lần có hội-viên mới vào Hội-đồng quản-trị (tức là vào chân chủ-trì) thì Hội-đồng quản-trị (tức là gồm cả hội-viên chủ-trì đã vào hội từ trước) phải quyết-định trong bốn phần hội-viên tại chức được ba phần ưng thì mới được vào hội ; hỏi ý các hội-viên thì hoặc hỏi ở nhà, hoặc viết thư hỏi. » — Vậy nhân hội-đồng quản-trị bữa đó họp gần đông đủ cả, ông Bùi Đình-Tá có đọc tên những ông mới ký giấy xin vào chân chủ-trì để tiện việc hỏi ý các hội-viên : Hội-đồng đều thuận nhận cả, xin kê tên các ông ấy như sau này (theo thứ tự A B) :

Ông Bạch Thái-Sơ,	buôn bán ở Hà-nội.
Bùi Bằng-Thuận,	điền-học Phú-thọ.
Bùi Quang-Mậu,	lệ-mục Thủy-nguyên Kiến-an.
Bùi Thiện-Cơ,	tri-huyện Tiên-lãng, Kiến-an.
Đinh Văn-Thuấn,	(tức hiệu Phúc-lợi) buôn bán Hà nội.
Đỗ Văn-Duyên,	quan thầy thuốc ở Bắc-kạn.
Dương Trung-Giao,	buôn bán ở Hà-nội.
Hoàng Hi-Ước,	án-sát Sơn-tây.
Lê Tường,	phán-sự tòa Thương-chánh ở Tourane.
Ngạc Văn-Đồng,	buôn bán ở Phú-thọ.
Nguyễn Đình-Thông,	giáo-học làng Văn-quán, Hà-đông.
Nguyễn Đức-Lợi,	chánh-tổng ở Phủ-lý.
Nguyễn Hữu-Gián,	buôn bán Hà-nội.
Nguyễn Hữu-Gĩnh,	làm ruộng, Hà-đông.
Nguyễn Ngọc-Thu,	buôn bán Hải-dương.
Nguyễn Phú Nai,	tham-biện, Hòa-bình.
Nguyễn Văn-Đào,	tri-huyện Hưng-nhân, Thái-bình.
Nguyễn Văn-Thi,	thông-phán Hà nội.
Nguyễn Văn-Thịnh,	thư ký Thương-chánh Hải-phòng.
Nguyễn Văn-Thoa,	buôn bán Hà-nội.
Nguyễn Trọng-Vinh,	thư-ký ở đồn-điền Guillaume, Thái nguyên.
Phạm Kim-Bảng,	buôn bán Hải-phòng.

Ông Phan Nhật-Tân, buôn-bán, Hải-dương
Phan Tất Đạt. tri huyện Thủy-nguyên, Kiến-an
Sơn Xuân-Hoan, buôn bán. Hà-nội
Trần Lưu-Vị, hậu-tuyển-tri-huyện, Bắc-ninh
Trần Nhật-Thành, thông-phán, Thanh-hóa.
Trần Ngọc-Thiện, buôn-bán, Bến-thủy.
Trần Phượng-thế, thông-phán, Kiến-an.
Trịnh Xuân-Nghĩa, buôn-bán, Hà-nội.
Văn Đình-Quang, tham-biện, Tourane.
Vũ Đình-Khôi, ký-lục, Kiến-an.
Vũ Xuân-Tâm, giáo-thụ Lý-nhân, Phủ-lý.

Ba mươi ba ông kể tên trên đó Hội đồng đã công-nhận làm chủ-trì-hội-viên tức là từ nay thuộc vào Hội-đồng quản-trị (*comité directeur*). Vào chân tán-trợ hội-viên (*membres bienfaiteurs*) nghĩa là những ông ưng giúp cho Hội 100 đồng thì lại mới thêm được một ông :

Ông Vương Hữu-Lạc, buôn bán ở Hải-phòng. hội-đồng cũng thuận-nhận ngay.

Trong chương-trình hôm ấy Hội-đồng còn phải bàu các tiểu-hội-đồng *commissions*) để phân-nhiệm các việc sắp-đặt trong Hội, như giờ đã muộn, các hội-viên đều thuận giao quyền cử-đặt các tiểu-hội-đồng ấy cho tòa Trị-sự, tùy-nghi mà lựa chọn.

Đến 6 giờ thì Hội-đồng tan

Biên-bản kỳ hội-đồng tòa Trị-sự (bureau administratif) ngày chủ-nhật 23 mars 1919. Tòa Trị-sự Hội Khai-trí-tiến-đức ngày chủ-nhật 23 mars 1919 có họp hội-đồng ở nhà hội Trí-trí, hồi 3 giờ chiều để bàn soạn các công việc sắp-đặt trong Hội, thứ nhất là cử các tiểu-hội-đồng để chia các phần việc.

Có mặt : ông L. Marty, Hoàng-trọng-Phu, Thân-trọng-Huề, Bùi-đình-Tá, Nghiêm-xuân Quảng. Phạm Quỳnh, Lê-văn-Phúc, Phạm-duy-Tốn.

Vắng mặt : ông Trần-văn-Thông, Nguyễn-hữu-Thu, Đào-văn-Sử.

Hội-đồng định cử năm tiểu hội đồng (*commissions*) như sau này :

Một tiểu-hội-đồng để đặt các qui-tắc trong Hội (*règlement intérieur*), nghĩa là những thể-lệ riêng cho các hội-viên phải theo.

Một tiểu-hội-đồng chuyên về việc dựng nhà hội-quán (vẽ bản đồ, trù liệu các khoản, vân, vân.)

Một tiểu-hội-đồng để đặt thể-lệ nhà hội-quán (*règlement du cercle*), theo trong điều-lệ phải dệ-trình quan Thống-sứ duyệt-y.

Một tiểu-hội-đồng để quyết-định các việc về tập nguyệt-báo (*bulletin*) của Hội.

Một tiểu-hội-đồng để cổ-động cho nhiều người vào Hội.

Mỗi tiểu-hội-đồng có năm hội-viên, một ông làm chủ hội-đồng. Ông chủ hội-đồng tiện họp ở đâu và họp ngày nào sẽ có giấy đạt trước. Khi nào bàn xong các việc sẽ đệ-trình hội-đồng quản-trị quyết-nghị.

Hội-đồng có cử những ông như sau này sung vào các tiểu-hội-đồng.

Tiểu-hội-đồng thứ nhất chuyên về việc đặt qui-tắc Hội thì có :

Ông L. Marty, chủ hội-đồng.
Vũ Ngọc-Hoánh, hội-viên.
Trần Trọng Kim, —
Đào Văn-Sử, —
Trịnh Văn-Hợi, —

Tiểu-hội-đồng thứ nhì chuyên về việc dựng nhà hội-quán thì có :

Ông Nguyễn Hữu-Thu, chủ hội-đồng.
Nguyễn Kim-Lân, hội-viên.
Hoàng Kim-Bảng, —
Hoàng Quang-Hương —
Mai Du-Lân, —

Tiểu-hội-đồng thứ ba chuyên về việc đặt thể-lệ nhà hội-quán thì có :

Ông Trần Văn-Thông, chủ hội-đồng.
Nghiêm Xuân-Quảng, hội-viên.
Vương Vĩnh-Tuy, —
Trần Viết-Soạn, —
Nguyễn Đình-Cường (tức Thành), hội-viên.

Tiểu-hội-đồng thứ tư để quyết-định về việc tập nguyệt-báo của Hội thì có :

Ông Thân Trọng-Huề, chủ hội-đồng.
Phạm-Quỳnh, hội-viên.
Nguyễn Bá-Trác, —
Lê Văn-Phúc, —
Phạm Duy-Tốn, —

Tiểu-hội-đồng thứ năm chuyên về việc cổ-động thì có :

Ông Hoàng Trọng Phu, chủ hội-đồng.
Bùi Đình-Tá, hội-viên.
Nguyễn Hữu-Thu, —
Nghiêm Xuân-Quảng —
Phạm Mạnh-Xứng, —

Hội-đồng đã cử xong các ông vào chân tiểu-hội-đồng, giao cho Tổng-thư-ký làm giấy đạt cho các ông ấy biết, ông nào thuộc vào tiểu-hội-đồng nào thì khi nào họp và họp ở đâu ông chủ tiểu-hội-đồng ấy sẽ có giấy mời.

Hội-đồng lại bàn kỹ về công việc của các tiểu-hội-đồng và định sẵn cái chương-trình cho các tiểu-hội-đồng dễ làm việc.

Công việc của tiểu-hội-đồng thứ nhất hơi phiền-phức hơn cả, vì đặt qui-tắc trong Hội tức là định cái cách-thức Hội phải hoạt-động thế nào cho đạt được mục-đích Hội là thâu-thập những bậc thượng-lưu trong nước để giúp cho sự tiến-hóa của quốc-dân. Vậy trong qui-tắc của Hội không những là phải định các thể-lệ thường như việc vào Hội, ra Hội, họp các hội-đồng, v. v., lại còn phải định những cách-thức các Hội-viên giao-tiếp với nhau thế nào, giao-tiếp với người ngoài thế nào, những khi nào thì phải giúp đỡ nhau, giúp đỡ nhau ra cách thế nào, v. v. Một hội như hội Khai-trí này, không có chủ sự doanh-lợi mà vụ việc công-ích, chắc là phải lấy cái tình thân-ái trong các hội-viên với nhau làm cốt, muốn cho cái tình thân-ái ấy thực-hành ra những sự có ích-lợi cho mỗi người, thì phải định cái cách các hội viên phải đãi nhau thế nào cho đặc-biệt với người khác. Đó là những điều tiểu-hội-đồng phải xét cho kỹ và định cho tường. Lại còn nhiều những việc vặt nữa (như đặt một thứ thẻ riêng để chứng-nhận là người có chân hội-viên, đặt huy-chương cho các hội-viên đeo những khi có tiệc-hội v. v.), nhất nhất phải dự-định trước hết.

Tiểu-hội-đồng thứ nhì dựng nhà hội-quán thì trước nhất phải tìm lấy một nơi đất thích-hợp, rồi mới vẽ kiểu dựng nhà. Hiện nay có nhà Pháp-Việt-thư-viện cũ ở đường Jules Ferry, Chánh-phủ Bảo-hộ Bắc-kỳ có hứa sẽ nhường cho hội, nhưng nhà ấy cũ quá chắc phải phá đi làm lại, và miếng đất cũng hẹp quá, không vừa một nhà hội-quán, hội chưa định có nên mua hay không : Việc mua đất thì tòa trị-sự sẽ nhận thay mặt Hội mà thương-lượng mọi sự. Vậy tiểu-hội-đồng còn phải đợi bao giờ ấn-định dùng miếng đất nào rồi mới tùy địa-thế mà vẽ kiểu nhà, trù-liệu các phí-khoản, xong rồi trông nom việc xây dựng.

Tiểu-hội đồng thứ ba thì phải đặt thể-lệ cho nhà hội-quán, theo các nhà *cercles* tây. Có thể thao thể-lệ nhà *cercle* tây ở Hà-nội, rồi châm-chước với cách-thức An-nam mà làm cũng được. Khi đầu thì cái sơ-ý của Hội-đồng quản-trị tạm là định làm hẳn nhà khách-sạn có buồng ngủ buồng ăn. Nhưng Ông Phạm-duy-Tốn bàn không nên làm buồng ngủ cho thuê, vì việc ấy có nhiều điều bất-tiện về nhiều đường, khó lòng giữ cho hoàn-toàn được. Cả hội-đồng đều đồng-ý như thế.

Vậy tiểu-hội-đồng chỉ phải đặt thể-lệ theo như một nhà *cercle* tây mà thôi, không phải theo cách-thức nhà khách-sạn, nghĩa là làm một chốn để các hội-viên tới lui mà ăn cơm uống nước, chuyện-trò vui vẻ, chớ không làm nhà ngủ cho khách các tỉnh, như lúc mới đầu đã định.

Tiểu-hội-đồng thứ ba về việc báo thì hiện chỉ phải định cái thể-lệ Hội đối với báo Nam-Phong thế nào. Vì hiện nay Hội chưa có báo, mượn một phần trong Nam-Phong-tạp-chí làm tập kỷ-yếu của Hội. Vậy báo-quán Nam-Phong sẽ đoan cho Hội mượn mỗi tháng là mấy tờ để đăng các công-việc Hội, về phần Hội thì phải đoan với báo-quán rằng sẽ khuyên các hội-viên hết thảy phải mua báo cả. Còn các bài của hội-viên soạn, cách đăng báo như thế nào, cũng phải định cho tường.

Tiểu-hội-đồng thứ năm tức là cái tòa trung-ương về việc cổ-động, tất phải chọn trong mỗi tỉnh mỗi hạt ít nhiều người chân hội để cổ-động trong khắp các địa-phương, cho được nhiều người biết cái mục-đích hội và vào hội cho đông. Tiểu-hội-đồng này phải bắt đầu làm việc và đặt đại-biểu các nơi ngay lập-tức, vì hội còn ít người biết lắm, phải cổ-động cho mạnh mới được.

Ấy đại-khái công-việc các tiểu-hội-đồng như vậy.

Hội-đồng lại bàn về mấy việc vặt, nhất là việc bầu các hội-viên chủ-trì mới. Theo Điều-lệ thì các ông chủ-trì mới phải có chia ra ba phần chủ-trì cũ bầu cho mới được nhận vào Hội, nhưng số hội-viên chủ-trì mỗi ngày

một nhiều, nếu mỗi người mới vào phải hỏi ý hết thảy các người cũ thì phiền quá và lâu quá, nay hội-đồng định cách như sau này có giản-hơn : là cứ tháng tháng bao nhiêu người mới xin vào chân chủ-trì thì kê cả ra một cái sổ, rồi đính vào trong tập *Nam-phong* gửi cho các ông sáng-lập chủ-trì cũ, vì các hội-viên đều phải mua báo hết cả, trừ những ông nào trước đã mua rồi thì không kể. Cái sổ đó tức là vé bỏ thăm, người nào bầu thì đề tên, người nào không bầu thì sóa đi, rồi gửi cái sổ về cho Hội. Bắt đầu từ tháng này sẽ làm như vậy.

Trước khi tan, hội-đồng bàn định xin phép quan Toàn-quyền cho các viên-chức tòa trị-sự lên hầu ngài để trình ngài về cái mục-đích Hội, và xin ngài nhận chức danh-dự-hội-trưởng. Cả các hội-viên đều ưng thuận, và cậy quan Hội-trưởng Marty lên xin quan Toàn-quyền cho phép vào yết-kiến ngài.

Đến 5 giờ thời Hội-đồng tan.

Tòa trị-sự lên yết-kiến quan Toàn-quyền. — Ngày thứ sáu 18 Mars, hồi 10 giờ sáng tòa trị-sự hội « Khai-trí tiến-đức » có chín ông : L. Marty, Hoàng Trọng-Phu, Nguyễn Hữu-Thu, Thân Trọng-Huề, Nghiêm Xuân-Quảng, Bùi Đình-Tá, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Phạm Duy-Tốn, lên yết-kiến quan SARRAUT ở phủ Toàn-quyền. Ông Hội-chủ Marty thay lời các hội-viên trình quan Toàn-quyền biết cái mục-đích của hội Khai-trí, và xin ngài nhận chức danh-dự hội-trưởng. Quan Toàn-quyền đáp lại trong hơn 15 phút đồng-hồ, ngài khen cái mục-đích hội là hợp với thời-thế. Xin lược-thuật đại-ý những lời diễn-thuyết của ngài như sau này :

« Tôi cám ơn các ông đã có bụng tốt mà tặng tôi chức « danh-dự hội-trưởng » của hội Khai-trí. Tôi xin nhận, vui lòng mà nhận, là vì cái mục-đích của hội các ông tốt và hợp-thời lắm, nếu các ông đạt được cái mục-đích ấy thì thật là làm một việc có công trong lịch-sử nước An-nam sau này. Nước Nam xưa nay có lập hội chỉ có hội bí-mật mà thôi, chưa từng có những hội đường-đường chánh-chánh theo đuổi một cái mục-đích công-nhiên ai cũng biết, ai cũng nhận. Hội các ông tức là một hội đường-đường chánh chánh như vậy. Cái mục-đích của các ông là gồm những bậc thượng-lưu trong nước mà giúp cho sự khai-hóa trong dân. Chắc rằng nước nào cũng phải cần có một bọn thượng-lưu để duy-trì cái nền-nếp trong xã-hội, để làm nêu làm mẫu cho quốc-dân, để coi việc « cảnh-sát » về đường tinh-thần trí-thức, đạo-đức luân-thường. Nước nào mà bọn thượng-lưu ấy không có thế-lực thì là rối loạn điên-đảo cả, cứ coi như nước Nga bên Âu-châu thì đủ biết. Nước An-nam ngày nay tất cần có một bọn thượng-lưu như vậy, không những là để chỉ đường dẫn lối cho quốc-dân An-nam trong buổi giao-thời này, mà lại còn có thể giúp chánh-phủ để tìm cái đường cai-trị dân cho phải cách. Nếu các ông biết hiểu cái nghĩa-vụ cho chánh-đáng thì không những các ông có ích-lợi cho dân An-nam, mà các ông có ích-lợi cho cả Chánh-phủ Đại-Pháp nữa, mà ích-lợi cho Chánh-phủ Đại-Pháp tức cũng lại là ích-lợi cho quốc-dân An-nam. Vì các ông thừa biết rằng nước các ông mà rời nước Đại-Pháp thì khó có cớ mà tiến-hóa được. Không những không tiến-hóa được mà cũng khó giữ cho nước được hoàn-toàn ; nước Pháp mà bỏ nước này thì tất có cường-quốc khác đến xâm chiếm, không sai. Vậy nay về phần chúng tôi cũng vậy mà về phần các ông cũng vậy, ta phải tìm phương-pháp thế nào cho xứ này nhờ hai bên mà ngày trở nên tốt đẹp thịnh vượng. Muốn vậy thì hai bên phải hiệp sức nhau, nhất là các ông là những bậc tai mắt trong bản-xứ phải giúp chúng tôi mà tìm cách thực-hành những chánh-sách hay, có ích-lợi cho hai nước. Không nói các ông cũng biết, cái chánh-sách nhà nước Đại-Pháp ở đây, từ xưa đến nay chẳng qua là cái « chánh sách kinh-nghiệm » mà thôi, nghĩa là đi đến đâu biết đến đấy, được đến đâu hay đến đấy, chưa có cái chủ-nghĩa gì nhất-định khiến cho trước sau liên-tiếp nhau, mà đi cho tới một cái mục-đích đã định. Cái chủ-nghĩa ấy, nay ta phải gây cho thành mới được. Muốn gây cho thành một cái chủ-nghĩa như vậy, phải cần đến những cái đoàn-thể như hội các ông giúp Chánh-phủ mà dựng nên. Cho nên tôi nói cái mục-đích của Hội các ông là hay. Tôi lại nói hội các ông là hợp-thời nữa. Nước Đại-Pháp vừa mới qua một cuộc chiến tranh khó-nhọc. Xứ Đông dương này, nhất là nước An-nam, đã giúp vào một phần to, giúp người, giúp của, giúp đồ dùng, giúp vật-liệu, Xứ Đông-dương đã có công với Mẫu-quốc. Mẫu-quốc tất không bao giờ quên. Vậy thời

úc này là lúc cơ-hội tốt mà các ông có thể yêu-cầu, Mẫu-quốc có thể chuẩn-hứa cho các ông được nhiều sự mở-mang về đường chính-trị mà trước kia chưa từng được. Cái chánh-sách của tôi thì các ông đã biết: cái chánh-sách của tôi là cái chánh-sách khai-phóng. Tôi muốn mở-mang cho các ông được rộng quyền bàn-bạc, được rộng quyền tham-dự việc chính-trị trong nước. Nhưng cứ như cái hiến-pháp xứ Đông-dương ngày nay thì Đông-dương đối với Đại-Pháp vẫn là một nước nội-thuộc, nhất nhất cái gì cũng là tùy thuộc với Mẫu-quốc cả. Chánh-phủ Đông-dương không có cái quyền thi-thố gì cả. Bây giờ ta phải yêu-cầu thế nào cho được cái quyền ấy mới được, cho xứ Đông-dương này đối với Mẫu-quốc tuy vẫn không cách-biệt, mà lại có cái tư-cách tự cai-trị lấy mình, cho ông Toàn-quyền là người đứng đầu cầm quyền trong xứ thật được đủ « toàn-quyền » mà thi-thố, cho quốc-dân cũng được có quyền mà tham-dự về việc bàn-bạc các chánh-vụ, một bên là quyền lập-pháp một bên là quyền hành-chánh, hai bên điều-hòa nhau cho các cơ-quan về chánh-trị được hoạt-động. Đó là cái mục-đích của tôi đó ; đó là kết-quả của cái chánh-sách tôi vẫn thi-hành xưa nay. Tôi sắp có dịp trở về Mẫu-quốc, tôi sẽ hết sức vận-động cho cái chánh-sách ấy thành được. Vì tôi chắc rằng cái chánh-sách ấy mới là cái chánh-sách phải đường, mới thật là cái chánh-sách của nhà nước Đại-Pháp, vì nhà nước Đại-Pháp vốn nhân-từ, vốn muốn khai-hóa cho người ta, chớ không hề bao giờ bó buộc người ta. Ai phản-đối cái chánh-sách ấy là phản đối cái tinh-thần nước Đại-Pháp vậy. Tôi cũng biết rằng trong người Pháp chúng tôi tuy phần nhiều là đồng ý với tôi mà có một số ít người chỉ muốn chực phá đổ cái công-cuộc của tôi đã gây thành. Nhưng mà không, không bao giờ phá đổ được. Cái thế-lực ở đây cho dẫu mạnh đến thế nào nữa, còn có cái thế-lực của Mẫu-quốc mạnh hơn, mà Mẫu-quốc không bao giờ để cho có kẻ xâm-phạm đến những công cuộc có ích-lợi cho dân. Những ý-kiến tôi nói đây rồi tôi sẽ có dịp nói tường-tận, nói công-đồng cho ai nấy đều biết, cho khỏi có người hiểu lầm. Tôi nói đây là chỉ để cho các ông rõ rằng một Hội như Hội các ông mới lập đây có thể giúp cái chính-sách ấy được nhiều vậy.... Tôi cảm ơn các ông đã tặng tôi chức « danh-dự-hội-trưởng » hội Khai-trí : tôi xin vui lòng mà nhận... «

Các hội-viên lại xin với quan Toàn-quyền trước khi trở về quí-quốc cho phép Hội nghênh-tiếp ngài để tỏ lòng luyến-ái của quốc-dân An-nam. Ngài cũng vui lòng nhận ngay. Các Hội-viên hỏi ngài chừng bao giờ thì có thể mời ngài được : Ngài nghĩ một hồi rồi đáp chừng vào cuối tháng avril này.

Trước khi cáo lui, các hội-viên có xin quan Toàn-quyền cho phép chụp cái ảnh ngài đứng cùng với các hội-viên làm « danh-dự hội-trưởng» để giữ làm cái kỷ-niệm về sau. Ngài cũng vui-vẻ mà nhận lời ngay.

11 giờ một khắc thì các hội-viên chào quan Toàn-quyền lui về.

Trước khi ra về, các hội-viên bàn nhau ủy quyền hai ông phó hội-chủ là ông Hoàng Trọng-Phu và ông Nguyễn Hữu-Thu để sắp đặt việc nghênh-tiếp quan Toàn-quyền cuối tháng sau này.

Việc vặt trong Hội. — *1*· Các giấy má gì về việc Hội, xin gửi cho ông PHẠM QUỲNH là tổng thư-ký Hội, để bao bì như sau này :

Monsieur Phạm Quỳnh

Secrétaire général de l'A. F. I. M. A.

119 Rue du Coton, Hanoi

2· Các ngài có chân sáng-lập và chủ-trì xin gửi tiền nhập hội 20 $ về cho ông LÊ VĂN-PHÚC, là tổng thủ-quĩ của hội, để bao bì như sau này :

Monsieur Lê Văn-Phúc

Trésorier général de l'A. F. I. M. A.

14-16 Rue du Coton, Hanoi

Ông Phúc nhận được tiền sẽ gửi biên-lai lại.

3· Trong tháng Mars này có nhiều ông mới xin vào chân chủ-trì. Theo điều-lệ thì phải có các ông sáng-lập và chủ-trì cũ bàn đủ về thời mới được, nên kỳ này chưa đăng tên vào báo kịp. Nay cứ như lời quyết-định của hội-đồng bữa trước thì cách bàn định như sau này cho giản-tiện : bao nhiêu ông mới xin vào chủ-trì thì kê tên ra một mảnh giấy, đính theo vào báo Nam-Phong gửi cho các ông sáng-lập và chủ-trì cũ, xem tên nào muốn bàu thì đề, không muốn bàu thì sóa, rồi gửi về cho Tổng thư-ký cộng các số vé, và tính xem những ông nào đủ vé được bàu, kỳ sau sẽ đăng tên vào báo.

4· *Nam-Phong tạp-chí* đã công-nhận làm cơ-quan của hội, nên hội-đồng trị-sự định rằng hết thảy các hội-viên, bất cứ thuộc về hạng nào,

đều phải mua cả, vì các công việc hội đều đăng trong *Nam-Phong* hết, trừ ông nào vốn đã mua đồng-niên từ trước rồi thời không kể. Vậy nhà báo cứ gửi luôn báo cho hết thảy các ngài có chân hội mà trước chưa mua, tiền báo các ngài sẽ gửi trả sau cũng được.

Tên các ông xin vào chân thường-hội-viên. — Hội có nhận được tên các ông sau này xin vào chân thường-hội- viên. Theo điều-lệ đăng báo, trong hai tháng không có ai dị-nghị thì được vào hội.

Ông Bùi Trình-Khiêm,	buôn bán ở Nam-định.
Hoàng Đình-Nhạc,	— Hà-đông.
Khương Quang-Hân,	làm việc ở nhà Baron, Nam-định.
Lê Văn-Huệ,	chủ nhà giấy thép Đáp-cầu.
Nguyễn Gia-Hội,	tổng-sư ở xã Nhật-lệ, Hưng-yên.
Nguyễn Hữu-Tiến,	làm nhà Đồng-ích-hội, Hà-nội.
Nguyễn Ngọc-Kiểm,	hậu-tuyển tri-huyện, Quảng-yên.
Nguyễn Văn-Bình,	lĩnh ti-rượu, Thái-nguyên.
Nguyễn Văn-Minh	làm việc sở xe hỏa Vân nam.
Nguyễn Văn-Nguyên,	thông-phán tòa Thương-chánh, Thanh-hóa.
Nguyễn Tri-Túc,	buôn bán ở Phủ-từ-sơn.
Nguyễn Triệu,	làm sở Vô-tuyến-điện, Hà-nội.
Phạm Duy-Trí,	thư-ký sở xe-lửa, Phủ-lý.
Phạm Hữu-Thái,	hậu-bổ Quảng-yên.
Phạm Quang-Thước,	thừa-phái tòa-án nhị-cấp Quảng-yên.
Phạm Trọng-Thông.	làm sở nung gạch Đáp-cầu.
Trần Minh-Thu,	làm sở đồn-điền ở Phú-thụy.
Trần Thụy-Ứng,	làm sở giấy thép Đa-phúc.
Từ Duy-Quán	buôn bán ở xã Hà-hồi phủ Thường-tín
Từ Văn-Nông,	buôn bán ở huyện Đan-phượng (Cầu Phùng)
Vũ Đình-Phụng,	thư-ký ở cửa hàng G. M. R., Hà-nội.

Xin các hội-viên, ông nào có điều dị-nghị gì về phần các ông có tên trên này cùng các ông đã kê tên trong kỳ báo trước, thì viết thơ về cho Hội biết.

Cải-chính. — Kỳ trước tên ông **Nguyễn Đức-Thục**, in lầm là **Nguyễn Hữu-Thục**, nay xin cải chính.

SỬA LẦM

Bài « **Văn Nam-kỳ** » của ông NGUYỄN-HẢO-VĨNH bao nhiêu chữ *Antônio* đọc là *Ăntônio* cả, bao nhiêu chữ *Venice* đọc là *Venise* cả.